



"Một tiếng nói độc đáo đầy uy lực từ văn học Chile!"

— Ursula K. Le Guin

LUIS SEPÚLVEDA

Lão già mê đọc
truyện tình



nhà nam



nhà xuất bản hội nhà văn

LÃO GIÀ MÊ ĐỌC TRUYỆN TÌNH

Luis Sepúlveda

Đào Tiểu Vũ eBook - www.dtv-ebook.com

Giới Thiệu

. Được viết lên từ cảm hứng hùng tráng của núi rừng đại ngàn, Ông đọc truyện tình là câu chuyện kể về cuộc sống trước bao biến động bên dòng Amazon kỳ vĩ. Mạnh mẽ và giàu chất thơ, đậm sắc Mỹ Latinh, cuốn sách chinh phục trái tim hàng triệu độc giả khắp thế giới...

ÔNG GIÀ ĐỌC TRUYỆN TÌNH

Luis Sepúlveda

Mục Lục

Giới Thiệu

Mục Lục

Lời Giới Thiệu:

Chương 1

Chương 2

Chương 3

Chương 4

Chương 5

Chương 6

Chương 7

Chương 8

ÔNG GIÀ ĐỌC TRUYỆN TÌNH

Luis Sepúlveda
www.dtv-ebook.com

Lời Giới Thiệu:

Luis Sepúlveda sinh năm 1949 tại Ovalle, Chile. Sau khi tốt nghiệp trung học, ông học ngành kịch nghệ tại Đại Học Quốc Gia Chile. Năm 1969, ông được học bổng 5 năm để tiếp tục học ngành kịch nghệ tại Đại Học Mátxcơva, nhưng chỉ sau 5 tháng, ông bị đuổi học vì đã kết bạn giao du với một vài người bất đồng chính kiến dưới chế độ Xô - viết, và phải quay về Chile.

Lông trở thành một lãnh tụ của sinh viên và làm việc với bộ văn hóa của chính phủ Salvador Allende, phụ trách việc xuất bản những tác phẩm văn học cổ điển với giá rẻ cho quần chúng. Sau vụ đảo chính 1973, chế độ quân phiệt của nhà độc tài Augusto Pinochet đã bắt giam Luis Sepúlveda 2 năm rưỡi, rồi được thả nhờ sự can thiệp của Hội Ân Xá Quốc Tế (chi nhánh Đức), nhưng vẫn bị quản thúc tại gia. Thế nhưng, ông đã trốn thoát và ẩn nấp bí mật gần một năm và thành lập một nhóm kịch phản kháng. Rồi ông bị bắt lần nữa và lãnh án tù chung thân (sau này được giảm còn 28 năm tù) vì tội "phản quốc" và "phiến loạn".

Hội Ân Xá Quốc Tế (chi nhánh Đức) lại can thiệp, và bản án của ông được giảm xuống còn 8 năm lưu đày, và năm 1977 ông rời Chile. Từ đó, ông sống và làm việc ở nhiều nước khác nhau, tiếp tục hoạt động như một nhà vận động chính trị - xã hội, và trở thành một nhà văn nổi tiếng. Ông đã xuất bản gần hai mươi tác phẩm văn chương. Ngoài ra, ông còn hoạt động trong ngành điện ảnh, và đã thực hiện bốn cuốn phim.

Ngày 19. 2. 2009 vừa qua, ông được trao tặng giải thưởng lớn Premio Primavera de Novela với số tiền 200 ngàn Euro cho tiểu thuyết La sombra de lo que fuimos [Bóng tối của quá khứ chúng ta, 2009].

Tuy nhiên, cuốn Un viejo que leía novelas de amor [Một ông già đọc tiểu thuyết tình yêu, 1989] là tác phẩm nổi tiếng nhất của ông. Cuốn này đã được xuất bản qua hơn 60 ngôn ngữ.

ÔNG GIÀ ĐỌC TRUYỆN TÌNH

Luis Sepúlveda
www.dtv-ebook.com

Chương 1

Bầu trời ửng nước như bọng một con lừa treo rất thấp lừng lơ đe dọa trên đầu. Gió nồng nhóp nháp thổi qua đám lá cây xơ xác, quay quật những cây chuối còm cõi được trồng làm cảnh trước mặt tiền tòa thị chính.

B

Một vài người dân ở làng El Idilio, cùng một nhóm người lang thang đến từ những vùng lân cận đang chờ trên bờ sông. Họ đợi đến lượt mình để được ngồi lên chiếc ghế chữa răng của bác sĩ nha khoa Rubincondo Loachamín. Ông ta đang thực hiện một biện pháp gây tê kỳ lạ bằng ngôn ngữ.

— Thế này có làm chú mày đau không? — Ông hỏi.

Tay bám chặt vào thành ghế, bệnh nhân trợn mắt ra hiệu, mồ hôi toát ra ròng ròng. Có người thử cố kéo bàn tay thô bạo của bác sĩ từ trong mồm mình ra, để có thể trả lời bằng những lời thô tục cho đúng với cảm giác mà họ phải chịu đựng, nhưng họ vấp phải những bắp thịt cứng cứng rắn và giọng nói đầy uy quyền của ông.

— Ngồi yên, đồ chó. Hạ hai cái cằm trước xuống! Đúng là nó đau, nhưng lỗi của ai, hử? Của thằng này? Không, đó là lỗi của nhà nước. Hãy nhồi điều đó vào đầu, do nhà nước. Đây là tội lỗi của nhà nước khi chú mày có những cái răng thối và nó làm chú mày đau. Lỗi của nhà nước...

Bệnh nhân bất hạnh chỉ còn biết nhắm mắt lại chịu đựng, hoặc ngộ ngậy cái đầu. Bác sĩ Loachamín căm ghét nhà nước, mọi kiểu nhà nước, tất cả các nhà nước. Là con ngoài giá thú của một người dân di cư gốc Tây Ban Nha, ông thừa kế từ cha mình sự căm ghét sâu sắc đối với tất cả những gì đại diện cho quyền lực. Nhưng lý do chính xác của lòng căm thù đã mất đi theo những năm tháng của tuổi trẻ. Bây giờ những lời nguyền rủa vô chính phủ của ông chỉ còn như một thứ bài giảng đạo đức, khiến ông gần gũi, thân mật với mọi người hơn.

Ông nguyền rủa, chống các chính quyền nối tiếp nhau cũng giống như ông chống những người Mỹ thịnh vượng tới đây từ những khu thăm dò dầu mỏ ở Coca. Những kẻ nước ngoài thiếu lịch sự, họ dám chụp ảnh những cái miệng há hốc của bệnh nhân mà không chịu xin phép ông.

Cách đó vài bước chân, ê-kíp của tàu Sucre đang khuân lên boong những buồng chuối xanh và những bao tải cà phê. Ở đầu bến những két bia, rượu mạnh hiệu Frontera, muối, bình ga chất thành đống. Chúng được chuyển lên bờ ngay từ sáng sớm.

Tàu sẽ nhổ neo ngay khi bác sĩ chữa xong tất cả các hàm răng. Nó sẽ ngược dòng sông Nangaritza, rồi xuôi vào sông Zamora. Sau bốn ngày lênh đênh chậm rãi trên sông, tàu sẽ cập bến cảng sông El Dorado.

Con tàu giống như một cái thùng cũ kỹ nổi trên sông. Nó còn nhúc nhích được là nhờ vào ý chí của người thợ máy chính, sự cố gắng của hai thủy thủ lực lượng trong ê-kíp, cũng như sự dẻo dai của chiếc đầu máy diesel cũ kỹ. Tàu sẽ không quay lại đây trước khi mùa mưa kết thúc. Điều mà bầu trời xám xịt màu tang báo hiệu chúng đang tới gần.

Bác sĩ Rubincondo Loachamín ghé tới đây một năm hai lần, giống như người đưa thư của bưu điện, người họa hoãn lắm mới đem đến một bức thư cho dân chúng. Chủ yếu anh ta mang đến những giấy tờ hành chính dành

cho ông xã trưởng hay những bức chân dung nghiêm nghị đã bạc màu vì độ ẩm của vị thống đốc bang đương quyền.

Mỗi chuyến tàu ghé qua, dân chúng chẳng chờ đợi điều gì khác ngoài việc nhận hàng hóa dự trữ: muối, bia, rượu mạnh, bình ga. Mặc dù vậy, sự xuất hiện của bác sĩ cũng được đón chào bằng một sự thờ phào nhẹ nhõm, đặc biệt của những người còn sống sót sau đợt sốt rét. Một mối vì phải khạc nhổ những mẩu vụn còn sót lại của chân răng, họ mong muốn có được một hàm răng sạch sẽ, để có thể thử những bộ răng giả, được bày trên một cái thảm màu tím. Tắm thơm gọi cho người ta màu khăn tím của giám mục tòa thánh.

Vừa luôn mồm nguyên rửa chính phủ, bác sĩ vừa nhổ hết những gì còn sót lại của chân răng. Sau đó ông bắt bệnh nhân súc miệng bằng rượu mạnh.

— Để xem nào, chú mày thấy thế nào, với cái hàm này?

— Nó chật quá, nhà em không thể ngậm miệng được.

— Đừng khó tính quá như một lũ con gái ông ọ, thử cái hàm khác xem!

— Cái này lại lỏng, nhờ nhà em ho, nó sẽ văng ra.

— Thế thì chú mày cố gắng đừng để bị cúm. Thằng đần, há mồm ra!

Họ ngoan ngoãn nghe theo lời bác sĩ. Sau khi thử vài cái hàm răng giả khác nhau, cuối cùng họ cũng tìm được một cái vừa ý để mặc cả giá, trong khi bác sĩ khử trùng những cái còn lại bằng cách nhúng chúng vào nước sôi pha cờ-lo.

Với người dân ở trên các triền sông Zamora, Yacuambi, và Nangaritza, cái ghế chữa răng của bác sĩ Rubincondo Loachamín có một vị trí đáng

kính trọng. Thực ra đó chỉ là một cái ghế cắt tóc cũ, chân và thành ghế tráng men trắng, mà thuyền trưởng và cả ê-kíp phải dùng hết sức lực mới bê được lên bờ. Nó được đặt lên một cái bục hình vuông rộng khoảng một mét, được bác sĩ gọi là phòng khám.

— Trong lúc khám bệnh, có chúa chứng giám, ta là người chỉ huy. Ở đây, phải tuân lệnh ta. Ra khỏi phòng khám, các người muốn gọi ta là gì cũng được: lão nhõ răng, thẳng móc mồm, thẳng bóp lưỡi,... hay bằng bất cứ danh từ nào xuất hiện trong óc các người. Các người còn có thể mời ta một ly rượu.

Những người đang chờ đến lượt mặt như đưa đám. Còn những người đã nếm mùi cái kìm nhõ răng trông cũng chẳng sáng sủa hơn.

Những kẻ duy nhất còn cười được là những người da đỏ Jivaro. Họ ngồi xồm xung quanh phòng khám quan sát. Jivaro là tên dành cho những thổ dân bị chính bộ tộc của mình, bộ tộc Shuars, từ bỏ. Họ coi người Jivaro là những kẻ thoái hoá, biến chất bởi tập quán của bọn "Apaches", một từ dùng chỉ người da trắng. Người Jivaro mặc những đồ rách rưới của người da trắng thải ra, chấp nhận không phản đối cái tên Jivaro, vốn được những kẻ chinh phục Tây-ban-nha đặt cho. Jivaro có nghĩa là mọi rợ.

Có một khoảng cách lớn khủng khiếp giữa một người Shuars cao thượng và kiêu ngạo, người biết tất cả những bí ẩn của vùng rừng Amazon, và một người Jivaro, như những người đang tụ tập trên bờ sông ở làng El Idilio này. Họ đến đây với hy vọng xin được một chút rượu.

Những người da đỏ cười hở hàm răng được mài nhọn hoắt bằng đá cuội dưới sông.

— Còn những thẳng kia, nhìn cái gì? Không lúc này thì lúc khác, chúng mày cũng sẽ nếm mùi, những con khỉ kia.

Bác sĩ đe dọa họ. Sung sướng vì có người bắt chuyện, những người Jivaro trả lời.

— Jivaro răng tốt. Jivaro ăn nhiều thịt khi.

Đôi khi một bệnh nhân rú lên làm cho cả chim chóc cũng hoảng sợ. Bác sĩ nới gọng kìm ra bằng cách đập bàn tay vào cán.

— Hãy ngồi yên như một thằng đàn ông. Ta biết là ta làm chú mày đau, nhưng ta đã nói rồi, đấy là lỗi của ai? Đừng có làm vẻ gớm ghiếc. Ngồi yên để chứng tỏ cho mọi người biết, chú mày không bị thọt hai hòn dái lên tới cổ.

— Nhưng bác sĩ đã nhổ cả linh hồn nhà em, cho em xin ngậm nước.

Bác sĩ đã nhổ xong răng của bệnh nhân cuối cùng. Ông trút một tiếng thở dài, gọt những hàm răng giả không bán được trong cái thảm tím như màu khăn của giáo chủ. Trong lúc tẩy trùng các dụng cụ, ông nhìn thấy một con thuyền độc mộc của một người Shuars đi qua.

Người thổ dân đứng chống sào ở phía cuối con thuyền mỏng mảnh. Đến ngang tầm tàu Sucre, anh ta chống nó cập vào thân con tàu. Khuôn mặt nhăn nhó cái kính của thuyền trưởng hiện ra từ trên mạn tàu. Người Shuars vừa hoa chân múa tay giải thích một điều gì đó vừa không ngớt khạc nhổ.

Bác sĩ lau khô các dụng cụ nha khoa, xếp chúng vào một cái cặp da đen, rồi ông cầm chiếc khay đựng những cái răng đã nhổ hất nó xuống dòng nước. Thuyền trưởng và người thổ dân đi ngang qua ông, rảo bước về phía tòa thị chính.

— Bắt buộc phải chờ rồi, bác sĩ. Người ta mang đến cho chúng ta xác một thằng gringo. Cái tin mới này không làm cho ông thích thú. Sucre là một con tàu chật chội, đặc biệt trong những chuyến quay về, khi người ta chất đầy tàu chuối xanh và những bao tải cà-phê thô cuối mùa đã thối gần

một nửa. Mùa mưa có thể đuổi kịp con tàu, một chuyện có khả năng xảy ra, do nó đã bị chậm một tuần bởi những hỏng hóc kỹ thuật. Nếu như vậy hàng hóa, hành khách, và cả ê-kíp phải chung nhau một cái mái bạt, không có đủ chỗ để treo võng. Vì thế sự hiện diện của một xác chết càng làm cho chuyến đi mệt mỏi hơn.

Bác sĩ giúp mọi người khuân cái ghế lên tàu, rồi quay xuống bờ sông. Antonio José Bolívar Proano đã đứng chờ sẵn ở đó. Đó là một ông già nhưng thân thể vẫn còn gân guốc, một người hình như chẳng để ý gì về việc mình mang một cái tên nổi tiếng như thế. Ông lão vẫn chưa chết à, Antonio José Bolívar?

Ông già làm bộ ngửi hai bên nách của mình trước khi trả lời:

— Người ta có thể nói là chưa. Lão chưa bốc mùi, còn bác sĩ, hôm nay kiểm có khá không?

— Răng của lão thế nào?

— Lão luôn có trong người. Ông già trả lời, thò tay vào túi lôi ra một cái khăn mùi - xoa bạc màu. Ông giở nó ra và chỉ cho bác sĩ thấy bộ răng giả.

— Tại sao lão không dùng, lão già say khướt kia?

— Lão lắp ngay bây giờ. Lão không ăn, cũng không nói, vậy lắp vào mồm làm gì cho phí của.

Ông già lắp hàm răng vào mồm, nhai khan vài cái, khạc nhổ vung vãi xung quanh rồi chìa cho bác sĩ một chai rượu mạnh Frontera.

— Cám ơn. Hôm nay tôi cũng kiểm được.

— Rõ rồi. Bác sĩ nhổ 26 cái răng cộng với một đồng chân răng sâu, nhưng vẫn không phá được kỷ lục của mình.

— Lão ngồi đếm à?

— Đếm vì tình bạn, để còn mừng cho những thành công của bạn bè. Nhưng trước đây vẫn khá hơn đấy, bác sĩ có thấy vậy không? Lúc đó còn có nhiều người khai hoang trẻ. Bác sĩ còn nhớ gã đến từ Manta. Hắn đòi nhổ cả hàm răng để đánh cược?

Bác sĩ Rubincondo Loachamín nghiêng đầu, sắp xếp lại những kỷ niệm, và cuối cùng tìm thấy hình ảnh một gã thanh niên, ăn mặc theo kiểu dân vùng Manta. Gã mặc một bộ cánh trắng, đi chân đất, nhưng lại đeo một cái cựa giầy nhỏ bằng bạc.

Gã đi đến phòng khám cùng một đám thanh niên khoảng chừng 20 người. Tất cả đều có vẻ đang say. Đây là những người lang thang đi tìm vàng, không có chỗ ở cố định. Người ta gọi họ là những người hành hương vì họ chẳng quan tâm đến việc kiếm vàng bằng cách nào, đãi vàng trên bờ sông, hay trong túi đồng loại.

Gã để rơi mình vào ghế, nhìn bác sĩ với một vẻ ngây ngô.

— Anh muốn gì?

— Ông nhổ cho tôi tất cả hàm răng, từng cái một, rồi để nó lên đây, trên mặt bàn.

— Há mồm ra.

Gã ngoan ngoãn nghe lời. Bác sĩ thấy dù có nhiều răng bị hỏng, nhưng một bên hàm vẫn còn tốt. Một số cái bị sâu, những cái khác còn nguyên vẹn.

— Anh vẫn còn nhiều răng tốt. Nhưng có đủ tiền để trả không?

Gã mất đi vẻ ngây ngô.

— Chuyện như thế này, bác sĩ. Bọn đi cùng này không tin thằng này dũng cảm. Vì thế thằng này cược với chúng sẽ nhổ hết hàm răng của mình, lần lượt từng cái một, và cam đoan không kêu một tiếng. Bọn tôi đã cược với nhau. Bác sĩ giúp thằng này một tay. Thẳng cuộc, bác sĩ và thằng này, mỗi người sẽ được một nửa.

— Đến cái răng thứ hai, mày sẽ đá ra quần và sẽ khóc tu tu gọi mẹ. — Có tiếng một ai đó kêu lên trong đám đông, và cả bọn cười rộ lên.

— Tốt nhất là tiếp tục uống rượu và suy nghĩ đi. Đừng có đùa một cách ngu xuẩn như thế. — Bác sĩ nói.

— Đây, việc nó là như thế. Nếu bác sĩ không giúp thằng này thẳng cược, thì anh bạn nhỏ này của hãn sẽ xin bác sĩ cái đầu.

Mắt gã sáng lấp lánh trong khi tay gã vuốt ve chuôi con dao quắm đeo bên người.

Thế thì bắt buộc phải làm thôi. Gã há mồm, để bác sĩ đếm lại số răng. Ông tuyên bố có tất cả 15 cái. Gã đặt lên trên cái khăn bày răng giả một dãy 15 cục vàng, mỗi cục cho một răng. Những kẻ tham gia đặt cược thẳng hoặc thua bỏ thêm vàng vào đó. Từ cái răng thứ 5 số lượng vàng tăng đáng kể. Gã để cho nhổ 7 cái răng đầu tiên mà không nhúc nhích một bắp thịt. Yên lặng tới mức người ta có thể nghe thấy được tiếng ruồi bay. Đến cái răng thứ 8, máu ra nhiều ngập cả mồm. Gã không nói được, nhưng giơ tay ra hiệu đòi nghỉ.

Gã khạc nhổ nhiều lần, làm máu đọng thành cục trên bực đất. Gã hớp một ngụm rượu lớn, quần quai trên ghế vì đau đớn, nhưng không hé một lời. Sau lần khạc nhổ cuối cùng, gã giơ tay ra hiệu cho bác sĩ tiếp tục.

Kết thúc cuộc tàn sát, mồm hoàn toàn không còn cái răng nào, mặt sưng vù tới mang tai, gã người Manta thể hiện một thái độ toại nguyện trong lúc chia phần thắng với bác sĩ.

— Đúng thế, — bác sĩ Loachamín hớp một ngụm rượu — đây là thời kỳ huy hoàng.

Những giọt rượu cất từ mía làm cháy cổ họng làm bác sĩ nhăn mặt trả lại chai rượu.

— Đừng có nhăn nhó như thế. Cái đồ quý này giúp người ta tẩy giun trong ruột — Antonio José Bolivar nói. Rồi lão dừng lại giữa chừng, không thể tiếp lời.

Hai cái thuyền độc mộc tiến lại gần. Trong một chiếc thuyền, nhô ra một cái đầu tóc vàng bất động.

ÔNG GIÀ ĐỌC TRUYỆN TÌNH

Luis Sepúlveda
www.dtv-ebook.com

Chương 2

Ông xã trưởng là nhân viên hành chính duy nhất ở đây. Ông là người đại diện cho quyền lực tối cao của nhà nước đối với cái xó heo hút này, nhưng nó quá xa xôi để có thể làm người ta khiếp sợ. Đó là một nhân vật to béo, người luôn ướt sũng mồ hôi.

Dân chúng đồn rằng ông ta bắt đầu ra mồ hôi từ giây phút đầu tiên đặt chân lên bờ sông, khi ông ta theo tàu Sucre tới. Từ đó ông ta không ngừng lau rồi vắt cái khăn mùi-xoa ướt đẫm mồ hôi của mình. Dân chúng đặt cho ông ta tên lóng là ốc sên trần.

Họ cũng thì thào với nhau, trước khi mắc cạn ở làng El Idilio, ông ta có giữ một chức vụ nào đó trong một thành phố lớn trên cao nguyên nhưng do dính vào một vụ hối lộ, nên bị kỷ luật phải chuyển đến cái nơi heo hút này.

Ngoài việc lau mồ hôi, nỗi bận bịu lớn của ông ta là quản lý số bia dự trữ của mình. Ngồi trong phòng làm việc, ông ta uống dần từng chai, dè dặt từng ngụm nhỏ. Ông biết rất rõ, khi số bia dự trữ hết, thì thực tế cuộc sống còn trở nên vô vọng hơn nữa.

Đôi khi ông ta được sự may mắn ban cho một nụ cười, đó là lúc nỗi kham khổ tiết kiệm của ông được đền bù bởi một chai whisky mà một người Mỹ nào đó ghé qua để lại. Ông xã trưởng không bao giờ dùng rượu mạnh nội địa như mọi người, với lý do Frontera gây cho ông những cơn ác mộng, bởi ông ta luôn sống trong nỗi lo sợ bị phát điên.

Từ hồi nào không rõ, chả ai còn nhớ chính xác, ông ta sống chung với một người đàn bà da đỏ. Người mà ông ta luôn đánh đập dã man và buộc tội bà ta đã làm mê hoặc mình. Dân chúng đều chờ đến ngày mà bà ta sẽ giết ông. Nhiều người còn đánh cược về điều đó.

Kể từ ngày tới nhậm chức cách đây bảy năm, ông ta đã làm nhiều điều khiến tất cả mọi người thù ghét.

Ông ta áp dụng những cách thu thuế mới với nhiều lý do không thể hiểu nổi. Ông ta có tham vọng bán giấy phép săn bắn trên một địa bàn không thể quản lý. Ông ta muốn bắt dân chúng phải trả tiền thuế sử dụng khi nhặt củi ẩm trong những khu rừng nguyên sinh. Hăng hái quá mức, ông ta đã cho xây một căn nhà gỗ để giam những người say rượu không chịu trả tiền phạt vì tội làm mất trật tự công cộng. Một buổi tối, một trận cãi nhau nổ ra giữa ông ta và những người đi tìm vàng. Hai ngày sau, người ta tìm thấy xác ông ta bị chém vỡ đầu bởi một nhát dao rừng.

Trước khi chính quyền trung ương gửi con người bị đày ải xuống, hai năm liền tiếp theo làng El Idilio không có đại diện nhà nước để bảo vệ chủ quyền của Ecuador trên vùng rừng nhiệt đới mênh mông này, nơi mà biên giới chỉ là một khái niệm của tư duy.

Cứ thứ hai hàng tuần ông xã trưởng — như bị ám ảnh bởi ngày thứ hai — cho kéo cờ trên bờ sông, cho đến ngày một cơn lốc đã cuốn lá cờ rách tả tơi ấy vào rừng sâu, mang đi mất phương tiện thông báo thời gian duy nhất của dân chúng. Điều mà mọi người, không một ai quan tâm.

Xã trưởng ra đến bờ sông. Vừa thấm mồ hôi trên mặt, trên cổ, để rồi ngay sau đó vắt cái khăn sũng mồ hôi, ông ra lệnh kéo cái xác lên bờ. Đó là xác một người đàn ông trẻ, tuổi không quá 40, tóc vàng, thân thể lực lưỡng.

— Chúng mày tìm thấy nó ở đâu?

Những người thổ dân Shuars nhìn nhau, không hiểu họ có phải trả lời không.

— Những thằng mọi này không hiểu tiếng Tây Ban Nha à? — Ông xã trưởng cao giọng.

Một người thổ dân quyết định trả lời.

— Trên đầu sông, cách đây hai ngày đường.

— Chỉ cho tao vết thương.

Người thổ dân thứ hai nghiêng cái đầu xác chết lên. Côn trùng đã ăn nát mắt phải, nhưng mắt trái vẫn còn ánh lên màu xanh của đồng tử. Một vết thương chạy dài từ cằm tới vai trái, ở phía trong lòi ra những đường gân và mạch máu cùng những con dòi trắng nhờn lổm nhổm.

— Chính chúng mày đã giết nó.

Những người Shuars lùi lại.

— Không đúng, Shuars không giết.

— Đừng nói dối. Chính chúng mày đã giết nó bằng một nhát dao rùng. Rõ ràng như vậy.

Lão béo rùng rùng mồ hôi rút khẩu súng lục chìa vào đám thổ dân đang ngó ra vì kinh ngạc.

— Không đúng, Shuars không giết.

Người thổ dân cả gan nhắc lại lần nữa, nhưng một cái bóng súng giáng xuống đã làm anh ta ngừng lời. Một dòng máu mỏng manh như sợi chỉ từ từ chảy xuống trán anh ta.

— Đừng coi tao là đồ ngốc. Chính chúng mày đã giết nó. Đi theo tao, chúng mày sẽ có thời gian để giải thích ở nhà thị chính. Nhanh lên, lũ mọi rợ. Còn ông, thuyền trưởng, hãy chuẩn bị đón một, hai thằng tù lên tàu.

Thuyền trưởng tàu Sucre nhún vai, không trả lời.

Bất ngờ người ta nghe thấy tiếng của Antonio José Bolivar.

— Xin lỗi ông, đúng là ông tự bịt mắt mình để cố tình không nhìn thấy. Đây không phải là vết thương do dao chém.

Xã trưởng giận dữ vắt chặt chiếc khăn mùi-xoa của mình.

— Làm sao mày biết, lão kia?

— Tôi biết những gì tôi nhìn thấy.

Ông già lại gần cái xác, cúi người xuống, kéo cái đầu lên, rồi vạch tay vào vết thương.

— Ông có nhìn thấy những vết cắt song song với nhau không? Chúng rất sâu ở dưới cằm, càng xuống phía dưới vai càng nông. Ông hãy nhìn kỹ đi, không phải chỉ có một mà có bốn vết.

— Thì sao? Lão muốn nói gì?

— Tôi muốn nói, không thể có một con dao rùng bốn lưỡi. Đây là những vết cào. Những cái vuốt báo. Hẳn đã bị một con báo ở tuổi trưởng thành giết. Ông hãy nghĩ đi. Nó thối...

Xã trưởng lau mồ hôi trên cổ.

— Chắc chắn là nó thối. Xác đã rửa ra rồi.

— Ông cúi xuống và ngửi đi. Đừng có sợ người chết hay dòi bọ. Hãy ngửi mùi quần áo, tóc tai,... tất cả...

Cố nén lại cảm giác ghê tởm, lão béo nghiêng người xuống xác chết, khịt mũi đánh hơi như một con chó nhút nhát, nhưng tránh không đụng vào.

— Nó có mùi gì? — Ông già hỏi.

Những kẻ hiếu kỳ cũng tò mò xúm lại ngửi mùi cái thi thể bất động.

— Tôi không biết, làm sao tôi có thể biết? Mùi máu, mùi dòi bọ... — Xã trưởng trả lời.

— Mùi nước đái mèo — Một người trong đám đông nói.

— Của mèo cái, đúng thế! Đó là một con mèo cái khổng lồ. — Ông già sửa lại cho chính xác hơn.

— Điều đó không chứng tỏ những thằng da đỏ kia không giết hẳn.

Xã trưởng tìm cách lấy lại uy quyền, nhưng dân chúng chỉ chú ý vào Antonio José Bolivar.

— Hẳn ta bị một con báo cái giết chết. Con đực có thể bị thương đang đứng rình gần đó. Con báo cái đã giết hẳn ta. Sau đó nó đánh dấu con mồi bằng nước đái mình, để không cho các con thú khác ăn mất, trong khi nó đi tìm con báo đực.

— Đúng là chuyện cổ tích dành cho đàn bà. Chính những thằng mọi rợ kia đã giết, rồi chúng nó tưới nước đái mèo lên xác, hay là một thứ nước quái quỷ nào đó.

Những người thổ dân muốn phản đối, nhưng họng súng của xã trưởng vẫn chĩa vào họ, khiến họ lặng im.

Bác sĩ can thiệp.

— Nhưng họ giết để làm gì?

— Để làm gì? Câu hỏi của bác sĩ thực đáng ngạc nhiên. Để cướp, còn có động cơ nào khác? Những thằng mọi này, có điều gì cản được chúng?

Ông già buồn rầu lắc đầu nhìn bác sĩ. Bác sĩ hiểu Antonio José Bolivar vẫn chưa chịu. Ông giúp ông già bày những vật tùy thân của người chết lên bờ sông.

Một cái đồng hồ, một cái đĩa bàn, một cái ví căng phồng tiền, một cái bật lửa ga, một con dao sấn, một dây chuyền bằng bạc có mề đay hình đầu ngựa. Ông già quay sang nói với một người thổ dân bằng thứ tiếng của họ. Anh chàng này nhảy xuống thuyền với tay đưa cho ông một cái xác vải gai màu xanh.

Trong xác, người ta tìm thấy mấy băng đạn, và năm bộ da báo bé tí xíu. Những bộ da mèo vàng điểm chấm đen. Chúng dính phân và bốc mùi thối chẳng kém gì xác chết.

— Thưa ông rõ cả rồi, tôi nghĩ rằng vấn đề đã được giải quyết xong. —
Bác sĩ nói.

Xã trưởng mồ hôi vẫn chảy ròng ròng hết nhìn những thổ dân Shuars, ông già, bác sĩ, rồi những kẻ hiếu kỳ xúm quanh, không biết phải nói thế nào.

Khi nhìn thấy mấy bộ da báo, những người thổ dân nói với nhau với một vẻ lo lắng, rồi họ nhảy xuống thuyền.

— Đứng lại. Chúng mày phải chờ tao quyết định.

— Hãy để cho họ đi. Họ có những lý do chính đáng để lo lắng. Ông xã trưởng vẫn chưa hiểu à?

Ông già lắc đầu nhìn xã trưởng, rồi đột nhiên cầm lấy một bộ da báo ném về phía ông ta. Xã trưởng đỡ lấy với một vẻ mặt ghê tởm.

— Suy nghĩ đi, thưa ông. Ông làm xã trưởng ở đây bao nhiêu năm mà không học được điều gì. Cái thằng Mỹ mất dạy đã giết chết những con báo con, và chắc chắn bắn bị thương con báo đực. Hãy nhìn bầu trời, ông có thấy mùa mưa đang đến gần không? Bây giờ ông hãy tưởng tượng lại sự việc. Con báo cái phải đi kiếm mồi ăn cho no bụng, để có sữa cho con bú đầy đủ trong những tuần đầu tiên của mùa mưa. Những con báo con vẫn chưa cai sữa, nên con đực phải ở lại canh. Các loài thú, chúng sống như thế. Chính lúc đó thằng Mỹ bắn chúng.

Điên dại vì đau đớn, con báo cái lần theo rình mò. Nó sẽ săn người. Chắc chắn con báo cái chẳng gặp khó khăn gì để lần theo dấu thằng Mỹ. Nó chỉ cần đánh hơi mùi sữa báo dính vào thằng ngốc dại dột.

Con báo đã giết một người, đã cảm nhận và quen máu người. Với bộ óc bé nhỏ của nó, tất cả loài người là những kẻ sát sinh. Đối với nó chúng ta có cùng một mùi. Ông hãy để cho những người Shuars đi. Họ cần báo động cho gia đình và hàng xóm họ. Mỗi ngày trôi qua càng làm con báo thêm tuyệt vọng và nguy hiểm hơn. Nó sẽ lần xuống gần các làng, để đi tìm mùi máu.

Thằng Mỹ ngu xuẩn! Ông hãy nhìn những tấm da. Tất cả đều còn non, không thể sử dụng được. Chẳng ai đi săn bằng súng ngay trước mùa mưa. Ông có thấy những vết đạn trên da? Ông nhận thấy thế không? Ông buộc tội những người da đỏ, nhưng chúng ta biết, kẻ có lỗi là thằng Mỹ. Hắn đi săn ngoài mùa, lại săn những loài động vật bị cấm.

Ông nghĩ vũ khí của thằng Mỹ hiện ở đâu? Lão đảm bảo với ông, những người da đỏ không tìm thấy, vì họ phát hiện ra cái xác rất xa địa điểm hãn bị chết. Ông không tin lão phải không? Ông hãy nhìn đôi ủng. Gót nó bị xé nát, điều đó có nghĩa là con thú đã tha cái xác một quãng dài sau khi giết. Hãy nhìn những vết rách trên áo sơ mi, trên ngực. Đó là chỗ nó ngoạm vào để kéo. Thằng Mỹ tội nghiệp. Cái chết của hãn chắc phải thật khủng khiếp. Ông hãy nhìn vết thương. Một cái vuốt đã kéo đứt động mạch. Hãn đã hấp hối cả nửa giờ đồng hồ, trong lúc con báo liếm dòng máu sủi bọt tuôn ra. Sau đó, con thú thông minh đã kéo lê con mồi của mình đến tận bờ sông, ngăn cho xác không bị kiến rừng ăn mất. Rồi nó đá lên đánh dấu. Lúc những người Shuars tìm thấy xác chết, cũng là lúc con báo cái bỏ đi tìm con đực. Hãy thả những người thổ dân đi, và yêu cầu họ báo tin cho cả những người đãi vàng đang đóng trại bên bờ sông. Một con báo điên dại vì đau đớn còn nguy hiểm hơn hai chục tên giết người hạp lại.

Xã trưởng không trả lời. Ông ta bỏ đi viết báo cáo gửi đồn cảnh sát ở El Dorado.

Gió mỗi lúc một nóng và nhớp nháp, dính vào người, mang theo sự im lặng của rừng sâu, báo hiệu cơn dông sắp tới. Bất cứ một lúc nào, những cửa đập nước trên trời cũng sẵn sàng mở van. Từ phía toà thị chính, tiếng gõ máy chữ vang lên chậm rãi, trong lúc một vài người đàn ông đóng những chiếc đỉnh cuối cùng lên cái hòm được dùng để chở xác chết, nó đang bị người ta bỏ quên, nằm chờ trên mấy tấm ván bên bờ sông.

Thuyền trưởng tàu Sucre vừa chửi thề, vừa nhìn lên bầu trời đen như hắc ín. Ông không ngớt lăm bằm nguyên rửa xác chết. Ông ta tự tay rắc vào đáy thùng một lớp muối, dù hiểu rằng điều đó chẳng giải quyết được việc gì hơn.

Đáng ra phải làm giống như người ta vẫn thường làm với những người bị chết trong rừng, khi những đòi hỏi vô lý của luật pháp cấm không cho bỏ xác lại. Phải rạch thân thể từ cổ tới bụng, móc hết ruột vứt đi, rồi đổ đầy

muối vào. Đây là cách duy nhất giữ cho xác chết tạm coi được, cho đến phút cuối cùng của chuyến đi. Nhưng lần này, người chết là một thằng Mỹ trời đánh. Người ta phải đem hũ đi nguyên vẹn cùng với những con dòi đang làm ruỗng xác hũ từ bên trong. Lúc mang về đến nơi, xác hũ sẽ chỉ còn là một túi thịt hôi thối.

Ngồi trên những thùng chứa ga, bác sĩ và ông già yên lặng ngắm dòng nước trôi. Thỉnh thoảng họ truyền nhau chai rượu Frontera và hút những điếu xì gà làm bằng những lá thuốc lá già. Thứ xì gà duy nhất chịu đựng được độ ẩm ở vùng này.

— Đúng là đồ chó má. Antonio José Bolivar, lão đã bịt mõm hũ. Tôi không ngờ lão lại có tài năng thám tử đến thế. Lão đã làm cho hũ mất mặt trước mặt mọi người. Những người thổ dân kia không ăn cắp. Hi vọng có ngày những người Jivaro sẽ tặng cho hũ một mũi lao.

— Vợ hũ sẽ giết hũ. Cô ta đang tích trữ sự căm thù, nhưng chưa có đủ. Việc ấy đòi hỏi phải có thời gian.

— Nghe này, tôi hoàn toàn quên mất vì cái xác chết ngu xuẩn kia. Tôi mang cho lão hai quyển sách.

Mắt ông già sáng lên.

— Về tình yêu?

Bác sĩ làm hiệu gạt đầu.

Antonio José Bolivar Proano thường đọc những tiểu thuyết tình yêu, còn bác sĩ là người thường xuyên cung cấp sách cho ông trong mỗi lần ghé qua.

— Đó là những chuyện buồn?

— Có thể khóc được. Bác sĩ khẳng định.

— Với những người yêu nhau mãi mãi?

— Như là không một ai có thể yêu hơn thế.

— Và họ rất đau khổ?

— Tôi nghĩ rằng nếu là tôi, thì tôi sẽ không chịu nổi.

Thực sự, bác sĩ Rubincondo Loachamín không bao giờ đọc tiểu thuyết. Khi ông già nhờ kiểm hộ những quyển sách mà ông ưa thích với nội dung là những câu chuyện tình đau khổ, tuyệt vọng nhưng kết thúc có hậu, bác sĩ cảm thấy nhiệm vụ đó thật không dễ dàng. Ông sợ bị chê cười khi bước vào một tiệm sách và hỏi “Hãy tìm cho tôi một cuốn tiểu thuyết thật bi kịch với những nỗi đau khổ khủng khiếp và một kết thúc có hậu...” Người ta sẽ nghĩ ông giống như một bà cô già. Thế rồi tự nhiên ông tìm được giải pháp trong một nhà chứa bên bến cảng, điều mà ông không bao giờ hy vọng tới.

Bác sĩ thích những cô gái da đen, đầu tiên bởi họ dám nói những điều làm người ta tỉnh mộng để quay về với thực tế, hơn nữa các cô gái ấy không ra mồ hôi khi làm tình.

Một buổi tối sau khi thoả cuộc mây mưa với Joselina, một cô gái quê ở tỉnh Esmeraldas, người có một nước da nhẵn và khô như mặt trống, ông nhìn thấy một chồng sách xếp gọn gàng trên nóc tủ đầu giường.

— Em cũng thích đọc sách à? — Ông hỏi.

— Vâng, nhưng em đọc chậm lắm.

— Em thích những loại sách nào?

— Những tiểu thuyết tình yêu — Cô gái trả lời. Joselina có gu đọc sách giống như Antonio José Bolívar.

Bắt đầu từ buổi tối hôm đó, Joselina vừa làm nghĩa vụ người tình vừa đóng vai người bình luận văn học. Sáu tháng một lần, cô chọn hai quyển tiểu thuyết đây rấy những tình tiết đau khổ không sao tả nổi, để Antonio José Bolívar Proano cô đơn đọc chúng trong căn nhà của mình, đối diện với dòng sông Nangaritza.

Ông già cầm lấy hai quyển sách, ngắm nghía bìa và tuyên bố chúng làm ông hài lòng.

Cùng lúc, người ta mang thùng gỗ chứa xác chết lên tàu dưới sự kiểm soát của xã trưởng. Khi nhìn thấy bác sĩ, ông ta sai một người đến nói.

— Ông xã trưởng nhắc ông đừng quên trả tiền thuế.

Bác sĩ chìa mấy đồng tiền giấy đã chuẩn bị trước, rồi nói thêm vào:

— Ông ta nghĩ gì vậy. Nói với ông ấy, tôi luôn là một công dân gương mẫu.

Người ấy quay lại chỗ xã trưởng. Gã béo cầm lấy tiền nhét vào túi rồi giơ tay lên ngang trán ra hiệu chào.

— Hẳn chết ngập cả lưng với đồng thuế của hẳn. — Ông già bình luận.

— Những vết cắn ấy ở đây chẳng nhằm nhò gì so với những nơi khác. Nhà nước sống bằng cách ăn bám trên lưng dân thường. Mà đấy là chúng ta mới chỉ bị làm phiền bởi một con chó nhỏ hay gây sự.

Hai người tiếp tục uống rượu và hút thuốc, mắt dõi theo dòng nước xanh không ngừng chảy.

— Antonio José Bolívar, tôi thấy lão có vẻ trầm ngâm. Lão có điều gì lo lắng à?

— Bác sĩ nói có lý. Chuyện này không làm lão hài lòng chút nào. Lão chắc chắn con sên trần đang mưu tính một cuộc truy tìm con báo. Và điều này không làm lão yên tâm. Bác sĩ có nhìn thấy vết thương không? Đây mới chỉ là cái tát của nó. Con thú này rất to, những cái vuốt phải dài đến 5cm. Cứ giả sử nó mệt mỏi vì đói, một con thú như thế cũng còn nhiều sức lực. Không kể, mùa mưa tới sẽ xoá đi những dấu vết của nó, và cơn đói càng làm nó khôn ngoan hơn.

— Lão có thể từ chối không tham gia vào cuộc săn. Lão đã quá tuổi để tham dự vào những cuộc săn bắt như vậy.

— Bác sĩ đừng nghĩ thế. Nhiều khi lão còn muốn lấy vợ lần nữa. Một ngày nào đó, lão có thể gây bất ngờ khi yêu cầu bác sĩ làm nhân chứng kết hôn.

— Chỉ giữa chúng ta với nhau, lão bao nhiêu tuổi, Antonio José Bolivar?

— Dù thế nào đi nữa, lão cũng đã nhiều tuổi. Sáu mươi, theo giấy khai sinh. Nhưng phải tính đến việc lúc người ta khai giấy tờ, lão đã biết đi. Như vậy, có thể nói, lão nhiều phần cỡ độ bảy mươi.

Tàu Sucre báo hiệu rời bến, khiến hai người chia tay nhau vội vàng.

Ông lão còn đứng lại trên bờ sông nhìn theo cho đến lúc bóng con tàu biến mất, khi nó bị che khuất ở một khúc quanh của dòng sông. Quyết định mình sẽ không nói chuyện với bất cứ ai nữa, ông lão tháo hàm răng giả, gói nó vào khăn mùi-xoa, ôm chặt hai quyển sách vào ngực, đi về túp lều của mình.

ÔNG GIÀ ĐỌC TRUYỆN TÌNH

Luis Sepúlveda
www.dtv-ebook.com

Chương 3

Antonio José Bolívar biết đọc nhưng không biết viết. Giỏi lắm ông chỉ có thể nguệch ngoạc ký tên vào giấy tờ, ví dụ như khi đi bầu cử. Nhưng một sự kiện như vậy rất ít khi xảy ra, nên ông lão có thời gian để quên nó.

A

Ông đọc chậm chạp, giọng thì trầm, lẩm nhẩm từng chữ cái một giống như mồm đang nếm thử một món ăn. Khi đã nhẩm xong một chữ, ông đánh vần lại một hơi. Sau đó ông tiếp tục làm như vậy với một câu. Cứ như thế, ông chiếm lĩnh dần dần những tình cảm, ý nghĩa của từng trang sách.

Khi có đoạn làm ông cực kỳ thích thú, ông lặp đi lặp lại nhiều lần cho đến lúc cảm thấy đủ để nhận ra rằng làm sao ngôn ngữ loài người có thể đẹp tuyệt vời như vậy.

Ông thường dùng một cái kính lúp để đọc. Đồ vật này được xếp vào hàng thứ hai trong những đồ dùng quý báu nhất của ông. Nó chỉ đứng sau hàm răng giả.

Ông sống trong một căn nhà tranh rộng chừng 10m², đồ đạc hết sức sơ sài. Một cái võng vải gai, một thùng bia dùng làm giá cho cái bếp dầu, và một cái bàn có chân rất cao. Một hôm, khi cảm thấy đau lưng, ông hiểu rằng tuổi tác đã bắt đầu ngả xuống đời mình. Ông quyết định sẽ ngồi ít nhất. Chính vì thế ông mới đóng cái bàn cao lênh khênh này để có thể đứng ăn, và để đứng đọc sách.

Đó là một căn nhà mái lợp bằng rơm, cửa sổ hướng về phía dòng sông. Cái bàn được đặt trước cửa sổ này.

Gần cửa ra vào, có treo một cái khăn rửa mặt đã sờn rách, bên cạnh là bánh xà phòng. Ông dùng hết hai bánh một năm. Đó là một loại xà phòng tốt, có nhiều bọt, giặt rửa rất sạch quần áo, bát đĩa, đồ nấu bếp, thân thể và cả đầu tóc.

Trên tường trước cái vông, treo một tấm ảnh đã được sửa lại, tác phẩm của một thợ ảnh trên cao nguyên chụp một đôi vợ chồng trẻ.

Chàng trai, Antonio José Bolivar, mặc áo vét xanh, áo sơ mi trắng, đeo cà vạt kẻ sọc. Cái cà vạt chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của người thợ ảnh truyền thần.

Cô gái, Dolores, khoác trên người những đồ trang sức có thật. Những thứ vẫn còn tồn tại ở một chốn bưng bình trong trí nhớ, nơi vùi sâu gốc rễ của một cuộc đời cô đơn.

Chiếc khăn nhung xanh viền đẵng ten phủ đầu làm tăng thêm vẻ trang trọng của khuôn mặt, nhưng nó vẫn để lộ mái tóc đen nhánh được rẽ làm đôi, thả xoã xuống lưng. Một đôi hoa tai mạ vàng lủng lẳng ở dái tai, còn cổ cô thì đeo một sợi dây chuyền cũng mạ vàng quấn thành nhiều vòng.

Tấm ảnh cũng cho người ta thấy cái áo thêu theo một vùng Otavalo mà cô khoác trên ngực. Ở phía trên, đôi môi nhỏ xíu bôi son đỏ của cô gái nở một nụ cười.

Hai người quen nhau từ thuở nhỏ ở San Luis, một làng trên cao nguyên, gần ngọn núi lửa Imbabura. Họ đính hôn vào tuổi 13. Hai năm sau hai người tự nhiên trở thành vợ chồng, sau một lễ cưới mà họ không thật sự tham gia, như bị tê liệt bởi một cuộc phiêu lưu quá lớn so với chính họ.

Ba năm đầu cái gia đình trẻ con ấy sống trong nhà bố vợ. Đó là một ông già goá, người đồng ý để lại toàn bộ gia sản cho cặp vợ chồng, đổi lại những lời cầu nguyện và hứa hẹn chăm sóc cho ông lúc tuổi già.

Ông già qua đời lúc họ xấp xỉ tuổi 19. Hai người thừa hưởng mấy mét đất không đủ để nuôi sống gia đình, và bầy gia súc thì không còn sống sót lấy một con sau những chi phí tang lễ.

Thời gian trôi đi, người đàn ông vừa làm ruộng trên mảnh đất của gia đình, vừa đi làm thuê cho những chủ trại quanh vùng. Họ tự bằng lòng với những gì tối thiểu nhất. Điều thừa thãi duy nhất họ có là những lời bình phẩm xấu bụng của mọi người. Những điều đồn đại này không ảnh hưởng đến ông, nhưng làm Dolores ăn không ngon ngủ không yên.

Cô không có bầu. Hàng tháng kinh nguyệt đến đều đặn một cách ghê gớm. Mỗi lần tới tháng càng làm tăng thêm sự cô lập của cô.

— Con bé này đẻ ra đã vô sinh. — Các bà già nói với nhau.

— Tôi đã nhìn thấy kinh của nó từ lần đầu tiên. Nó chứa đầy những con nòng nọc chết. — Một bà già khẳng định.

— Con bé này đã chết từ trong ruột. Thứ đàn bà như nó thì dùng làm được việc gì? — Mấy bà già tiếp tục.

Antonio cố gắng an ủi vợ. Hai người đi khám hết thầy lang này đến thầy lang khác, thử mọi loại lá thuốc cũng như những loại dầu kích thích sinh sản.

Tất cả mọi cố gắng đều vô ích. Tháng này qua tháng khác, người phụ nữ trốn vào góc nhà để che giấu mọi người cái chu kỳ kinh nguyệt đáng xấu hổ.

Họ quyết định rời bỏ vùng cao nguyên vào ngày mà người ta nói với ông những lời gợi ý mất danh dự.

Có thể đây là lỗi phía đàn ông. Hãy để cho cô ấy ở một mình vào ngày hội San Luis.

Người ta yêu cầu ông mang vợ đến ngày hội tháng 6, bắt cô phải tham dự vũ hội và buổi chuốc rượu tập thể. Khi cha cố vừa quay lưng đi, dân chúng nằm ngả ngớn trên thềm nhà thờ sẽ đua nhau uống rượu mạnh nguyên chất được cất từ mía. Một thứ sản phẩm thừa lấy từ bã làm đường được ép bởi cối xay gió. Rượu làm các thân thể quẩn lấy nhau trong sự đồng lõa của bóng đêm.

Antonio từ chối khả năng làm bố của một đứa trẻ sinh ra trong hội giả trang. Anh nghe tin chính phủ có chương trình khuyến khích dân đi khai hoang vùng Amazon. Nhà nước hứa chia cho mỗi gia đình một diện tích đất khá rộng, giúp đỡ kỹ thuật, đổi lấy việc họ định cư ở vùng đất biên giới đang tranh chấp với nước Peru. Có thể việc thay đổi khí hậu sẽ chữa lành sự khiếm khuyết của một trong hai người.

Gần đến ngày hội San Luis, hai người tập trung tất cả những đồ đạc ít ỏi của mình lại, khóa cửa nhà và lên đường.

Phải mất hai tuần, họ mới tới được cảng sông El Dorado. Bằng xe bus, bằng xe tải, hay đơn giản là đi bộ, hai người đi qua những thành phố có tập tục kỳ lạ như Zamora và Loja, nơi người da đỏ Saragurus luôn mặc đồ đen để chịu tang Atahualpa.

Sau một tuần hành trình nữa bằng thuyền độc mộc, chân tê dại vì ngồi lâu không được vận động, họ đổ bộ lên bờ ở một khúc quanh của dòng sông, nơi có duy nhất một toà nhà lợp tôn rộng mênh mông. Nó vừa là trụ sở hành chính, vừa là cửa hàng bán công cụ và hạt giống, cũng là nơi ở tạm cho những người mới đến. Đó là làng làng El Idilio.

Ở đây, sau khi làm xong những thủ tục hành chính ngăn ngủi, người ta trao cho họ giấy chứng nhận quy chế dân khai hoang có dán tem đường hoàng. Họ được chia hai héc-ta rừng, hai con dao, cuốc xẻng, vài hộp hạt giống đã bị mọt ăn cùng một lời hứa hỗ trợ kỹ thuật không bao giờ tới.

Hai vợ chồng bắt đầu cuộc sống mới bằng việc dựng tạm một căn nhà gỗ, sau đó lao vào công việc dọn cỏ, vỡ đất. Làm việc quần quật từ sáng sớm tinh mơ đến tối mịt, họ mới chặt được một cây gỗ, vài khóm mây, mấy bụi cây. Nhưng chỉ đến sáng hôm sau, những mầm xanh đã trỗi dậy dưới mặt trời với một sức mạnh như muốn báo thù.

Lúc mùa mưa đầu tiên bắt đầu, hai người đã kiệt hết lương thực dự trữ và chẳng biết phải xoay xử thế nào được nữa. Một số dân khai hoang có mang theo những khẩu súng săn cũ kỹ. Nhưng thú rừng rất nhanh và khôn ngoan. Ngay cả dưới sông cũng như muốn chế nhạo họ bằng cách nhảy lên ngay trước mũi mọi người mà không làm sao bắt được.

Bị giam cầm bởi mùa mưa, bởi những cơn bão họ chưa từng biết đến, họ héo mòn trong tuyệt vọng, vì biết số phận mình như những người tù bị kết án tử hình chỉ còn chờ đợi một phép lạ thần kỳ. Họ ngồi ngấm nước lụt dâng lên menh mông trên sông, nó đang cuốn đi những thân cây bị nhổ bật gốc cùng những xác thú vật trương phềnh.

Cái chết bắt đầu với tới những người mới đến khai hoang. Có người vì ăn phải những loại quả dại, có người bị quật ngã bởi những cơn sốt sét đánh. Một người khác nữa biến mất vào bụng một con trăn khổng lồ. Nó quần anh ta lại, nghiền nát xương thịt để cuối cùng nuốt vào bụng với một sự chặm chạp dã man.

Họ đấu tranh vô vọng với mưa gió, mỗi khi một cơn mưa ập tới đe dọa cuốn đi căn nhà gỗ. Họ làm mồi cho muỗi rừng mà trong từng tia sáng của ánh chớp lại được dịp tấn công dữ dội. Chúng đốt vào da thịt, hút máu, rồi để lại trên da những nốt bóng rât. Ở dưới da những con ghê sẽ đục khoét,

gây thành những vết thương mưng mủ xanh. Họ bị bao vây bởi thú rừng đói mồi rình mò. Tiếng động của chúng ngăn không cho họ ngủ yên. Vào giây phút tuyệt vọng đó, sự giải thoát đã tới dưới hình dạng những con người cởi trần, mặt mũi bôi màu đỏ vẽ bằng nhựa quả rucu, [1] đầu và tay họ được trang điểm bằng những vòng lông chim nhiều màu sắc.

Đó là những người thổ dân Shuars, do thương cảm số phận họ, đã tới gần đưa bàn tay cứu giúp.

Những người da đỏ dạy họ săn bắn, câu cá, dựng nhà có thể chịu được mưa bão, phân biệt các loại quả lành và quả độc, và nhất là dạy họ cách sống với rừng.

Khi mùa mưa đã qua, những người thổ dân giúp hai người khai hoang trên sườn núi, đồng thời cũng báo cho họ biết đó là một việc làm vô vọng.

Mặc những lời cảnh báo của người da đỏ, họ vẫn gieo những hạt giống đầu tiên, và chẳng cần mất nhiều thời gian cho lắm, họ phát hiện ra đất ở đây rất cần. Không có tán rừng che, những cơn mưa sẽ bào đất không ngừng nghỉ, khiến cho cây mọc lên không có đủ chất màu để phát triển. Chúng sẽ chết non trước khi ra hoa, hay bị cắn nát bởi côn trùng.

Đến mùa mưa tiếp theo, trên mảnh đất họ mất bao nhiêu công sức khai hoang, đất bị xói mòn trôi theo triền dốc ngay từ cơn mưa đầu tiên.

Dolores không chịu đựng nổi đến mùa mưa thứ hai. Cô đã ra đi, bị cuốn đi bởi một cơn sốt dữ dội, người cô héo tới tận xương vì sốt rét.

Antonio hiểu là không thể quay trở về làng cũ trên cao nguyên. Những người nghèo có thể tha thứ cho nhau tất cả, trừ sự thất bại.

Ông bị kết án phải ở lại nơi này, cùng với những kỷ niệm là người bạn đồng hành duy nhất. Ông muốn trả thù vùng đất đáng nguyên rủa, cái địa

ngục màu xanh đã lấy mất tình yêu và mơ ước của ông. Ông mơ tới một cơn hoả hoạn lớn sẽ biến cả vùng rừng Amazon thành biển lửa.

Trong sự bất lực của mình, ông phát hiện ra mình chưa thật hiểu biết đầy đủ về rừng để có thể thật sự căm ghét nó.

Ông học tiếng Shuars bằng cách tham gia đi săn với họ. Họ săn heo vòi, khỉ, rắn, lợn rừng khoang... Ông học họ cách sử dụng ống phi tiêu. Nó không gây tiếng động và rất hiệu quả để săn thú rừng, rồi học họ cách sử dụng lao để xuyên những con cá bơi nhanh nhẹn dưới suối.

Từ khi chơi với họ, ông bỏ dần sự ngượng ngùng của một người nông dân theo đạo Cơ-đốc. Ông ở trần và tránh quan hệ với những dân khai hoang mới tới. Những người này nhìn ông như một kẻ điên dại.

Antonio chẳng bao giờ nghĩ đến chữ tự do, nhưng ông được hưởng một sự tự do vô tận trong rừng. Ông cố gắng nghĩ tới kế hoạch trả thù, nhưng ông không thể tự cấm mình yêu cái thế giới này, đến mức quên đi tất cả những điều đó. Ông bị say mê bởi cái không gian mênh mông không ai có quyền sở hữu này.

Ông ăn khi đói. Ông chọn những hoa quả có vị thơm nhất trong rừng, không thèm ăn những con cá mà ông thấy chúng bơi chậm chạp. Ông lần theo dấu thú rừng, và việc săn chúng bằng phi tiêu làm cho ông tăng gấp đôi sự ngon miệng.

Buổi tối, nếu muốn ở một mình, ông trú trong bụng thuyền độc mộc. Ngược lại nếu cần có bạn, ông sẽ đi tìm những người Shuars. Họ đón tiếp ông rất hào phóng. Họ chia sẻ đồ ăn, thuốc lá với ông rồi hai bên cùng nhau tán chuyện hàng giờ liền, vừa nói vừa khắc nhổ xung quanh bếp lửa bập bùng chiếu sáng.

— Anh thấy chúng tôi thế nào? — Họ hỏi.

— Dễ thương như một bầy khi ouistisis, lấm mồm như những con vẹt say và to mồm gào rú như quỷ sứ.

Những người thổ dân đón nhận những so sánh ấy bằng những tiếng cười rộn vang, và thể hiện sự đồng tình của họ bằng những tiếng hú chói tai.

— Còn ở trên kia, nơi quê hương của anh, thì sao?

— Rất lạnh. Buổi sáng và buổi tối lạnh như băng. Người ta phải quần poncho [2] làm bằng len và đội mũ.

— Vì thế mà người nào cũng bốc mùi hôi thối. Bởi khi đi ị người ta để dính phân vào nó.

— Không phải, tất nhiên có trường hợp như thế, nhưng vấn đề là trời lạnh, nên người ta không thể đi tắm bất cứ lúc nào như mọi người ở đây.

— Khi ở trên đó, chúng cũng mặc poncho?

— Trên cao nguyên không có khí, cũng không có lợn rừng hoang. Dân trên núi không biết đi săn.

— Thế họ ăn gì?

— Ăn những gì họ có. Khoai tây, ngô tẻ, thỉnh thoảng có thịt lợn hoặc gà vào ngày lễ, hay thịt chuột lang vào những hôm chợ phiên.

— Vậy họ làm gì nếu không đi săn?

— Họ làm ruộng từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn.

— Những thằng ngốc, đúng là những thằng ngốc. — Những người thổ dân Shuars kết luận.

Ông ở đây được 5 năm trước khi ông hiểu rằng mình sẽ chẳng bao giờ rời khỏi xứ này. Hai vết răng cắn đã báo cho ông cái tin bí mật ấy.

Ông học cách người Shuars đi rừng, bằng cách áp sát hai bàn chân lên mặt đất. Mắt và tai chăm chú lắng nghe những tiếng thì thầm của rừng, con dao quăm luôn sẵn sàng trong tay. Một hôm, trong một phút lơ đãng, ông cầm con dao xuống đất để rảnh tay hái một chùm quả. Đúng lúc cúi xuống cầm lại dao, ông cảm thấy hai cái nanh nhọn rát bỏng của một con rắn đuôi chuông cắm vào cổ tay phải.

Ông nhận ra con rắn, nó dài khoảng một mét, đang trườn ra xa, để lại trên mặt đất những hình chữ X, vì thế người ta gọi nó là rắn ích xì. Ông phản ứng thật nhanh giơ dao nhảy theo nó. Ông còn kịp bấm nó thành mảnh nhỏ, trước khi nọc độc phủ một bức màn làm ông mờ mắt.

Lấy tay dò dẫm, ông tìm được đầu con rắn. Cảm thấy sự sống đang rời bỏ mình, ông đi tìm một gia đình người Shuars. Những người thổ dân nhìn thấy ông lao đảo đi tới, không còn khả năng để nói, bởi lưỡi, chân tay, và cả thân thể đã sưng phồng lên quá cỡ. Ông cảm thấy mình như sắp nổ tung ra. Ông chỉ kịp giơ cái đầu rắn lên trước khi ngã xuống bất tỉnh nhân sự.

Hai ngày sau, ông tỉnh dậy, thân thể còn sưng tấy, người run lẩy bẩy từ đầu tới chân giữa hai cơn sốt. Cách chạy chữa truyền thống của một thầy mo giúp ông hồi phục sức khoẻ một cách chậm chạp.

Thuốc bằng lá rừng làm tiêu nọc độc. Những lần tắm khô, vùi mình trong tro lạnh, làm giảm những cơn sốt cùng những cơn ác mộng. Một chế độ ăn uống với óc, gan, và cật khỉ giúp ông có thể đứng lên đi lại sau 3 tuần.

Trong suốt thời gian dưỡng bệnh, người ta cấm ông không được đi xa khỏi nhà. Những người đàn bà tỏ ra rất cương quyết trong việc thi hành chế độ điều trị nhằm làm sạch nọc độc trong cơ thể ông.

— Mày đang còn chất độc trong người. Phải bắt nó tiêu đi hết, chỉ để lại một chút để nó giúp mày chống lại những vết cắn mới.

Họ nhồi ông ăn nhiều thứ quả mọng nước, uống nước đun với các loại lá rừng và nhiều thứ nước uống khác để lợi tiêu.

Khi thấy ông đã hoàn toàn bình phục, những người thổ dân vây quanh ông, phủ đầy lên người ông quà tặng: một ống phi tiêu mới, một ống tên mới, một vòng trang sức bằng đá sỏi, một dây chèo tết bằng lông phượng hoàng đất. Họ vỗ lên vai ra hiệu cho ông hiểu rằng ông vừa trải qua một thử thách để được chấp nhận. Một thử thách hoàn toàn phụ thuộc vào những vị thần tinh nghịch, những vị thần bé nhỏ hay trốn mình trong đám bọ dừa hay trong những tổ sâu mỡ màng, khi họ muốn đùa giỡn với số phận con người. Cũng có khi họ biến thành những vì sao để chỉ lạc đường trong rừng.

Những người thổ dân vẽ lên người ông những màu sắc sỡ như da trắng và mồi ông cùng nhảy với họ.

Ông là một trong số rất ít người thoát chết khi bị rắn đuôi chuông cắn, vì thế phải cúng lễ một cách trân trọng để tạ ơn vào ngày hội rắn.

Lúc tàn đám, lần đầu tiên ông được uống natema, một thứ rượu gây ảo giác như thuốc phiện, được làm bằng cách nấu những rễ cây yahuasca. Sau đó trong cơn mơ, ông cảm thấy mình như một bộ phận không thể tách rời của cái không gian luôn biến hoá này, giống như một sợi lông mọc thêm trên một thân thể khổng lồ có màu xanh bất tận. Ông thấy mình suy nghĩ và cảm nhận như một người Shuars, rồi với thân thể được tô vẽ như một thợ săn Shuars giàu kinh nghiệm, ông đang lần theo dấu vết một con thú mà ông không thể mô tả nổi nó. Nó không có hình dáng, không có da thịt, không có mùi vị, không gây tiếng động, nhưng lại có đôi mắt màu vàng rực. Đây là một dấu hiệu không thể giải thích được. Điềm ấy ra lệnh cho ông ở lại và ông sẽ ở lại.

Sau đó rất lâu, ông tìm được một người bạn. Nushino, một thổ dân Shuars, lưu lạc đến đây từ một nơi rất xa. Xa đến mức những lời miêu tả vùng đất ấy bị lẫn tới những ngã sông Maranon, ở tận trung lưu dòng sông Amazon. Nushino tới đây vào một ngày đẹp trời. Anh bị thương bởi một viên đạn bắn vào lưng, kỷ niệm để lại của một cuộc thám hiểm văn minh, do quân đội Peru tiến hành. Những người thổ dân tìm thấy anh bất tỉnh, gần như kiệt máu, sau nhiều ngày trôi dạt trên một chiếc thuyền độc mộc.

Antonio và Nushino đi cùng nhau khắp rừng. Nushino khoẻ mạnh, eo lưng hẹp với đôi vai rộng. Anh dám bơi thi cùng cá heo trên sông và tính tình lúc nào cũng vui vẻ.

Người ta nhìn thấy họ lần theo dấu những con thú lớn, phân tích màu phân của nó, đến khi họ chắc chắn có thể bắt được nó, Antonio sẽ nấp trong bụi cây, còn Nushino xua con thú khỏi bụi rậm, bắt nó chạy về phía bạn mình, nơi nó sẽ đón nhận những ngọn lao tẩm thuốc độc.

Cũng có lúc hai người săn một con lợn rừng để bán cho dân khai hoang. Tiền kiếm được giúp họ mua dao rừng mới hay một túi muối.

Khi Antonio không đi săn cùng người bạn của mình, ông đi bắt rắn độc. Ông biết cách tới gần chúng, huýt sáo với những âm thanh chói tai khiến chúng mất phương hướng. Thế rồi với một cánh tay của mình, ông lặp lại những cử động của con rắn, khiến chúng bị thôi miên, bắt chước các cử động của ông. Đây là lúc với với cánh tay kia, ông bất ngờ chộp lấy chúng từ đằng sau cổ, bắt chúng phải nhả nọc độc vào một cái bát làm bằng nửa quả bầu rỗng.

Khi chúng đã chịu nhả đến giọt nọc cuối cùng, lúc con rắn duỗi đờ người ra vì mệt mỏi, không cuộn tròn được nữa, cũng chẳng còn sức để phản xạ, hoặc chúng hiểu rằng mọi sự chống trả đều vô ích, lúc này Antonio vứt chúng vào đám lá, với một thái độ khinh miệt.

Nọc rắn bán được giá. Một năm hai lần, một nhân viên cửa hàng được phẩm, nơi người ta pha chế, sản xuất các thuốc giải độc, ghé qua đây thu mua những bình nọc rắn nguy hiểm đó.

Cũng có lần, con rắn nhanh hơn ông, nhưng điều đó chẳng ảnh hưởng gì. Ông hiểu rằng ông sẽ sừng phồng lên như một con cóc, mê sảng trong cơn sốt cao một vài ngày, nhưng không còn gì là nguy hiểm nữa. Ông đã có kháng thể, và có thể kiêu hãnh trước những người dân khai hoang, bằng cách chìa cho họ xem hai bắp tay phủ đầy những vết sẹo.

Cuộc sống trong rừng đã tôi luyện từng xăng-ti-mét trên người ông. Ông đã có được những bắp thịt giống như loài thú ăn thịt, càng ngày càng săn chắc theo năm tháng. Ông hiểu rừng không kém gì người Shuars. Ông cũng bơi tốt như người Shuars, Ông biết cách tìm vết thú rừng như một người Shuars. Ông giống như một người thổ dân, nhưng không phải là thổ dân.

Chính vì thế, ông bắt buộc phải vắng mặt thường xuyên. Những người thổ dân giải thích cho ông, đó là một điều tốt khi ông không phải là một người của họ. Họ thích gặp ông. Họ thích nói chuyện cùng ông, nhưng họ cũng muốn có cảm giác vắng mặt ông, cảm giác buồn không thể nói chuyện được với ông, cảm giác vui sướng khi hai bên gặp lại nhau mỗi khi ông quay trở về.

Mưa rồi nắng, các mùa thay phiên nối tiếp nhau. Cùng với thời gian, ông dần biết được những tục lệ và bí mật của bộ tộc này. Ông tham gia vào những lễ cúng hàng ngày dành cho những cái sọ người được phơi khô, làm bé quắt lại. Những cái sọ của kẻ thù hay của những chiến binh trong quá khứ. Ông cùng hát với họ những lời cầu nguyện để tạ ơn chúng đã truyền lại cho người ta lòng dũng cảm, hoặc cầu mong cho bộ tộc có một cuộc sống yên ổn lâu dài.

Ông tham dự những bữa cỗ hào phóng được các già làng ban cho. Những người quyết định giờ ra đi của họ đã điếm, khi họ đã ngủ thiếp đi

dưới tác dụng của chicha [3] và natema trong một giấc mơ sung sướng đê mê. Những giấc mơ mở cửa cho họ đến một cuộc đời mới. Ông giúp mọi người mang họ vào trong một túp lều gỗ nằm sâu ở trong rừng ròi tắm mát cọ lên người họ.

Hôm sau, vừa hát những lời cầu nguyện để đưa tiễn những già làng vào một kiếp mới, của loài cá, của loài bướm, hay các loài thú thông thái khác, ông giúp mọi người nhặt những mẫu xương trắng đã được một bàn tay vô hình cạo rửa sạch sẽ. Đây là những thứ vô ích mà người già để lại khi họ ra đi, những thứ mà những cái cày dẹt của kiến rừng không mang đi được.

Chừng nào ông còn sống với những thổ dân Shuars, ông không có nhu cầu đọc tiểu thuyết để biết đến tình yêu.

Ông không phải là một người của bọn họ, vì thế ông không thể lấy vợ. Nhưng ông cũng giống như họ, và vì điều ấy mà người đàn ông Shuars cho ông ở cùng trong mùa mưa đã yêu cầu ông nhận lấy một trong những người vợ của mình, vì danh dự của gia đình và dòng họ.

Người phụ nữ dẫn ông ra bờ sông. Cô ta vừa tắm, vừa trang điểm, rồi xúc nước thơm cho ông, vừa cất giọng hát những bài anents. Rồi họ quay về túp lều, cùng nhau làm tình trên một manh chiếu. Được sưởi ấm bởi bếp lửa, họ không ngừng ngân nga những bài anents. Đó là những bài trường ca dài, được kể bằng giọng mũi, mô tả vẻ đẹp của thân thể cùng những sự sung sướng khoái lạc mà sự bí hiểm của ngôn ngữ làm tăng nó lên đến vô tận.

Đó là một tình yêu thật cao thượng, không có mục đích nào khác ngoài tình yêu dành cho tình yêu. Không có sự sở hữu và ghen tuông.

— Không một ai có thể giữ được tia chớp ở trên trời, không có ai có thể chiếm đoạt hạnh phúc của người khác vào thời điểm ngắt ngậy.

Đấy là điều mà người bạn của ông, Nushimo giải thích.

Khi nhìn dòng sông Nangaritza mãi mãi chảy xuôi, người ta có thể nghĩ rằng thời gian đã quên đi vùng rừng Amazon xa xôi này. Nhưng chỉ những loài chim mới biết. Từ phía tây, những cái lưới hung dữ, cường bạo, đang tiến dần vào, sục sạo trên thân thể của rừng già.

Những cái máy khổng lồ mở ra những con đường, và người Shuars bắt buộc phải du cư nhiều hơn. Họ không thể định cư ở một nơi quá ba năm trước khi du cư đến nơi khác, để rừng tự hồi sinh, như ngày xưa. Bây giờ mỗi khi đổi mùa, họ dỡ những túp lều của mình, gói hài cốt của tổ tiên lại, mang chúng đi xa, lẩn tránh những người xa lạ đến định cư trên bờ sông Nangaritza. Những người Shuars di cư dần về phía Đông. Họ tìm đến những nơi kín đáo nhất không lối vào của rừng già.

Một buổi sáng, Antonio José Bolivar đã bắn trượt phi tiêu, ông hiểu ông cũng đã già. Với ông cũng vậy, giờ phút ra đi cũng tới gần.

Ông đã quyết định định cư ở làng El Idilio, và sinh sống bằng săn bắn. Ông không thể tự quyết định cho mình giờ phút của cái chết, để cho kiến rừng ăn xác mình. Ngay cả khi chuyện đó có xảy ra, nó sẽ là một ngày lễ buồn.

Ông giống như những người thổ dân, nhưng không phải là họ. Sẽ không có lễ hội dành cho ông, không có ăn uống, không có thứ nước diệu kỳ để người ta ra đi trong mê mẩn.

Một hôm, khi ông đang bận đèo một con thuyền mới mà ông muốn đóng nó chắc chắn nhất để có thể vượt được mọi trở ngại trên sông, chợt ông nghe thấy một tiếng nổ vọng tới từ phía một nhánh sông. Đấy là điềm báo hiệu sự ra đi của ông.

Ông chạy tới địa điểm phát ra tiếng nổ, và nhìn thấy một đám người thổ dân đang khóc lóc. Họ chỉ cho ông một đám cá chết nổi lềnh bềnh trên

sông, cùng một nhóm người lạ đang chĩa súng về phía họ.

Đó là một nhóm năm người phiêu lưu đi tìm vàng. Họ đã dùng thuốc nổ phá cái đập giữ cá để mở lối đi trên sông.

Tất cả đã xảy ra rất nhanh, vì hoảng sợ khi thấy những người Shuars xuất hiện, những người da trắng đã nổ súng bắn hai người thổ dân, rồi bỏ chạy bằng thuyền của mình.

Ông biết rằng những người da trắng sẽ không có đường thoát. Những người thổ dân đã đuổi theo họ bằng một lối tắt, rình ở một nơi mà dòng sông rất hẹp, để những ngọn giáo tẩm thuốc độc có thể với tới dễ dàng những con mồi của họ. Mặc dù vậy, một người da trắng đã kịp nhảy xuống nước, bơi sang bờ đối diện rồi biến mất vào trong rừng.

Đầu tiên phải chăm sóc những người bị thương. Một người đã chết, đầu bị bắn nát bét bởi một họng súng chĩa thẳng vào mặt. Một người khác đang hấp hối, lồng ngực vỡ toang, đó là bạn của ông, Nushimo.

— Thật là một cách ra đi tồi tệ. — Nushimo thở hỗn hển, mặt nhăn lại vì đau đớn, cánh tay run rẩy chỉ vào bát thuốc độc. — Người anh em. Tôi sẽ không yên nghỉ được, chừng nào cái đầu của kẻ đó không được treo lên cây cột nhà, tôi sẽ ra đi buồn bã như một con vẹt mù đập đầu và cành cây, hãy giúp tôi, người anh em.

Những người Shuars vây quanh ông. Ông là người duy nhất thông thạo phong tục của người da trắng. Những lời yếu ớt của Nushimo nói với ông rằng giờ đã đến lúc ông phải trả nợ, món nợ ông đã vay khi họ cứu ông khỏi nanh vuốt của rắn độc.

Điều đó có vẻ như công bằng, ông mang theo một ống phi tiêu làm vũ khí, bắt đầu một cuộc săn người đầu tiên của mình.

Ông chẳng khó khăn gì tìm ra hãn. Trong cơn tuyệt vọng, kẻ đi tìm vàng đã để lại những dấu vết rõ ràng đến nỗi chẳng cần tìm kiếm.

— Tại sao mà lại làm thế? Tại sao mà lại bắn nó?

Người kia chĩa họng súng về phía ông.

— Bọn mọi rợ, bọn mọi rợ, chúng ở đâu?

— Ở bên bờ bên kia, họ không đuổi theo mà đâu.

Thở phào nhẹ nhõm, hãn hạ súng xuống, Antonio nhân dịp đó bắn cho hãn một mũi tên bằng ống phi tiêu của mình.

Hãn ta bị thương, lão đảo nhưng không ngã. Không còn cách nào khác là đánh nhau tay không. Hãn rất khoẻ, nhưng ông cũng giật được khẩu súng ra khỏi tay hãn. Ông chưa bao giờ dùng súng, nhưng khi nhìn thấy hãn sờ soạng để tìm con dao, ông không ngần ngại bóp cò, tiếng nổ làm xôn xao những bầy chim rừng hoảng sợ.

Ngạc nhiên về hiệu quả của phát súng, ông xáp tới gần kẻ xấu số. Hãn nhận đủ hai viên đạn vào giữa bụng, quần quai trong đau đớn. Không quan tâm tới những tiếng rên la, ông nắm cổ chân hãn kéo ra phía bờ sông. Ngay từ quãng đường đầu tiên, ông nhận thấy kẻ bất hạnh đã tắt thở.

Những người thổ dân chờ ông bên bờ bên kia. Họ giúp ông kéo cái xác khỏi mặt nước, nhưng khi nhìn thấy cái xác chết, họ bắt đầu những lời than khóc mà ông không thể giải thích nổi.

Họ không khóc vì kẻ lạ mặt mà họ khóc vì Nushino.

Antonio José Bolivar không phải là một người như bọn họ, nhưng cũng là một người như bọn họ. Chính vì thế, ông phải giết kẻ thù bằng một mũi lao tẩm thuốc độc sau khi đã cho phép đối thủ của mình được chống trả một

cách dùng cảm. Bị tê liệt dần dần bởi chất độc, tất cả thần khí của hắn ta sẽ được ghi lại trong nét mặt, để rồi sau đó được giữ lại mãi mãi trong cái đầu bị cắt ra phơi khô và làm nhỏ lại. Mồm, mí mắt, lỗ mũi, sẽ bị khô lại, để cho thần khí dùng cảm của kẻ thù không thoát đi được.

Nhưng làm thế nào để phơi khô cái đầu hắn bây giờ, khi tất cả tinh thần của hắn đã thoát đi trong những nét mặt nhăn nhó vì sợ hãi và đau đớn.

Vì lỗi đó mà Nushino không thể siêu thoát. Nushino sẽ lẫn quẩn ở lại trong rừng già, như một con vẹt mù vỗ cánh bay đập mình vào cành cây. Anh sẽ gây nên sự thù hận của mọi người dù họ không biết anh là ai, khi hồn anh đập vào người họ. Anh sẽ làm rối loạn giấc mơ của những con trăn đang ngủ, xua đuổi thú rừng đi mất bởi hồn anh bay lờn vờn không mục đích.

Ông đã tự làm mình mất hết danh dự, bởi chính ông phải chịu trách nhiệm về nỗi bất hạnh vĩnh cửu của người bạn mình.

Không ngừng khóc, những người thổ dân ôm hôn ông, họ giành cho ông cái thuyền độc mộc tốt nhất, chất đầy lương thực lên thuyền cho ông và họ nói từ giờ phút này, ông không còn được chấp nhận. Ông có thể đi qua nhà họ, nhưng không được dừng lại.

Những người da đỏ đẩy cái thuyền ra sông, rồi xoá đi những dấu vết còn lại trên cát.

Chú thích [1] Rucu: Một loại quả ở vùng Nam Mỹ. Người ta dùng hạt của chúng làm bột bôi lên cơ thể để chống muỗi đốt và để trang điểm.

[2] chicha: một loại rượu làm bằng lúa mạch, đôi khi cũng có thể làm bằng củ sắn hay các loại quả.

[3] poncho: khăn len to, thủng ở giữa để chui đầu, được thổ dân Machupe ở miền nam Chile dùng làm áo khoác ngoài.

ÔNG GIÀ ĐỌC TRUYỆN TÌNH

Luis Sepúlveda
www.dtv-ebook.com

Chương 4

Sau năm ngày lênh đênh trên sông, Antonio José Bolívar tới được làng El Idilio. Khung cảnh làng có những thay đổi. Đối diện với dòng sông có khoảng hai chục nóc nhà, nối nhau thành một dãy. Nhà cuối cùng to nhất, được đóng một tấm biển phía trên cửa với một dòng chữ sơn màu vàng “Tòa thị chính”. Làng El Idilio cũng đã có bờ kè bằng gỗ, nơi ông tránh không cập bến. Ông xuôi theo dòng nước, cho đến khi mệt mỏi mới cập thuyền vào bờ. Đó là nơi ông dựng căn nhà để ở bây giờ.

S

Lúc đầu, khi nhìn thấy ông đi vào rừng với một khẩu súng Remington ca-líp 14, đồ thừa kế duy nhất của người mà ông đã giết, không những thế còn giết một cách tồi tệ, dân chúng coi ông như một người man rợ nên lảng tránh. Nhưng rất nhanh chóng sau đó, họ phát hiện ra sự may mắn do việc ông xuất hiện mang lại.

Dân khai hoang và dân đi tìm vàng đã phạm vào những sai lầm ngu xuẩn ở trong rừng. Họ tàn phá mọi thứ không đếm xỉa tới bất cứ điều gì. Chính vì thế mà một số loài thú trở nên hung dữ.

Để có được vài mét đất, họ phá rừng vô tổ chức, làm cho điều hâu không còn chỗ trú. Chúng trả thù lại bằng cách cắn chết lừa của họ. Họ săn lợn rừng khoang vào mùa sinh sản. Việc này đã biến những con lợn con thành những con quý dữ. Không kể sự xuất hiện của những thằng Mỹ mò tới từ những mỏ khai thác dầu.

Chúng chia thành từng nhóm đi âm ỉ vào rừng, súng đạn đủ có thể trang bị cho một tiểu đoàn. Chúng sẵn sàng bắn vào tất cả những gì cử động được. Chúng bám riết theo những con báo, không cần biết đó là những con báo con hay báo cái đang có bầu, để sau đó chúng sẽ đứng chụp ảnh trước mấy chục bộ da được đóng đinh treo lên một tấm ván trước khi bỏ đi.

Những thằng Mỹ ra đi, còn những bộ da ở lại bốc mùi hôi thối cho đến lúc một bàn tay nhân từ nào đó gỡ chúng ra vứt xuống dòng nước. Những con báo sống sót trả thù lại bằng cách moi ruột những con bò đốm giò xương của dân khai hoang.

Antonio José Bolivar tìm cách hạn chế sự phá hoại của dân khai hoang. Họ phá hoại rừng để dựng nên tác phẩm chủ yếu của loài người văn minh: những sa mạc chết.

Rồi thú rừng càng ngày càng hiếm hơn. Những loài sống sót trở nên khôn ngoan hơn. Cũng như người Shuars, chúng trốn sâu vào rừng trong một cuộc thiên di không ai ngăn cản được về miền đông Amazon.

Đã có tất cả thời gian dành riêng cho mình, Antonio José Bolivar Proano phát hiện ra ông biết đọc đúng lúc răng của ông bắt đầu hỏng.

Chúng bắt đầu làm cho ông bận tâm khi ông cảm thấy mồm mình có mùi hôi, và có những cơn đau âm ỉ trong lợi.

Ông thường tham gia vào những buổi khám bệnh nửa năm một lần của bác sĩ Loachamín, nhưng không bao giờ ông tưởng tượng nổi chính mình sẽ ngồi trên ghế. Cho đến một ngày những cơn đau trở trở nên dữ dội không thể chịu nổi, bắt buộc ông phải leo lên ngồi trên cái ghế của bác sĩ.

— Đơn giản thôi bác sĩ. Tôi cũng chẳng còn bao nhiêu cái răng. Tôi đã tự nhổ những cái gậy quá nhiều phiền toái cho mình, nhưng không nhổ được những cái nằm sâu bên trong. Nó quá khó. Vậy bác sĩ cứ tự nhiên vặt

sạch chúng cho tôi, sau đó chúng ta sẽ nói chuyện với nhau về giá cả của những hàm răng giả đẹp đẽ kia.

Lần ấy, tàu Sucre mang đến hai nhân viên của chính phủ. Họ ngồi sau cái bàn trước cổng nhà thị chính. Điều đó làm cho dân chúng nghĩ họ là những nhân viên đến phụ thu thuế.

Trước sự thờ ơ của dân chúng, xã trưởng bắt buộc phải kêu gọi đến nghĩa vụ công dân còn lại ít ỏi trong ý thức họ để lôi những người lùn chần chừ đến trước cái bàn của chính phủ. Hai nhân viên được gửi đến mặt mũi sa sầm, họ có nhiệm vụ ngồi thu những lá phiếu của công dân làng El Idilio cho cuộc bầu cử tổng thống sẽ được tổ chức vào tháng tới.

Antonio cũng phải trình diện trước bàn như tất cả mọi người.

— Anh biết đọc không? — Người ta hỏi ông.

— Tôi cũng không nhớ nữa.

— Để thử xem, ông thấy chữ gì viết ở trên kia?

— n-g-à-i t-ô-n-g t-h-ố-n-g, ứ-n-g c-ử v-i-ê-n.

— Rất tốt, ông thấy không, ông có quyền bầu cử.

— Quyền về cái gì?

— Quyền bầu cử, trong một cuộc bầu cử bỏ phiếu kín và trực tiếp, để chọn lựa một cách dân chủ một trong ba ứng cử viên xem người nào sẽ nhận chức vụ quan trọng tối cao của quốc gia. Ông hiểu không?

— Tôi chẳng hiểu gì cả? Cái quyền này tốn bao nhiêu tiền?

— Không mất xu nào. Bởi đó là một quyền lợi.

— Thế tôi phải bầu cho người nào?

— Bầu cho người sẽ là tổng thống. Cho ông tổng thống, ứng cử viên của nhân dân.

Antonio bầu cho người thắng cử và nhận được một chai rượu Frontera là phần thưởng cho việc ông đã thực hiện nghĩa vụ công dân của mình.

Ông biết đọc.

Đây là điều phát hiện quan trọng nhất của đời ông. Ông biết đọc. Ông đã sở hữu được thứ thuốc giải độc để chống lại những nọc độc của tuổi già. Ông biết đọc, nhưng ông chẳng có gì để đọc.

Mặc dù không vừa ý, xã trưởng chấp nhận cho ông mượn mấy tờ báo cũ, mà ông ta giữ lại để phô ra trước mặt dân chúng giống như một bằng chứng về mối quan hệ đặc biệt của ông với chính quyền trung ương. Nhưng Antonio thấy chúng chẳng hấp dẫn gì cả.

Những trích đoạn của bài diễn văn được đọc trước quốc hội, trong đó ngài dân biểu đáng kính Bucaram nói về một vị dân biểu khác cũng đáng kính như thế, rằng ông này không có cái gì trong đũng quần. Một bài báo khác kể chi tiết việc Artemio Mateluna đã giết người bạn tốt nhất của mình, bằng hai mươi nhát dao găm như thế nào. Một tin tố cáo sự kiêu ngạo cuồng loạn của những cố động viên bóng đá đội Manta. Họ đã đánh chảy máu trọng tài trên sân. Những điều đó không đủ sức khuyến khích ông tiếp tục đọc. Chúng xảy ra trong một thế giới xa lạ, ông không có kiến thức giúp mình hiểu được ý nghĩa của những sự việc đó, chúng cũng chẳng có gì làm cho ông khao khát tưởng tượng.

Một ngày đẹp trời, tàu Sucre ghé qua. Cùng với những két bia, thùng ga... là một linh mục bất hạnh được giáo hội gửi đến để rửa tội cho trẻ con và chấm dứt tệ nạn ăn ở với nhau không giá thú ở vùng này.

Sau ba ngày, ông linh mục không gặp được người nào có ý muốn dẫn ông tới nhà những người khai hoang. Thất vọng bởi sự lạnh nhạt của những con chiên tương lai, ông ta ra ngồi chờ trên bờ sông đợi chuyến tàu tới mang mình đi. Để giết thời gian nóng nực, ông rút từ túi áo chùng thâm ra một quyển sách cũ và cố gắng đọc. Nhưng cơn buồn ngủ đã quật ngã ông.

Quyển sách nằm trong tay thầy tu kích thích sự tò mò của Antonio José Bolívar. Ông già kiên nhẫn ngồi đợi ông thầy tu buồn ngủ gục xuống và làm rơi nó ra.

Đó là một quyển sách viết về tiểu sử của thánh Francois, mà ông giữ vội vàng giấu giếm từng trang với cảm giác như đang phạm một tội ác nào đó.

Ông lẩm nhẩm từng chữ cái, thế rồi lòng khát khao muốn nắm bắt những gì chứa trong trang sách đã khiến ông đánh vắn thăm thì những chữ mình đọc được.

Ông thầy tu tỉnh dậy, quan sát, không giấu được vẻ thích thú khi thấy Antonio José Bolívar đang cúi mũi vào quyển sách.

— Truyện có hay không? — Ông ta hỏi.

— Xin lỗi cha, bởi vì cha ngủ nên con không muốn làm phiền.

— Có hay không? — Cha cố hỏi lại.

— Người ta có thể nói, đây là chuyện về những động vật — Ông trả lời một cách rụt rè.

— Thánh Francois yêu các loài vật, và tất cả những gì tạo hóa đã sinh ra.

— Con cũng vậy, theo cách của con. Cha quen thánh Francois?

— Không, chúa không cho ta được biết tới niềm vui đó. Thánh Francois đã mất từ cách đây rất lâu. Ta muốn nói là ông đã từ bỏ cuộc sống trần thế này để về bên chúa hưởng cuộc sống vĩnh hằng.

— Làm sao cha biết?

— Bởi vì ta đọc sách. Đây là một trong những quyển mà ta ưa thích nhất.

Cha cố nhấn mạnh những lời nói của mình bằng cách vuốt ve lên quyển sách đã sờn gáy. Antonio José Bolivar ngưỡng mộ chăm chú nghe, và cảm thấy những nanh vuốt của thèm khát đang cắn vào mình.

— Cha chắc phải đọc nhiều sách?

— Cũng kha khá. Trước đây, khi ta còn trẻ mắt còn tinh tường, ta nghiền ngấu tất cả mọi tác phẩm rơi vào tay mình.

— Tất cả những quyển sách nói về các vị thánh?

— Không, trên thế giới có hàng triệu hàng triệu quyển sách, bằng tất cả mọi thứ tiếng nói, chứa đựng tất cả mọi chủ đề, trong đó có cả những điều mà người ta không nên biết.

Antonio José Bolivar không hiểu được vấn đề kiểm duyệt này. Ông tiếp tục chăm chú nhìn theo bàn tay cha cố. Bàn tay béo mập, trắng nõn, đặt ở trên bìa quyển sách màu đen.

— Các quyển sách khác kể những gì?

— Ta vừa nói với con, đủ thứ chuyện: thám hiểm, khoa học, cuộc đời của những thánh nhân, kỹ thuật, tình yêu...

Cái điều cuối cùng làm ông chú ý. Tình yêu, ông chỉ biết qua những những bài hát. Đặc biệt là những pasillos được trình diễn bởi Julito

Jaramillo, một giọng hát sinh ra từ những khu phố nghèo ở Guayaquil, tình cờ phát từ một cái đài chạy bằng pin khiến người ta buồn rầu xao xuyến. Những bài hát ấy kể rằng tình yêu giống như là một vết đốt của muối, chẳng có ai nhìn thấy nhưng tất cả đều tìm kiếm.

— Nó như thế nào, những quyển sách nói về tình yêu?

— Những quyển đó, ta sợ ta không thể nói được. Ta mới chỉ đọc một hai quyển.

— Chẳng hề gì. Vậy nó thế nào?

— À, chúng kể câu chuyện của hai người gặp nhau, yêu nhau, rồi đấu tranh để thắng những cản trở không cho họ hạnh phúc.

Tiếng còi tàu Sucre thông báo nó sắp rời bến, Antonio không dám hỏi cha cố để lại cho ông quyển sách. Ngược lại, cha cố để lại cho ông lòng ham muốn đọc sách mãnh liệt hơn.

Ông sống qua một mùa mưa, gặm nhấm tình cảnh buồn rầu của một người đọc không có sách, và lần đầu tiên trong đời ông cảm thấy cuộc sống của mình bị bao vây bởi một loài thú có tên là cô đơn. Một con thú tinh quái. Nó không từ một giây phút lơ đãng nào để mượn lấy tiếng nói ông, buộc tội ông bằng những bài phát biểu dài vô tận, trước một khoảng trống vắng không người nghe.

Có cái gì thôi thúc ông đọc sách. Điều đó khiến ông phải đi khỏi làng El Idilio. Có thể không phải đi xa lắm, có thể ông chỉ cần tìm gặp một người nào đó ở El Dorado, một người sở hữu những quyển sách. Và ông nghĩ nát óc tìm cách thực hiện điều đó.

Khi mùa mưa ngớt dần, khi các loài thú bắt đầu xuất hiện trong rừng, ông rời căn nhà của mình, cầm theo khẩu súng săn, mấy mét dây thừng và con dao đã được mài sắc. Ông đi rừng.

Ông ở trong rừng khoảng hai tuần, trong khu vực có những loài thú mà người da trắng ưa thích. Trong vùng sinh sống của loài khỉ oustitis, nơi có những tàn cây cao rậm rạp, ông khoét rỗng ruột vài chục quả dừa để làm bẫy. Ông học được cách bẫy khỉ của người Shuars. Điều đó không khó. Chỉ cần người ta khoét vào quả dừa một cái lỗ rộng chừng hơn một ngón tay cái. Ở phía đối diện, đục một lỗ nhỏ, để luồn một sợi dây qua đó. Sợi dây được thắt nút chặt ở một đầu này, để không cho quả dừa có thể tụt ra. Phía đầu kia, ông buộc nó vào một thân cây, rồi bỏ mấy hòn sỏi nhỏ vào trong quả dừa đã rỗng. Ông vừa rời xa, thì những con khỉ, ngồi theo dõi ông từ trước trên cây cao, đã tụt xuống để tò mò xem có cái gì trong đó. Chúng cầm lấy, lắc lắc thử. Sau một hồi lúc lắc khi nghe thấy tiếng sỏi đập trong quả dừa, chúng sẽ thò tay vào để tìm cách lấy ra. Lúc cầm được một hòn sỏi trong tay, chúng không muốn bỏ ra và sẽ giãy giụa một cách vô ích nhưng không thể nào rút tay ra được.

Khi đã đặt xong bẫy khỉ, ông đi tìm một cây đu đủ cao. Loại cây mà người ta vẫn gọi một cách chính xác là đu đủ khỉ, bởi chỉ có bẫy khỉ oustitis mới có thể với tới những chùm quả chín nẫu dưới ánh mặt trời ngọt lừ, lúc lỉu như những vương miện treo trên ngọn cây.

Ông rung gốc cây cho đến khi làm rụng được hai quả chín vàng thơm phức rồi nhét nó vào cái gùi đựng thú săn của mình.

Sau đó ông đi đến chỗ sinh sống của các loài vẹt, của phượng hoàng đất. Ông tìm những bụi cây an toàn để tránh gặp thú dữ.

Một day những thung lũng nối tiếp nhau dẫn ông tới một bãi cây bụi rậm rạp. Nơi định cư của ông rừng với những tổ ong bị phân chim làm bẩn. Khi ông xuất hiện, khu rừng đột nhiên im bật cho đến tận mấy giờ sau, thời gian để cho những bầy chim làm quen với sự xuất hiện của ông.

Ông làm hai cái lồng bằng mây rừng và những cành cây hoa giấy rồi đi tìm những thân cây Yahuasca. Ông giã nát quả đu đủ để trộn ruột đu đủ

chín vàng lẫn với nhựa rể cây được ông ép ra bằng chuôi dao rừng, rồi ông vừa hút thuốc vừa ngồi chờ cho chúng lên men. Ông nếm thử. Mùi trộn ngọt đậm. Vừa ý, ông cắm lều ở đầu suối và bắt cá để làm cơm tối.

Ngày hôm sau, ông dậy sớm đi gỡ bẫy.

Ở chỗ đặt bẫy khi, ông tìm thấy mấy chục con khi mệt mỏi vì cổ sức giầy giụa để rút bàn tay bị cầm tù trong ruột những quả dứa. Ông chọn ba cặp khi còn non, nhốt chúng vào lồng rồi thả những con còn lại.

Ở nơi ông rải ruột đu đủ lên men, loài vẹt đuôi dài và đủ các loại chim bị say nằm la liệt trong mọi tư thế. Một số con cố gắng lao đảo đi lại, một số khác cố gắng vỗ cánh một cách vụng về để bay.

Ông bỏ vào lồng, một cặp guacayamos, đó là những con vẹt có lông xanh và vàng; một cặp ArasShapul, loài vẹt rất được ưa chuộng bởi khả năng bắt chước tiếng người, còn ông bỏ lại tất cả những con khác với ước mong chúng sẽ tỉnh dậy vô sự sau một giấc ngủ dài. Ông biết cơn say của chúng sẽ kéo dài vài ba ngày.

Với món đồ sẵn được, ông trở về làng El Idilio và chờ đến lúc ê-kíp của tàu Sucre đã khuân hết hàng lên boong để lại gập thuyền trưởng.

— Tôi cần đi El Dorado, nhưng tôi không có tiền. Tôi là chỗ quen biết, ông hãy nhận tôi lên tàu, tôi sẽ trả tiền ông sau, khi tôi bán được thú rừng.

Thuyền trưởng liếc mắt vào cái lồng rồi im lặng thọc tay vào bộ râu đã mấy ngày không cạo trước khi trả lời.

— Ông để lại cho tôi một con vẹt non thay vào tiền vé. Đã từ lâu tôi đã hứa với con tôi.

— Nếu ông đồng ý, tôi sẽ để lại cho ông một đôi để trả cả tiền vé về. Loài vẹt này chúng sẽ chết vì buồn bã nếu bị chia ly.

Trên tàu, ông tán chuyện với bác sĩ Rubicondo Loachamín và nói với bác sĩ lý do về chuyến đi của mình. Bác sĩ lắng nghe với vẻ thích thú.

— Nhưng nếu lão muốn có sách, tại sao lão không nhờ tôi? Tôi chắc chắn là có thể tìm được chúng ở Guayaquil.

— Cám ơn bác sĩ. Vấn đề là ở chỗ lão chưa biết loại sách nào mình muốn đọc. Khi nào lão biết, lão sẽ nhớ tới lời hứa của bác sĩ.

El Dorado chắc chắn không phải là một thành phố lớn. Người ta tìm thấy ở đó khoảng chừng trăm nóc nhà nối tiếp nhau trên bờ sông. Nó có tầm quan trọng bởi ở đây có một trạm cảnh sát, vài trụ sở hành chính, một nhà thờ, và một trường học phổ thông thừa thớt học sinh.

Nhưng với Antonio José Bolivar, người mà cả 40 năm nay không rời khỏi rừng, nó có ý nghĩa là sự trở về với thế giới rộng lớn mà ông đã từng biết trước đó.

Bác sĩ giới thiệu ông đến một người duy nhất có khả năng giúp đỡ ông. Đó là một thầy giáo, và ông cũng xin phép cho ông già được ngủ lại trong trường. Đó là một ngôi nhà lớn làm bằng tre, không có bếp. Đổi lại, ông già sẽ giúp việc làm bếp và sẽ đan giúp một cái gùi đựng cỏ.

Khi ông già đã bán xong cặp khi và mấy con vẹt, người thầy giáo chỉ cho ông thư viện của trường.

Ông cảm động khi được nhìn thấy một số lượng sách lớn như thế. Thầy giáo có khoảng năm chục đầu sách được xếp ngay ngắn trên một cái giá. Ông cảm thấy vui sướng không thể tả nổi, khi tự mình được ngắm nghía từng quyển sách một với cái kính lúp ông vừa mua được.

Năm tháng liền ở đây đã giúp ông hình thành và hoàn thiện gu đọc sách của mình. Thời gian mà những sự lưỡng lự và những câu trả lời nối tiếp lẫn nhau.

Khi lướt qua những quyển sách hình học, ông tự hỏi mình rằng điều đó có giá trị thực sự khiến người ta cần biết đọc không. Ông chỉ còn nhớ được một câu rất dài, mà ông hay mang nó ra nói lúc bực mình: “Trong một tam giác vuông, cạnh huyền là cạnh đối diện với góc vuông”.

Về sau câu nói đó gây ra một ấn tượng mạnh tới mức, dân chúng ở làng El Idilio cảm nhận nó như một câu đố chữ vô nghĩa hay một lời chửi rủa tục tĩu.

Những quyển sách về lịch sử gây cho ông cảm giác chúng là một chuỗi những điều giả dối. Có thể như thế được không? Những nhân vật đàn ông da nhợt nhạt, đeo găng trắng đến tận cùi tay, mặc quần bó sát vào đùi giống như những diễn viên xiếc lại là những người chiến thắng trên chiến trường? Chỉ cần nhìn những bộ tóc giả của họ được chải chuốt gọn gàng bay theo gió cũng đủ hiểu, những con người ấy không đủ sức để giết chết một con ruồi. Thế là những trang lịch sử được loại bỏ khỏi gu đọc sách của Antonio.

Edmondo de Amicis và cuốn tiểu thuyết Trái tim đã chiếm hết một nửa thời gian của ông ở El Dorado. Đây mới thật sự là một câu chuyện. Quyển sách làm ông dán mắt vào nó, không thể rời tay. Nó làm ông quên đi sự mệt mỏi để kiên nhẫn đọc. Ông đọc nữa, đọc cho đến lúc ông tự nói với mình rằng không thể tồn tại trên đời một người có thể chịu đựng ngần ấy đau khổ mà vẫn bất hạnh. Đúng là phải sống như một thằng đểu cáng mới có thể tìm thấy sự vui sướng trong nỗi bất hạnh của một cậu bé khốn khổ như Lombard. Như vậy là, sau khi đã tìm kiếm trong tất cả đồng sách của thư viện, ông đã chọn được những gì ông yêu thích thật sự.

Cuốn Vòng nguyệt cầu của Florence Barclay chứa đầy tình yêu. Vẫn là tình yêu, tình yêu cho mãi mãi. Những nhân vật đau khổ mà kiếp người của họ trộn lẫn sự sung sướng với bất hạnh có một sức truyền cảm lạ thường khiến cho cái kính lúp của ông đắm nước mắt.

Người thầy giáo không chia sẻ được với ông gu đọc sách đó, nên cho ông quyển sách ấy mang về làng El Idilio. Ông đã đọc đi đọc lại nó hàng trăm lần trước cửa sổ, cũng như bây giờ ông làm như thế với những cuốn tiểu thuyết do bác sĩ mang đến. Những cuốn sách nằm ngổn ngang trên mặt bàn, xa lạ với quá khứ hỗn độn của ông, quá khứ mà ông không muốn nhớ tới nữa. Ông muốn dành những khoảng trống khổng lồ trong trí nhớ để đón nhận những hạnh phúc và trắc trở của tình yêu vốn vĩnh cửu hơn cả thời gian.

ÔNG GIÀ ĐỌC TRUYỆN TÌNH

Luis Sepúlveda
www.dtv-ebook.com

Chương 5

Nạn hồng thủy tới lúc bóng tối xuất hiện. Chỉ trong vài phút, mưa dày tới mức người ta không thể nhìn xa hơn khoảng cách một cánh tay giơ ra. Ông già nằm trên võng chờ giấc ngủ tới trong tiếng ru dữ dội của mưa gió đang bao trùm khắp nơi.

N

Antonio José Bolivar ngủ ít, không bao giờ quá 5 tiếng một đêm và 2 tiếng ngủ trưa. Thời gian còn lại, ông dùng để đọc sách, để mơ màng theo những bí ẩn của tình yêu và tưởng tượng đến những nơi mà câu chuyện đã xảy ra.

Khi đọc những địa danh như Paris, London, hay Genève, ông phải cố gắng lắm để hình dung ra chúng. Thành phố lớn duy nhất, ông từng tới thăm là Ibarra. Ông chỉ còn nhớ một cách mờ nhạt những đường phố lát đá, những khu nhà lúp xúp giống nhau, quét vôi màu trắng. Quảng trường Plaza de Armas, nơi người đi dạo đông như kiến trước sân nhà thờ lớn.

Những nhận thức về thế giới của ông dừng lại ở đó. Khi theo dõi những tình tiết xảy ra ở những thành phố với những cái tên xa lạ như Praha, hay Barcelona, ông có cảm giác thành phố nơi ông biết, Ibarra, không phải là thành phố dành cho những tình yêu bất tận.

Khi di cư về vùng Amazon cùng với Dolores, ông có đi qua hai thành phố, Loja và Zamora. Nhưng vì chỉ đi qua, nên ông không đủ khả năng

đánh giá ở những nơi đó tình yêu có thể tìm được một mảnh đất màu mỡ hay không.

Có một điều ông rất hay thích tưởng tượng, đó là tuyết rơi.

Lúc còn bé, ông đã nhìn thấy tuyết ở trên đỉnh núi lửa Imbabura, giống như một bộ da cừu được phơi khô trên ban-công. Việc những nhân vật trong tiểu thuyết có thể đi lại trên đó mà không sợ làm nó bắn gây cho ông cảm tưởng đây là một tội lỗi kỳ lạ, không thể tha thứ được.

Những đêm trời không mưa, ông rời võng đi ra sông tắm rồi nấu một nồi cơm để ăn cho cả ngày. Sau đó ông rán một khúc chuối xanh. Nếu có thịt khi, ông cho thêm vào đó dăm ba miếng ngon.

Những người khai hoang không thích thịt khi. Họ không hiểu rằng thứ thịt cứng và nhiều gân này có nhiều đạm hơn thịt lợn hay thịt bò, là thứ thịt của những gia súc vốn được nuôi bằng cỏ lác dại. Thứ cỏ chỉ chứa nước và không có vị. Hơn nữa thịt khi bắt người ta phải nhai lâu, lại càng lâu hơn nếu phải dùng răng giả, điều đó gây cảm giác ăn rất nhiều mà không nhồi nhét nhiều thứ vô ích vào cơ thể.

Trong bữa ăn, ông uống thứ cà phê được rang cháy trong một cái ấm sắt rồi nghiền thành bột bằng cối đá. Để cho ngọt ông pha thêm một ít đường kính và thêm vào đó một thìa rượu Frontera để làm nó đậm hơn.

Mùa mưa, ban đêm thường dài hơn bình thường, ông sung sướng lười biếng nằm trên võng cho đến lúc buồn đi tiểu hay cơn đói bắt ông phải rời bỏ nó.

Mùa mưa cũng có điều thuận lợi. Người ta chỉ cần bước xuống sông, lật mấy hòn đá dưới đáy nước, sục sạo trong bùn là có thể bắt được mấy con cua để ăn sáng.

Đấy là điều ông đang làm vào buổi sáng hôm đó. Ông cởi trần, thắt một đầu dây thừng vào ngang hông, còn đầu kia buộc chặt vào một cọc gỗ để đề phòng khi một cơn lũ bất ngờ ập tới, hay một thân cây trôi ngang qua cuốn ông đi. Khi lội nước đến chỗ ngập ngang ngực, ông ngập đầu lặn xuống. Ông nổi lên mặt nước với một mớ cua đang vùng vẫy loạn xạ trong tay, và khi ông chuẩn bị leo lên bờ thì nghe thấy tiếng kêu:

— Một cái thuyền độc mộc, một cái thuyền độc mộc bị trôi.

Ông nheo mắt cố gắng tìm kiếm chiếc thuyền, nhưng mưa làm mờ cả không gian. Bầu trời như một thùng nước khổng lồ, đổ nước xuống không ngừng nghỉ. Những giọt mưa trút xuống dòng sông hàng triệu mũi kim dày đến nỗi mặt sông không kịp nổi bong bóng. Đó có thể là ai? Chỉ có một kẻ điên mới mạo hiểm chèo thuyền trên sông trong một cơn hồng thủy như thế này.

Những tiếng kêu vẫn tiếp tục, ông nhác thấy những bóng người đang chạy về phía bờ sông.

Sau khi nhốt những con cua bắt được vào trong một cái lọ úp xuống trước cửa nhà, ông vội vàng mặc quần áo, vợ lấy một mảnh ni-lông đội lên đầu, tất tả chạy theo.

Những người đàn ông tránh ra một phía để nhường đường cho xã trưởng. Lão mập không mặc áo sơ mi, cả người ướt lướt thướt dưới một cái ô to màu đen.

— Có chuyện gì thế? — Xã trưởng quát hỏi khi đi tới bờ sông.

Thay cho câu trả lời, người ta chỉ cho xã trưởng chiếc thuyền độc mộc được buộc vào cây cọc. Vẻ tồi tàn của nó báo hiệu thuyền thuộc về những người đi đãi vàng. Một nửa thân thuyền đã ngập nước, sở dĩ nó còn nổi là vì làm bằng gỗ. Trên thuyền đong đưa một xác đàn ông, cổ và cánh tay bị cào rách. Bàn tay bám chặt vào mạn thuyền với những ngón tay đã bị cá

ria. Cái xác không còn mắt. Những con gà rừng, loài chim màu đỏ, bé nhỏ nhưng săn chắc, loài duy nhất có khả năng bay dưới trời mưa như trút nước, đã làm tròn nhiệm vụ xoá đi tất cả thần sắc của người quá cố.

Xã trưởng ra lệnh kéo cái xác lên bờ. Lúc xác được đặt nằm trên bờ sông, người ta có thể nhận ra người xấu số bởi cái mồm của hắn.

Đó là Napoléon Salinas, một người đi tìm vàng, mới hôm qua còn được bác sĩ chữa răng. Salinas là một trong số ít người không muốn nhổ răng, mà muốn bịt răng bằng vàng. Hắn có một cái mồm đầy vàng. Dưới trời mưa đang làm bết tóc hắn, hàm răng nở một nụ cười mà chẳng ai muốn chiêm ngưỡng.

Xã trưởng đưa mắt tìm ông già:

— Thế nào? Lại là con mèo cái à?

Antonio José Bolivar ngồi xõm trước cái xác, không quên nhớ tới mớ cua đang bị cầm tù ở nhà. Ông vạch vết thương nơi cổ, biểu thị sự đồng tình bằng một cái gật đầu.

— Tốt lắm, bớt đi được một thằng. Xã trưởng kết luận. Sớm hay muộn ma quỷ cũng bắt chúng đi.

Lão béo có lý. Trong mùa mưa, những người tìm vàng bị cầm chân trong những căn nhà được xây vôi vàng. Họ ngồi rình những khoảnh khắc ngớt mưa hiếm hoi. Nhưng trời không bao giờ tạnh được lâu, mà luôn vôi vàng nhường bước cho những cơn mưa xối xả như vôi rỗng.

Họ áp dụng đúng từng chữ câu châm ngôn "thời gian là vàng bạc", bởi trời mưa làm cho họ có thời gian chơi bời. Họ đánh bài bằng những bộ tú nhầy nhựa mỡ, mà những hình vẽ đã bạc cả màu lờ mờ khó nhận ra được. Máu cờ bạc bốc lên, ai cũng muốn có con át chủ. Họ nghi ngờ lẫn nhau và

trước khi cơn mưa tạnh, luôn có một kẻ nào đó bị biến mất. Người ta không thể biết kẻ đó bị dòng nước cuốn mất hay rừng già nuốt đi.

Thỉnh thoảng, từ bờ sông ở làng El Idilio, người ta nhìn thấy một cái xác trương phềnh lẩn giữa những cành cây bị nước cuốn trôi, nhưng chẳng ai bận tâm tìm cách lôi nó vào bờ.

Đầu Napoléon Salinas gục xuống lưng lẳng, chỉ có cánh tay bị cào nát chứng tỏ anh ta đã tìm cách chống trả lại.

Xã trưởng rũ túi quần hăn. Ông ta tìm thấy cái chứng minh thư bạc phếch, vài đồng xu, một ít thuốc lá, và một cái túi da nhỏ. Ông mở cái túi và đếm được 20 cục vàng nhỏ, bé như những hạt thóc.

— Thế nào, chuyên gia, ông nghĩ sao?

— Cùng giống suy nghĩ của ông, thưa ông xã trưởng. Đêm qua hăn đã đi từ đây về muộn, lại say ngất ngưỡng. Bất ngờ gặp mưa giữa đường, nên hăn ghé xuống vào bờ để ngủ qua đêm. Chính vào lúc ấy, con báo cái đã tấn công. Hăn còn kịp nhảy lên xuống để thoát ra sông, mặc dù đã bị thương. Nhưng rồi kiệt sức vì mất nhiều máu.

— Rất hân hạnh vì chúng ta đồng ý với nhau — Lão béo nói.

Xã trưởng chỉ định một người đứng cạnh giường hộ cái ô, để hăn phân chia số vàng cho những người có mặt. Sau đó ông ta lấy lại cái ô, dùng chân đẩy cái xác xuống nước, để đầu đi đằng trước. Cái xác nặng nề chìm xuống sông. Cơn mưa nặng hạt ngăn không cho người ta nhìn thấy cái xác nổi lên...

Hài lòng, xã trưởng vẫy vẫy cái ô ra hiệu giải tán. Khi thấy tất cả đám đông đều nhìn ông già chờ đợi, không ai nghe lời, hăn nhổ một bãi nước bọt xuống đất với vẻ bực mình.

— Còn thế nào nữa? Mọi việc đã kết thúc. Các người còn muốn gì?

Dân chúng tiếp tục nhìn ông già chờ đợi, làm ông bắt buộc phải nói.

— Giả sử một người phải cập bến do trời tối bất ngờ, người ta sẽ cập vào bờ nào để chờ trời sáng?

— Phía bờ an toàn nhất, phía làng chúng ta — Lão béo trả lời.

— Ông đã nói bờ phía chúng ta, thưa ông xã trưởng. Người ta luôn ghé bờ phía này vì nếu chẳng may thuyền bị trôi mất, thì vẫn còn khả năng đi bộ trở về làng, bằng cách vạt cây băng rừng mà đi. Đấy cũng là điều mà tay Salinas tội nghiệp này nghĩ.

— Thế thì đã sao? Chuyện đó còn có ý nghĩa gì bây giờ?

— Có rất nhiều ý nghĩa; Nếu ông chịu khó suy nghĩ một tí, ông sẽ thấy con báo cũng ở cùng phía bờ sông với làng chúng ta. Ông nghĩ rằng con báo có thể vượt sông trong thời tiết như thế này?

Lời nói của ông già gây nên những lời bàn tán xôn xao. Dân chúng chờ đợi câu trả lời của xã trưởng. Dù sao đi nữa, chính quyền cũng có nghĩa vụ phải làm một việc gì đó.

Lão béo cảm thấy sự chờ đợi của mọi người như một sự khiêu khích, nên giả bộ tập trung suy nghĩ, cái cổ béo núc rụt lại dưới cái ô đen. Mưa bỗng nhiên nặng hạt đột ngột, khiến những miếng ni-lông dính chặt vào mỗi người như một lớp da thứ hai.

— Con thú còn ở xa. Các người có nhìn kỹ cái xác không? Không còn mắt và đã bị ăn mất một nửa. Điều đó không thể xảy ra trong vòng một giờ, thậm chí năm giờ. Tôi không thấy có điều gì khiến các người phải sợ đến vãi đái trong quần. — Xã trưởng vênh váo tuyên bố.

— Có thể là như thế, nhưng có điều chắc chắn là xác chết chưa bị cứng, và chưa bốc mùi.

Ông lão đập lại.

Không nói thêm và cũng không ở lại thêm, ông lão quay người đi và tự hỏi nên ăn cua rán hay cua luộc. Trong khi đi về đến nhà mình, ông còn kịp nhìn thấy cái bóng béo hủ cô độc của xã trưởng đứng dưới cái ô, trông hẳn giống như một cây nấm khổng lồ bất ngờ mọc lên trên bờ sông lát ván.

ÔNG GIÀ ĐỌC TRUYỆN TÌNH

Luis Sepúlveda
www.dtv-ebook.com

Chương 6

Sau khi ăn những con cua vừa béo vừa bùi, ông già tỉ mỉ rửa sạch hàm răng giả của mình, gói nó lại trong khăn mùi-xoa. Ông dọn sạch sẽ mặt bàn, vứt tất cả rác xuống sông, rồi mở một chai rượu Frontera và chọn lấy một quyển truyện.

S

Mưa như trút tứ phía, càng làm tăng thêm vẻ ẩm cúng của căn nhà. Câu chuyện bắt đầu hấp dẫn.

“Paul trao cho nàng một nụ hôn nồng cháy trong khi người cầm lái đồng lõa với bạn mình, giả vờ nhìn đi chỗ khác. Chiếc gondola (1) mà bên trong được lót bằng những tấm gối mềm lướt êm ả trên những kênh đào ở Venise”.

Ông già cất cao giọng đọc to nhiều lần.

Đó có thể là cái gì nhỉ, chiếc gondola?

Cái vật đó có thể lướt trên kênh đào, chắc chắn nó phải là một chiếc thuyền hay cái xuồng. Thế còn Paul, hẳn rõ ràng không phải là một người đáng tin cậy, bởi hẳn đã trao những “cái hôn nồng cháy” cho một cô gái trước mặt một người bạn, hơn nữa đó lại là một kẻ đồng lõa.

Mở đầu của câu chuyện làm ông thích thú. Ông biết ơn tác giả đã chỉ ngay từ đầu nhân vật nào là xấu. Như vậy, người ta sẽ tránh được những

hiếu nhằm cùng những thiện cảm không xứng đáng dành cho nhân vật.

Còn lại “những cái hôn nồng cháy”. Người ta có thể thực hiện nó như thế nào?

Ông nhớ lại những lần hiếm hoi ông hôn Dolores. Có thể ông không để ý, nhưng một trong những cái hôn ấy là “cái hôn nồng cháy” như của Paul trong tiểu thuyết.

Dù sao đi nữa, ông không trao nhiều cái hôn lắm, bởi vì hoặc vợ ông cười phá lên, hoặc cô ấy sẽ nói với ông rằng đó chắc chắn là một tội lỗi.

Một cái hôn nồng cháy. Một cái hôn. Giờ đây ông mới phát hiện ra, ông không hôn bao nhiêu và duy nhất chỉ hôn vợ mình, bởi vì người Shuars không biết hôn.

Họ, cả đàn ông và đàn bà chỉ vuốt ve khắp thân thể nhau và không hề quan tâm tới sự có mặt của một người thứ ba. Ngay cả khi làm tình với nhau, họ cũng không hôn. Phụ nữ thích ngồi lên trên người đàn ông. Những người đàn bà nói rằng, ở vị trí ấy họ cảm nhận tình yêu rõ rệt hơn, ngay cả những anents đi cùng với hành động cũng ngân lên mãnh liệt hơn.

Không. Đối với người Shuars cái hôn không tồn tại.

Ông nhớ nhìn thấy một lần, một kẻ đi tìm vàng muốn làm tình với một phụ nữ Jivaro. Một cô gái tội nghiệp, chuyên môn lượn quanh đám dân khai hoang và những kẻ tìm vàng để xin một ngụm rượu. Nếu muốn, tất cả cánh đàn ông đều có thể mang cô ta vào một góc để chiếm đoạt. Đờ dẩn vì rượu, cô gái tội nghiệp không còn nhận thức được người ta đang làm gì cô. Nhưng lần ấy, gã phiêu lưu kia đè cô ra bãi cỏ, rồi tìm cách dán môi mình vào mồm cô ta.

Cô gái đã hành động như một con thú hoang. Cô đẩy hẳn ngã lăn ra đất, ném một vốc cát vào mắt, rồi chạy đi nôn oẹ một cách ghê tởm.

Nếu một cái hôn nồng cháy là như thế, thì anh chàng Paul ở trong tiểu thuyết chỉ là một con lợn.

Cho đến giờ ngủ trưa, ông đã đọc được khoảng bốn trang và nằm ngẫm nghĩ về nội dung của nó. Ông bận tâm nghĩ về việc không thể hình dung ra Venise bằng cách gán cho nó những gì ông tưởng tượng được từ những thành phố khác. Những thành phố mà ông khám phá ra trong các cuốn tiểu thuyết.

Có vẻ như ở Venise, các đường phố bị ngập lụt và dân chúng bắt buộc phải di chuyển bằng gondola. Những chiếc “gondola”! Rốt cuộc, từ “gondola” đã hấp dẫn ông đến mức ông nghĩ rằng sẽ là một điều rất thú vị, nếu ông đặt tên cho cái xuồng của mình là gondola của sông Nangaritzza.

Ông suy nghĩ đến đó, thì cơn buồn ngủ trưa ập đến. Ông nằm duỗi dài trên cái võng thiếp đi với một nụ cười sung sướng khi nghĩ tới chuyện dân chúng ở Venise có thể ngã thẳng xuống nước, lúc họ bước qua bậc thềm nhà mình.

Lúc chiều xẩm tối, sau một bữa tiệc cua nữa, ông định tiếp tục đọc sách, nhưng đầu óc bị phân tán bởi những tiếng kêu làm ông phải đội mưa thò đầu nhìn ra ngoài.

Một con lừa trong cơn hoảng sợ đang phóng như bay trên đường, vừa chạy nó vừa kêu thất thanh. Nó đá hậu lung tung khi có người định giữ nó lại. Bị kích thích bởi sự tò mò, ông choàng vội miếng ni-lông lên vai rồi đi ra ngoài xem có chuyện gì đã xảy ra.

Sau rất nhiều cố gắng, dân chúng cũng bao vây được con vật số chuồng. Họ vừa siết dần vòng vây vừa tránh những cái đá của nó. Có nhiều người bị ngã bổ chửng, rồi họ lại đứng dậy, người lấm bê bết bùn. Cuối cùng, con vật cũng bị ghìm lại và đứng im.

Con lừa mang trên mình những vết rạch sâu ở bên sườn, và ra nhiều máu từ một vết thương dài chạy từ cổ xuống phía dưới bắp chân trước.

Xã trưởng, lần này không đội ô, ra lệnh cho dân chúng vật ngã nó xuống để giết. Con vật nhận một loạt đạn, đập chân mấy cái trong không khí rồi nằm im bất động.

— Đây là con lừa của Alkaseltzer Miranda. — Một người nào đó nói.

Những người vây quanh gặt đầu. Miranda là một người khai hoang ở cách làng El Idilio bảy cây số. Hắn ta đã bỏ làm ruộng, khiến chúng bị biến thành rừng, để mở một cái quán xập xệ. Hắn bán rượu mạnh, muối, thuốc lá, và alkaseltzer, (2) từ đó mà tên thuốc trở thành tên lóng của hắn. Khách hàng là những người đi tìm vàng không muốn mất công đi vào tận làng.

Con lừa được đóng yên, đó là dấu hiệu chứng tỏ người ta phải tìm thấy người cưỡi ở đâu đấy.

Xã trưởng hạ lệnh cho mọi người chuẩn bị một cuộc tìm kiếm vào sáng ngày mai về hướng quán của Miranda, đồng thời chỉ định hai người xẻ thịt con lừa.

Những con dao rừng bắt đầu hoạt động dưới trời mưa, chúng xẻ con lừa còm cõi một cách chính xác, khéo léo. Mỗi lần những lưỡi dao đâm máu giơ lên, chúng lập tức được rửa sạch bằng nước mưa xối xuống, trước khi con dao được giáng xuống tiếp để chiến thắng xương cốt con vật.

Thịt phay ra được mang tới trước cửa toà thị chính, để lão béo chia phần cho những người có mặt.

— Này lão, ông muốn miếng thịt nào?

Antonio José Bolivar trả lời ông chỉ muốn ít gan và hiểu rằng sự quan tâm của xã trưởng là có ý ngầm tính ông vào những người tham gia cuộc

tìm kiếm ngày mai.

Cầm miếng gan còn nóng trên tay, ông quay về lều của mình. Theo sau ông là những người đang mang đầu, và những bộ phận không ăn được của con vật vớt xuống sông. Màn đêm kéo xuống. Trong tiếng mưa rơi, người ta còn nghe thấy tiếng chó sủa. Chúng đang tranh nhau bộ ruột của con lừa rơi vung vãi trong bùn.

Vừa rán miếng gan với những lá thơm dùng làm gia vị, ông vừa lầm bầm nguyện rửa tai nạn đã kéo ông ra khỏi cuộc sống yên bình của mình. Ông không thể tập trung đọc sách được, vì ông bắt buộc phải suy nghĩ tới cuộc tìm kiếm ngày mai dưới sự chỉ huy của xã trưởng.

Mọi người đều biết, xã trưởng luôn luôn để mắt tới ông, sự khó chịu của hắn chắc chắn càng tăng thêm sau cái chết của thằng Mỹ và hai người thổ dân Shuars.

Lão béo có thể gây phiền phức, ông đã có kinh nghiệm về điều đó.

Ông càu nhàu lắp hàm răng giả vào, và bắt đầu nhai miếng gan. Ông vẫn nghe nói tuổi già mang đến sự thông thái và ông chờ đợi nó với sự tin tưởng chắc chắn rằng cái giá trị đạo đức ấy sẽ mang lại cho ông điều ông mong muốn nhất: khả năng làm chủ được những dòng ký ức mà không bị rơi vào cái bầy lãnh quên của trí nhớ...

Nhưng ngay lần này nữa, ông cũng không cưỡng lại được, trong khi bên ngoài vẫn vọng vào tiếng mưa rơi đều đều.

Cách đây mấy năm, vào một buổi sáng có một chiếc tàu mà chưa một ai nhìn thấy bao giờ cập bến làng El Idilio. Một cái tàu đáy phẳng chạy bằng động cơ. Nó cho phép chở được 8 người một cách rộng rãi. Người ta có thể ngồi ngang hai người một cạnh nhau, chứ không phải ngồi theo hàng dọc, chân bó gối như trên thuyền độc mộc.

Phương tiện hiện đại ấy mang tới bốn tên Mỹ, được trang bị máy ảnh, lương thực dự trữ, cùng với những dụng cụ tinh vi khác mà dân chúng không biết dùng để làm gì. Họ bám theo xã trưởng mấy ngày liền, chuốc rượu Whisky cho hăng tới lúc hăng vênh mặt lên vì kiêu ngạo và giới thiệu ông lão như là người thông thạo nhất vùng Amazon. Rồi xã trưởng dẫn chúng đến cửa nhà ông.

Lão béo người nông nặc mùi rượu không ngớt gọi ông già là người bạn và là người cộng sự thân thiết, trong lúc những thằng Mỹ chụp ảnh ông và tất cả những gì lọt vào ống kính của chúng.

Chúng đi vào nhà mà không xin phép. Một gã trong số đó, sau khi phá lên cười, nhất định đòi mua bằng được cái khung ảnh có hình ông và Dolores. Gã còn tự tiện gỡ nó xuống nhét vào trong xắc và đặt lên bàn một nắm đô-la.

Ông già phải khó khăn lắm mới làm chủ được mình để thốt ra lời.

— Ông hãy bảo thằng mất dạy kia đặt ngay tấm ảnh vào chỗ hăng đã lấy ra, nếu không lão sẽ dùi hai phát đạn làm cho hăng mất dái bây giờ. Hãy nói thêm với hăng, khẩu súng này luôn nạp đạn sẵn.

Nhưng kẻ không mời mà đến kia đều hiểu tiếng Tây-ban-nha, nên chẳng cần xã trưởng truyền đạt lại tí mỷ ý định của ông già. Lão béo phân bua với chúng về tình bạn, yêu cầu chúng thông cảm, giải thích rằng ở chốn này những kỷ niệm gia đình là thiêng liêng, van xin chúng đừng phật ý, rồi bảo đảm rằng những người Ecuador nói chung, và hăng nói riêng, rất quý những vị khách Bắc Mỹ. Hăng còn nói rằng nếu chúng muốn tìm mua những đồ lưu niệm, hăng có thể đích thân đi tìm hộ.

Khi bức ảnh được đặt vào chỗ cũ, ông già lên đạn và ra lệnh cho chúng đi ra khỏi nhà.

— Lão già ngu ngốc. Lão làm ta mất một món béo bở. Cả lão cũng vậy, lão cũng mất một dịp làm ăn. Chúng nó đã trả lão tấm ảnh, lão muốn đòi gì hơn nữa.

— Chúng hãy rút đi, lão không muốn dính đến những kẻ không biết tôn trọng nhà riêng của người khác.

Xã trưởng muốn nói thêm vài câu, nhưng khi nhìn thấy nét mặt khinh miệt của những vị khách trước khi chúng quay đi, hẳn không kìm nổi cơn giận dữ.

— Kẻ phải đi là lão, lão già khốn kiếp!!!

— Lão ở trong nhà lão.

— Thế hả? Lão chưa bao giờ tự hỏi cái khu đất này là của ai, nơi lão dựng cái đồng khốn khiếp như tổ chuột này lên? — Không của ai cả. Chỗ đất này không có chủ.

Xã trưởng nở một nụ cười đắc thắng.

— Lão làm to. Tất cả đất đai trong vòng 100 mét, chạy dọc theo hai bờ sông là của nhà nước. Nhà nước ở đây là tôi. Chúng ta sẽ nói chuyện với nhau sau. Tôi không dễ quên những gì lão làm với tôi đâu.

Ông già cố kìm ý định bóp tay vào cò súng. Ông tưởng tượng hai viên đạn sẽ khoan vào cái bụng phệ kia, xuyên thủng ra sau lưng, làm lòi ruột hẳn ra.

Lão béo nhìn thấy đôi mắt sáng rực của ông già, tự hiểu là mình không nên chậm trễ chạy theo nhóm người Mỹ kia.

Sáng hôm sau khi con tàu rời bến, nó có thêm hai người khách nữa. Một người là dân khai hoang còn người kia là một thổ dân Jivaro. Họ được xã

trưởng giới thiệu làm nhiệm vụ dẫn đường vì những hiểu biết của họ về rừng.

Antonio José Bolivar chờ đợi cuộc viếng thăm tiếp theo của lão béo với khẩu súng lên đạn sẵn.

Nhưng lão béo giữ khoảng cách, không đến gần ngôi nhà. Ngược lại ông lại có một cuộc viếng thăm của Onecen Salmundio, một ông lão tuổi đã 80 người vùng Vilcabamba. Một người vẫn coi ông là bạn bởi họ cùng là đồng hương từ trên cao nguyên xuống.

— Có chuyện gì xảy ra thế?

— Chẳng có chuyện gì. Còn cụ, cụ đến chơi có việc gì không?...

— Tôi biết được vài chuyện. Con sên trần tới nhà yêu cầu tôi dẫn tụi Mỹ vào rừng. Tôi phải khó khăn lắm mới giải thích được, với tuổi tác của mình, tôi không thể dẫn họ đi xa. Phải xem hăn tán tỉnh khéo như thế nào, cái con sên trần ấy. Hăn không ngừng nói với tôi, tụi Mỹ sẽ rất mừng khi có tôi dẫn đường, bởi vì tôi có một cái tên Mỹ.

— Thế là thế nào?

— Nó là thế này. Tên tôi là Onecen, đấy là một cái tên của một vị thánh của chúng. Nó được viết trên tiền của người Mỹ, với một chữ “t” ở sau cùng, One cent. (3)

— Linh tính nói với tôi, cụ tới đây không phải để nói chuyện đó.

— Đúng vậy, tôi đến để khuyên ông nên cẩn thận. Con sên trần đang để ý tới ông. Hăn đã nói với mấy thằng Mỹ trước mặt tôi. Hăn muốn trên đường về chúng sẽ qua yêu cầu quận trưởng công an đồn El dorado gửi đến đây hai cảnh sát. Hăn muốn đuổi ông đi khỏi nhà.

— Tôi có đủ đạn để tiếp đãi chúng. — Ông khẳng định với vẻ không chắc chắn lắm.

Những tối tiếp theo, ông không làm sao ngủ được.

Liều thuốc an thần đến một tuần sau đó, khi con tàu quay trở về. Nó cập bến một cách vội vàng, khiến thân tàu va vào những cọc gỗ ke bờ. Chẳng ai quan tâm đến chuyện mang đồ lên bờ. Tàu chỉ chở có ba người Mỹ. Vừa đặt chân lên bờ, chúng vội vàng chạy đi tìm xã trưởng.

Một lúc sau, xã trưởng tới thăm ông để giảng hòa.

— Lão nghe đây. Giữa những người công giáo với nhau, chúng ta có thể nói chuyện và kết thúc bằng thoả thuận với nhau. Những gì tôi nói là đúng. Nhà của lão xây trên đất của nhà nước, và lão không có quyền ở lại đây. Đáng nhẽ tôi phải cho bắt lão vì việc chiếm đất bất hợp pháp. Nhưng chúng ta là bạn bè với nhau. Thân đến mức như người ta vẫn nói hai bàn tay rửa lẫn cho nhau, vì cả hai đã cùng rửa dít. Chúng ta phải có nhiệm vụ giúp đỡ lẫn nhau.

— Bây giờ ông muốn gì?

— Trước tiên lão hãy nghe tôi nói. Tôi sẽ kể cho lão chuyện gì đã xảy ra. Vừa đến chỗ dừng chân thứ hai, tên thổ dân Jivaro đã chuồn mất với tất cả số rượu whisky mang theo. Lão biết bọn mọi rồi đấy. Chúng chỉ nghĩ tới việc ăn cắp. Tên khai hoang nói với tụi Mỹ, điều đó không có gì là quan trọng. Tụi Mỹ muốn đi sâu vào rừng để chụp ảnh người Shuars. Tôi chẳng hiểu điều gì làm chúng thích tụi thổ dân cời truồng đến thế. Dù sao, tên khai hoang cũng dẫn chúng đến tận chân núi Yacuambi không có vấn đề gì. Nhưng chúng nói ở đó chúng bị khỉ tấn công. Tôi chẳng hiểu gì cả, vì chúng lên cơn điên hết rồi. Cả ba cùng tranh nhau nói. Chúng nói khi đã giết chết tên dẫn đường và một người trong bọn chúng. Tôi không thể tưởng tượng được. Từ khi nào tụi khỉ ouistitis giết người? Chỉ cần một cái

tát, người ta cũng đủ đánh bay cả chục con khi. Tôi nghĩ, đó là tụi Jivaro. Lão nghĩ thế nào?

— Ông biết rất rõ là người Shuars luôn tránh chuyện rắc rối. Nếu đúng như chúng nói, thì người ta đã dẫn chúng tới tận chân núi Yacuambi. Ông phải biết người Shuars không còn ở đó từ lâu. Ông cũng phải biết tụi khi có thể tấn công. Đúng là chúng bé nhỏ, nhưng với cả đàn ngàn con, chúng đủ khả năng gặm nát một con ngựa.

— Tôi không hiểu. Tụi Mỹ không đi săn. Ngay cả súng chúng cũng không mang.

— Có quá nhiều điều ông không hiểu. Còn tôi, tôi đã sống bao nhiêu năm với rừng, tôi biết. Ông có biết người Shuars làm thế nào khi họ đi qua vùng khi sinh sống? Đầu tiên, họ gỡ tất cả đồ trang sức sặc sỡ trên người để không làm chúng tò mò. Sau đó họ bôi đen những mũi giáo bằng tro cọ. Ông có thấy không, với máy ảnh, đồng hồ, dây chuyền bạc, mặt thắt lưng, dao găm, bọn Mỹ đã làm tất cả mọi điều để khiêu khích của tụi khi. Tôi biết vùng rừng đó và biết loài khi sinh hoạt thế nào. Tôi có thể nói với ông, nếu ông nhớ quên một chi tiết gì đó, khi trên người ông có một chút gì có thể thu hút sự tò mò của khi, khiến chúng tụt từ trên cây xuống để lấy, thì ông nên để cho chúng lấy. Nếu ông chống cự lại, chúng sẽ rú rít lên, và chỉ trong vài giây đồng hồ, cả ngàn con khi lông lá giận dữ sẽ lao xuống.

Lão béo vừa nghe vừa thăm mồ hôi.

— Tôi tin lão. Nhưng tất cả những chuyện đó là lỗi của lão, vì lão đã từ chối không đi dẫn đường cho chúng. Đi với lão sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra. Bọn chúng còn có giấy giới thiệu của thống đốc bang. Bây giờ tôi đang sống dở chết dở. Lão phải giúp tôi.

— Bọn chúng sẽ chẳng nghe lời tôi đâu. Chúng luôn nghĩ chúng biết hết mọi điều. Nhưng ông vẫn chưa nói ông muốn gì ở lão.

Xã trưởng rút từ trong túi ngực một bình whisky và mời ông già một ngụm. Ông đón lấy, chỉ để nếm cho biết mùi. Ngay lập tức ông cảm thấy xấu hổ bởi tính tò mò như tội khi ouistitis của mình.

— Họ yêu cầu cần có một người để đi nhặt những gì còn lại của người chết. Tôi thề với lão chúng sẵn sàng trả nhiều tiền cho việc này, và lão là người duy nhất có thể làm điều đó.

— Đồng ý. Nhưng tôi không muốn dính dáng vào chuyện của các người. Tôi sẽ mang về những cái gì còn lại của thằng Mỹ. Còn ông, ông để cho lão yên.

— Tất nhiên rồi, ông lão. Tôi đã nói với ông, giữa những người Công giáo với nhau, chúng ta có thể bàn bạc để cuối cùng sẽ thoả thuận được với nhau.

Ông chẳng cần phải cố gắng nhiều lắm để tìm thấy chỗ tụi Mỹ nghỉ lại đêm đầu tiên. Rồi ông dùng dao rùng phạt cây mở đường đi tới Yacuambi, nơi có rừng đại ngàn, giàu hoa quả dại, chỗ ở của nhiều bầy khỉ. Ở đây ông chẳng cần tìm dấu vết. Trong cuộc bỏ chạy của mình, những người Mỹ đã bỏ lại một số lượng vật dụng đủ để ông tìm đến nơi còn sót lại những mảnh xác của kẻ xấu số.

Ông nhận ra người dẫn đường trước. Ông biết điều đó bởi cái sợ người không có răng. Thằng Mỹ nằm cách xa hơn vài mét. Kiến rừng đã làm việc một cách tuyệt vời. Chúng chỉ để lại duy nhất những mẫu xương nhẵn nhụi, sạch sẽ trơn tru như những cục phấn trắng; những con kiến đang dọn dẹp nốt bộ xương. Giống như những người thợ rừng bé tí hon da nâu sẫm, chúng đang khiêng nốt đi từng sợi tóc màu vàng rơm để phủ lên cái chóp ra vào của tổ kiến.

Ông vừa chậm chạp chiêm một điều xì-gà vừa ngắm nhìn công việc của loài côn trùng trong khi chúng hoàn toàn thờ ơ với sự có mặt của ông. Chợt

ông nghe thấy một tiếng động vọng đến từ phía trên cao khiến ông không nén nổi một nụ cười. Một con khỉ ouistitis bé tí xíu đang bị lôi tuột xuống gốc cây bởi sức nặng của cái máy ảnh mà nó không muốn buông ra.

Ông hút hết điếu xì-gà. Với con dao rọc, ông giúp lũ kiến cạo sạch sẽ hộp sọ, rồi bỏ bộ hài cốt vào một cái túi.

Tên người Mỹ xấu số chỉ thành công giữ lại được một vật dụng duy nhất: cái thắt lưng, mà bây giờ không tháo được mặt khoá mạ bạc có hình móng ngựa.

Ông trở về làng El Idilio đưa tất cả những đồ tìm được cho xã trưởng. Hãnh để cho ông yên. Còn ông cũng cố gắng làm tất cả mọi điều để giữ lấy không khí hoà bình. Bởi những khoảnh khắc hạnh phúc lúc ông đứng trước bàn, mặt hướng ra dòng sông, đọc tiểu thuyết tình yêu phụ thuộc vào điều đó.

Chú thích (1): Gondola: loại thuyền thoi hai mũi thuyền nhô lên cao, dùng trong giao thông ở thành phố Venice, Ý.

(2): Alkaseltzer là một loại thuốc của hãng dược phẩm Bayer, chuyên trị đầy hơi, sinh bọng, chuột rút ở bắp chân, tiêu chảy và đau lưng.

(3): “one cent” nghĩa là một xu, tiếng Anh, viết gần giống như tên ông lão Onecen.

ÔNG GIÀ ĐỌC TRUYỆN TÌNH

Luis Sepúlveda
www.dtv-ebook.com

Chương 7

Dân chúng tập trung từ sáng sớm, lúc người ta mới chỉ đoán được những tia nắng đầu tiên lấp ló sau những đám mây dày. Họ lục tục kéo nhau tới, đi chân đất, quần xắn tới đầu gối, vừa đi vừa nhảy tránh những đồng bùn ở trên đường.

D

Xã trưởng ra lệnh cho vợ mang cà phê và chuối xanh phục vụ mọi người, trong khi hân hoan phát đạn. Mỗi người được nhận ba băng đạn kếp, cộng thêm vài liều thuốc lá được buộc thành bó, diêm và một chai rượu Frontera.

— Việc này thì nhà nước trả tiền; các người phải ký giấy biên nhận khi xong việc.

Mọi người ăn uống và chuyền tay nhau những ngụm rượu đầu tiên trong ngày.

Antonio José Bolívar ngồi cách xa mọi người, và không đụng đến bữa ăn sáng để trong cái nồi sắt trắng.

Ông đã ăn từ rất sớm vì biết rằng đi săn khi quá no bụng là một điều không tốt. Người thợ săn bao giờ cũng phải hơi đói, bởi vì cơn đói khiến những giác quan tinh táo. Ông không ngừng nhổ nước bọt lên lưỡi dao, mài đi mài lại con dao rừng, rồi nheo mắt lại để kiểm tra độ bén của lưỡi thép.

— Chương trình sẽ như thế nào? — Một người hỏi.

— Chúng ta sẽ đi tới nhà của Miranda, rồi tính sau.

Lão béo rõ ràng không phải là người biết tính toán. Sau khi kiểm tra một cách phô trương khẩu súng Smith&Wesson đã được nạp đạn, hắn chui đầu vào một bộ quần áo bảo hộ màu xanh bằng ni-lông chặt chẽ. Bộ quần áo bó siết hắn lại làm lộ những ngón mỡ.

Bốn người cùng đi không ai cả gan bình phẩm một lời. Họ chỉ cười thầm khi thấy hắn toát mồ hôi đầm đìa như một cái vôi nước gi bị buộc phải chảy tong tỏng mãi không thôi.

“Rồi mày sẽ thấy, con sên trần. Mày sẽ biết thế nào là nóng bức trong cái áo mưa kia. Đến con cu của mày cũng sẽ bị nấu chín trong đó”.

Ngoài xã trường, tất cả mọi người đều đi đất. Dân chúng bọc mũ rơm trong túi ni lông, còn xì-gà, đạn, diêm... đều được họ gói cẩn thận để vào trong gùi có nắp bằng cao-su. Họ đeo súng không nạp đạn ở trước ngực.

— Xin phép ông, tôi nghĩ đôi ủng cao-su sẽ làm ông vướng víu trong chuyến đi. — Một người nói Lão béo làm ra vẻ không nghe thấy, giơ tay ra hiệu khởi hành.

Họ nhanh chóng bỏ lại ngôi nhà cuối cùng của El Ildilio ở lại sau lưng và đi sâu vào rừng. Trời ngớt mưa, nhưng nước mưa nặng nề trút xuống từ những tán lá. Mưa bị giữ lại trên mái cây rừng, rồi đọng lại trên lá, cho đến lúc cành cây không chịu nổi sức nặng, đổ chúng xuống với tất cả hương vị của rừng.

Họ đi chậm chạp vì bị ngăn cản bởi bùn, cành cây, và những cây bụi xông ra lấn chiếm con đường mòn với tất cả sức sống mãnh liệt của thiên nhiên.

Họ chia thành toán nhỏ để di chuyển dễ dàng hơn. Hai người đi trước dùng dao rừng mở đường. Kế đó là xã trưởng vừa đi vừa thở hổn hển, ướm từ trong ra ngoài. Hai người đi chặn hậu và chặt nốt những cành cây bị bỏ sót.

Antonio José Bolivar thuộc vào số người đi cuối.

— Mọi người hãy nạp đạn vào. — Lão béo ra lệnh. — Nên chuẩn bị sẵn sàng trước.

— Để làm gì, thưa ông. Băng đạn để trong gùi sẽ được khô ráo.

— Tôi là người chỉ huy ở đây.

— Thưa ngài xã trưởng. Vâng, xin tuân lệnh, đúng đây là đạn của chính phủ. — Mọi người giả vờ nạp đạn.

Sau năm giờ đi bộ, họ mới đi được khoảng hơn 1km. Rất nhiều lần, họ phải dừng lại vì đôi ủng của lão béo.

Chân hần liên tục tụt xuống bùn với tiếng động như thể bùn sắp sửa nuốt toàn bộ thân thể phì nộn của hần. Hần cứ vùng vẫy vùng vẫy, để rồi ngập sâu xuống bùn hơn. Mọi người phải xốc nách hần lên, nhưng chỉ vài bước tiếp theo, bùn lại ngập tới đầu gối hần.

Bất ngờ hần bị mất mất một chiếc ủng. Bàn chân được giải phóng rút lên trắng nhợt, nhưng để giữ thăng bằng hần lập tức dẫm lại xuống đúng vào cái lỗ mà chiếc ủng đã biến mất.

Ông già và những người đi cùng phải kéo hần lên.

— Chiếc ủng của tôi. Các người phải tìm nó cho tôi. — Lão béo ra lệnh.

— Chúng tôi đã nói nó chỉ gây thêm phiền toái cho ông. Ủng đã mất rồi, hãy làm như chúng tôi. Hãy dẫm lên những cành cây mục. Đi chân đất dễ

dàng hơn, chúng giúp chúng ta đi được nhanh hơn.

Tức giận, xã trưởng cúi người, cố gắng dùng tay vét bùn. Một việc không thể làm được. Hắn chỉ móc lên những nắm bùn đen nhầy nhụa mà không thể đào được một cái hố trên mặt bùn phẳng.

— Nếu tôi là ông, tôi sẽ không làm như thế. — Một người nói. — Người ta không thể đoán được có những con bọ gì đang nằm dưới đó.

— Đúng là thế. — Ông già tiếp lời. — Ví dụ như những con bọ cạp. Chúng ẩn sâu dưới bùn chờ cho đến hết mùa mưa, và rất căm ghét kẻ nào quấy rầy chúng. Những con bọ xấu xa ấy rất bản tính...

Xã trưởng, vẫn cúi người xuống, ngược nhìn ông một cách căm ghét.

— Các người nghĩ rằng tôi sẽ nuốt trôi những điều ngu xuẩn ấy à? Các người muốn dọa tôi với những câu chuyện dành cho đàn bà.

— Không phải, thưa ngài xã trưởng, ông hãy chờ tôi một tí.

Ông già cắt một cành cây. Chẻ đôi một đầu để làm thành một cái đĩa, rồi xọc nó xuống nhiều lần trong đám bùn lồm bồm. Cuối cùng ông rút nó lên, dùng dao cạo bùn một cách thận trọng rồi gạt xuống đất một con bọ cạp ở tuổi trưởng thành. Con bọ còn bị phủ đầy bùn, nhưng người ta có thể nhìn rõ, cái đuôi chứa đầy nọc độc của nó dựng đứng lên.

— Ông nhìn thấy chưa. Mồ hôi mồ kê nhễ nhại như ông, đúng là một lời mời ăn tối hấp dẫn với những loài bọ kia.

Xã trưởng không nói gì. Hắn trừng trừng nhìn con bọ cạp đang cố gắng chui lại vào đồng bùn, rồi rút súng ra bắn liền sáu viên vào nó. Sau đó, hắn rút nốt chiếc ủng còn lại, vút vào đám lá.

Lão béo đã vút ửng đi, mọi người có thể đi nhanh hơn. Nhưng hẳn tiếp tục làm mất thời gian khi leo dốc. Sau khi mọi người leo lên dốc một cách dễ dàng, họ phải dừng lại để nhìn xã trưởng leo lên bằng cả hai chân hai tay. Hẳn tiến được hai bước, rồi tụt xuống bốn bước.

— Hãy leo lên bằng cách đi giật lùi. — Họ gọi xã trưởng. — Hãy nhìn chúng tôi đây. Nhấc cao chân lên trước khi đặt nó xuống. Ông không chịu nhấc chân cao quá đầu gối. Ông cứ làm như một bà xơ rón rén đi ngang qua cửa trại lính. Nhấc cao chân lên và đi giật lùi.

Lão béo, mắt đỏ lên vì giận dữ, tìm cách leo lên bằng cách của mình, nhưng thân thể nặng nề luôn phản bội hẳn. Mọi người phải nắm tay nhau thành một dây dài để kéo hẳn lên.

Lúc xuống dốc thì nhanh hơn. Xã trưởng tụt xuống trong đủ mọi tư thế: ngồi, nằm ngửa, hay nằm sấp. Hẳn luôn là người xuống nhanh nhất, người lấm bê bết bùn đất và cành cây.

Đến giữa buổi chiều, những đám mây không lồ lại bắt đầu tụ lại trên bầu trời. Họ không nhìn thấy, nhưng đoán được vì bóng râm làm cho rừng càng âm u hơn.

— Chẳng thể nào tiếp tục đi được nữa. Không còn nhìn thấy gì cả. — Xã trưởng nói.

— Đây mới thật là lời nói chí lý. — Ông già trả lời.

— Vậy thì hãy dừng lại ở đây. — Xã trưởng ra lệnh.

— Hãy chờ tôi. Tôi muốn tìm một chỗ an toàn hơn. Tôi sẽ không để mọi người chờ lâu lắm đâu. Mọi người hãy hút thuốc, như vậy tôi dễ định hướng lúc quay lại hơn.

Ông già trao khẩu súng cho một người trong đoàn. Ông biến đi như bị nuốt chửng trong bóng tối. Những người khác ở lại, chụm tay che mưa, để hút xì-gà.

Ông nhanh chóng tìm được một khoảng đất bằng phẳng. Ông đi vài bước chân để đo diện tích và thử thăm dò nền đất với con dao của mình. Đột nhiên, con dao gây một tiếng động như chạm vào sắt, làm ông thở phào nhẹ nhõm. Ông quay trở lại, được định hướng bằng mùi thuốc lá và thông báo với mọi người đã tìm một chỗ để dừng chân qua đêm.

— Đáng tiếc là chúng ta không đốt lửa được. — Xã trưởng than phiền.
— Có lửa sẽ an toàn hơn.

— Như thế này tốt hơn. — Một người nhận xét.

— Tôi không thích thế này. Tôi không thích bóng tối. Ngay cả bọn mọi rợ cũng đốt lửa để bảo vệ. — Xã trưởng phân trần.

— Ông nghe này, thưa Ông. Chúng ta ở chỗ an toàn. Nếu giả dụ có con thú đang ở đây. Chúng ta không nhìn thấy nó, nhưng nó cũng không nhìn thấy chúng ta. Nếu chúng ta đốt lửa, điều đó giúp cho nó nhìn thấy chúng ta, nhưng chúng ta vẫn không thể nhìn thấy nó, bởi bị lửa làm chói mắt. Ông cứ yên tâm và cố ngủ đi. Tất cả mọi người đều cần một giấc ngủ cho lại sức. Hơn nữa, nên tránh nói chuyện.

Mọi người tán thành những lời nói của ông già. Họ thoả thuận nhanh chóng với nhau canh gác. Ông già gác phiên đầu tiên.

Đi rừng mệt mỏi làm mọi người tiếp đi nhanh chóng. Họ ngồi xõm như những con chó đang gác. Tay vòng qua đùi, mũ bịt xuống che mặt. Tiếng động đều đều của mưa rừng làm lấp đi những hơi thở đều đều.

Antonio José Bolivar ngồi khoanh chân tựa lưng vào gốc cây. Thỉnh thoảng ông lại vuốt ve vào lưỡi dao rừng của mình và chăm chú theo dõi

từng tiếng động. Có những tiếng động lặp đi lặp lại đều đặn, tiếng của một khối khổng lồ đập vào nước làm cho ông biết rằng họ đang ở gần một nhánh sông hay một dòng suối đang trong cơn lũ. Vào mùa mưa, mưa rào làm rơi từ những cành cây xuống vô số côn trùng. Cá quẫy lên đớp mồi. Chúng nhảy lên vì sung sướng, và thỏa mãn.

Ông nhớ lại lần đầu tiên ông nhìn thấy con cá sông thật sự. Đã lâu lắm, thời mà ông còn ngỡ ngàng với rừng.

Một buổi tối đi săn, ông cảm thấy thân thể mình chua loét mồ hôi. Khi đi ngang qua một con suối, ông muốn nhảy xuống tắm. May mắn, một người thổ dân kịp nhìn thấy và cảnh giác gọi ông.

— Đừng làm thế, rất nguy hiểm.

— Vì có cá pirana hay sao?

Không. Người thổ dân giải thích. Cá pirana sống ở chỗ nước lặng và sâu, không bao giờ chúng sống ở nơi nước chảy xiết. Đây là một loài cá chậm chạp, chúng chỉ trở nên nhanh nhẹn khi bị đói hay ngửi thấy mùi máu.

Trong thực tế ông chưa bao giờ có chuyện với chúng. Những người thổ dân Shuars dạy ông, chỉ cần trát vào người mũ cao-su là có thể giữ chúng ở xa. Mũ cao-su làm người ta bông rớt như bị lột da, nhưng cơn ngứa sẽ biến đi, khi người ta ngâm mình xuống nước lạnh. Cá pirana sẽ bỏ đi khi chúng đánh hơi thấy mùi mũ cao-su.

— Còn đáng sợ hơn pirana. — Người thổ dân nói và chỉ cho ông một điểm nổi lên trên mặt suối. Ông nhìn thấy một vết đen dài cỡ độ một mét đang lướt nhanh trong nước.

— Đó là cái gì vậy?

— Bagre-guacayamo.

Một con cá trê. Loài cá trê khổng lồ. Sau này ông đã câu được những con dài tới 2m và nặng hơn 70kg. Ông cũng được biết rằng loài cá này hiền lành, nhưng lại thân thiện đến chết người. Khi nhìn thấy có người dưới nước, chúng liền sán lại để đùa giỡn và những cú vẩy đuôi của chúng có thể đập gãy sống lưng người ta.

Những tiếng đập nặng nề trong nước vẫn tiếp tục. Có thể đó là một con cá trê đang đánh chén no nê những con mối, bọ que, châu chấu, dế con, nhện rừng, hay kiến rừng bị nước mưa gạt xuống.

Trong bóng tối, đó là tiếng động của sự sống. Giống như những người Shuars nói: ban ngày có con người và rừng. Ban đêm rừng là một con người. Ông thích thú lắng nghe tiếng động cho đến lúc nó tắt hẳn.

Người đến phiên đôi gác ông dậy trước giờ. Anh ta vươn vai bẻ xương răng rắc và đi đến chỗ ông.

— Tôi ngủ đủ rồi. Ra chỗ tôi mà ngủ. Tôi đã sưởi sẵn cho lão.

— Tôi không mệt. Tôi thích ngủ khi trời rạng sáng hơn một chút.

— Có cái gì đang quấy trong nước, phải không?

Ông già kể chuyện con cá cho anh ta. Nhưng ông bị ngắt quãng bởi một tiếng động mới đến từ phía một bụi cây.

— Lão có nghe thấy không?

— Suyt! Hạ thấp giọng xuống.

— Có cái gì vậy?

— Tôi không biết, nhưng chắc chắn là quan trọng. Đánh thức mọi người dậy, nhưng đừng gây tiếng động.

Anh ta chưa kịp đứng dậy, thì cả hai đã bị loá mắt bởi một luồng ánh sáng trắng. Nó càng chói hơn do bị khúc xạ bởi nước đọng trên lá rừng.

Đó là xã trưởng đang tiến lại gần tay cầm đèn măng-xông, do bị đánh thức bởi tiếng động.

— Ông tắt đèn đi. — Không cất cao giọng, ông già cứng rắn ra lệnh.

— Tại sao? Có một cái gì đó. Ta muốn xem nó là cái gì. — Lão béo trả lời, chiếu ánh đèn về tứ phía và lên đạn.

— Tôi nói với ông tắt cái đèn bắn thiu này đi. Bằng một cái gạt, ông lão hất văng cái đèn xuống đất.

— Lão có quyền gì...

Câu nói của lão béo chìm đi trong tiếng vỗ cánh âm ỉ. Một thác nước thối đổ lên đầu mọi người.

— Xin chúc mừng ông. Chúng ta chỉ còn nước nhổ trại thật nhanh, trước khi kiến rừng đến tranh ăn đồng phân tươi này.

Xã trưởng đứng chờ người. Hắn sờ soạn tìm cây đèn và cố gắng bám theo mọi người rời bỏ địa điểm.

Mọi người lầm bầm những câu chữ không thành tiếng, nguyên rủa sự ngu ngốc của lão béo.

Họ đi tới một bụi cây, để mặc mưa quất xối xả vào mặt.

— Có chuyện gì đã xảy ra vậy? Đó là cái gì? — Lão béo hỏi khi mọi người dừng lại.

— Phân. Ông không nghĩ thấy à?

— Tôi biết đó là phân. Chúng ta ngủ dưới một bầy khi à?

Một thứ ánh sáng mờ nhạt bắt đầu làm rõ nét những bóng người và hình khối của rừng già.

— Thưa ông xã trưởng, giá như điều này có thể giúp ông được chút gì. Khi người ta đóng trại trong rừng, thì phải trú dưới một cái cây bị cháy hay đã chết khô. Những con dơi đậu trên đó là những cái chuông báo động tốt nhất. Bởi khi chúng bay theo hướng ngược lại của tiếng động, những con vật đó chỉ cho người ta biết tiếng động đến từ đâu. Nhưng ông đã làm chúng sợ với tiếng quát và cái đèn của ông. Thế là chúng bay mất và ia lên đầu chúng ta. Giống như tất cả các loài gặm nhấm, đó là những con vật nhạy cảm. Chỉ cần một tín hiệu nguy hiểm rất nhỏ, chúng sẽ nhả tất cả những gì chứa trong bụng để làm nhẹ mình trước khi bay đi. Thôi, bây giờ ông hãy gọi đầu cho kỹ, nếu ông không muốn bị muỗi ăn thịt.

Xã trưởng bắt chước mọi người lau chùi những đám phân hôi thối. Khi họ làm xong, thì trời đã đủ sáng để họ tiếp tục lên đường.

Họ đi bộ ba tiếng liền, luôn hướng về hướng đông, đi vượt qua các dòng suối đang cơn lũ, các khe hẹp, các bụi cây. Họ vừa đi, vừa ngửa mặt hứng nước mưa trên trời cho tỉnh táo, rồi họ dừng chân bên một đầm nước để ăn uống một cái gì đó.

Họ hái quả rừng và bắt cua, mà lão béo từ chối không dám ăn sống. Vẫn quần tròn mình trong cái áo mưa màu xanh, hần run rẩy vì lạnh và tiếp tục than vãn vì không thể đốt lửa.

— Chúng ta đã đi gần đến nơi rồi. — Một người nói.

— Đúng, nhưng chúng ta sẽ đi vòng ra phía đằng sau. Đi thẳng dọc theo dòng suối sẽ dễ dàng hơn, nhưng con thú vốn thông minh và nó có thể dành

cho chúng ta một sự bất ngờ. Ông già đề nghị.

Mọi người gật đầu đồng ý, họ nuốt một ít đồ ăn với vài ngụm Frontera.

Nhìn thấy lão béo đang đi ra xa, nấp sau một cái cây nhỏ. Họ lấy khuỷu tay hích nhau làm hiệu.

— Ông lãnh chúa không muốn chia cái mông trước mặt chúng ta.

— Cái lão ngốc ấy có khi ngu đến mức ngồi xổm trên một tổ kiến lửa mà lại tưởng đang ngồi trên ngai vàng.

— Tôi đánh cược là hẳn sẽ tự hỏi lấy đâu ra giấy toa-lét để chùi. — Một người khác chêm vào trong tiếng cười vang của mọi người.

Họ cười sau lưng con sên trần, giống như họ chẳng chừa dịp vắng mặt nào mà không nhắc đến hẳn. Những tiếng cười tự nhiên ngừng bật bởi một tiếng hét hoảng sợ tiếp đó là một chuỗi tiếng súng. Liền sáu phát, hết cả băng đạn một lúc.

Xã trưởng hiện ra, vừa kéo quần lên vừa gọi mọi người.

— Mau lên! Mau lên! Tôi đã nhìn thấy nó. Nó ở đằng sau và định vồ. Tôi đã bắn trúng nó rồi. Mau lên! Lại chỗ này đi tìm.

Họ lên đạn và chạy về phía lão béo chỉ. Họ lần theo một vệt máu rộng khiến xã trưởng hân hoan và đi đến trước một con vật có một cái mũi dài đang giẫy những cái giẫy cuối cùng trước khi chết. Bộ lông vàng có đốm của nó lấm máu và bùn. Con vật nhìn mọi người, mắt to thao láo. Một tiếng rên khò khè yếu ớt phát ra từ cái mũi dài như cái kèn.

— Đây là một con gấu ăn mật. Ông không thể nhìn trước khi bắn bằng cái đồ chơi bắn thiu của mình à? Bắn chết một con con gấu ăn mật là điềm

xấu. Không có một con vật nào trong rừng hiền lành như nó, đến những kẻ ngu ngốc nhất trên đời cũng biết thế.

Mọi người gật đầu, cảm động vì sự bất hạnh của con vật khốn khổ, trong khi xã trưởng nạp đạn tiếp và chẳng tìm được điều gì để biện bạch.

Đã quá trưa, khi họ nhìn thấy tấm biển quảng cáo phai màu với dòng chữ Alkaseltzer báo hiệu cái quán của Miranda. Đó là một miếng kim loại bằng đồng xanh với dòng chữ đã mờ gần hết mà chủ quán đóng lên trên một thân cây cao gần túp lều của mình.

Họ tìm thấy chủ nhà ở cách cửa một vài mét. Lưng bị xẻ rách bởi hai vết vuốt chạy từ giữa lưng đến thắt lưng. Cổ bị xé nát một cách man rợ, để hở cả xương sống. Người chết nằm sấp mặt, tay vẫn còn nắm chặt con dao rừng.

Mọi người kéo hẳn vào trong nhà, không thềm bận tâm đến kỳ công của bầy kiến rừng. Chỉ trong một đêm, chúng đã dựng xong một cái cầu bằng lá và cành cây để khai thác cái xác theo ý muốn. Trong nhà, một ngọn đèn dầu còn cháy leo lét. Khắp nơi bốc mùi mỡ bị cháy. Xã trưởng ngắm cái xác.

— Tôi không hiểu. Miranda là một người giàu kinh nghiệm, hẳn không phải là một thằng chết nhất. Nhưng người ta có thể nói hẳn đã hoảng sợ đến mức không kịp nghĩ tới chuyện tắt bếp. Tại sao hẳn không đóng cửa lại để chờ con báo? Súng của hẳn vẫn treo trên tường. Tại sao hẳn không dùng?

Những người khác cũng đặt câu hỏi tương tự. Xã trưởng cởi cái áo mưa ra. Một suối mồ hôi đổ ròng ròng xuống tận chân. Mọi người vừa tiếp tục ngắm cái xác chết vừa hút thuốc, uống rượu. Một người sửa lại cái bếp dầu, và xin phép xã trưởng cho phép mở những hộp cá hồi.

— Hẳn không phải là một thằng tồi tệ.

— Từ ngày vợ hắn bỏ đi. Hắn sống đơn độc còn hơn một thân cây khô.
— Một người khác tiếp lời.

— Hắn không có người thân à?

— Không. Hắn tới đây với một người em. Anh ta đã chết vì sốt rét từ lâu. Vợ hắn bỏ hắn đi với một người thợ chụp ảnh rong. Người ta đồn cô ta sống ở Zamora. Có thể thuyền trưởng biết cô ấy hiện sống ở đâu.

— Tôi nghĩ là cái quán này cũng giúp hắn kiếm được chút đỉnh. Các người có biết hắn làm gì với số tiền kiếm được.

— Tiền của hắn? Hắn chơi bài và chỉ giữ lại tiền đủ để mua hàng dự trữ. Ở đây là như thế, nói như vậy phòng trường hợp ông còn chưa biết. Đây là lúc rừng đã ăn vào gan ruột người ta. Khi chẳng còn hi vọng gì để bám vào, người ta sẽ chẳng bao giờ thoát khỏi cái vòng luẩn quẩn ấy.

Mọi người xung quanh tán thưởng sự tệ hại ấy với một vẻ kiêu hãnh. Đúng lúc đó, ông già đi vào.

— Còn một cái xác nữa nằm bên ngoài.

Họ vội vàng chạy ra, người ướt lướt thướt vì mưa. Họ phát hiện một cái xác thứ hai. Hắn nằm dang tay ra, quần còn tụt dưới chân. Hai vai bị cày nát bởi những cái vuốt. Cổ họng rách toang mang đến cho họ một hình ảnh đã bắt đầu trở nên quen thuộc. Con dao rừng cắm xuống đất nói lên rằng nạn nhân không có thời gian để sử dụng nó.

— Tôi nghĩ đã hiểu được sự việc. — Ông già nói.

Mọi người đứng xung quanh cái xác, và theo dõi trong ánh mắt của xã trưởng những cố gắng để hiểu lời giải thích của ông già.

— Xác chết là của Placencio Punan, một gã chẳng mấy khi xuất hiện. Họ có vẻ định ăn cơm cùng nhau. Các ông có thấy hai cái đuôi kỳ đà bị cháy không? Chắc là Placencio mang chúng đến. Người ta không thể tìm thấy loài vật này ở xung quanh đây. Hãn đã phải săn ở đâu đó cách đây ít nhất vài ngày theo đường rừng. Các ông không biết hãn. Hãn không đi tìm vàng như những thằng điên kia. Hãn tin chắc rằng, ở trong rừng sâu, người ta có thể tìm thấy đá quý. Tôi nhớ, có lần hãn kể về Colombia và những viên đá quý màu xanh to bằng nắm tay. Thằng khốn khổ. Chắc hãn muốn trút cho nhẹ bụng, nên đi ra ngoài. Con thú đã bất ngờ vồ hãn trong tư thế đó. Hãn ngồi xổm, tay bám vào chuôi dao cắm xuống đất. Con báo cái đã tấn công hãn từ trước mặt. Nó đã cắn những cái vuốt lên trên vai, và ngoạm răng vào cổ. Miranda phải nghe thấy tiếng kêu, và chỉ kịp chạy ra chứng kiến điều tệ nhất đã xảy ra. Vì thế hãn chỉ nghĩ tới việc đóng yên con lừa để chạy trốn. Như người ta đã thấy, hãn không đi được xa.

Một người lật úp cái xác xuống. Trên lưng hãn còn có những vết phân.

— Vẫn còn may là hãn có thời gian để ị. — Anh ta nói. — Họ bỏ cái xác nằm sấp bên ngoài để cho nước mưa rửa sạch hết những dấu vết của hành động cuối cùng mà người chết đã làm trong thế giới này.

ÔNG GIÀ ĐỌC TRUYỆN TÌNH

Luis Sepúlveda
www.dtv-ebook.com

Chương 8

Thời gian còn lại trong ngày, người ta dành cho hai cái xác chết.

T

Họ quấn hai người lại bằng cái võng của Miranda, mặt đối mặt, để tránh cho họ đi về cõi vĩnh hằng như những kẻ xa lạ cô đơn. Sau đó họ khâu kín tấm khăn liệm bất đắc dĩ lại, buộc vào đó những hòn đá to ở bốn góc.

Họ kéo lê cái gói nặng đến một cái đầm lầy gần đó, nhấc nó lên, lăn nó lấy đà, rồi ném vào đám cỏ lác và hồng nước dại. Cái gói chìm dần, làm sủi những bong bóng to kéo theo nó đám cỏ dại và những con cóc bị bất ngờ.

Họ trở về cái quán lúc bóng tối đã làm chủ rừng già. Lão béo phân công mọi người canh gác. Hẳn chỉ định hai người canh bốn tiếng một. Sao đó đổi phiên với hai người khác. Còn riêng hẳn thì được ngủ yên tới sáng không bị đánh thức.

Trước khi đi ngủ, họ nấu cơm với chuối xanh. Khi bữa cơm kết thúc, Antonio José Bolívar rửa sạch hàm răng giả của mình để gói nó vào khăn mùi-xoa. Những người đi cùng nhìn thấy ông lưỡng lự mấy giây. Cuối cùng, trong sự ngạc nhiên của mọi người, ông lại lắp nó lại vào mồm.

Được gác phiên đầu, ông già cầm lấy cái đèn dầu.

Người cùng phiên gác nghi ngờ nhìn ông đang mở sách ra và dùng kính lúp lướt qua những dòng chữ đều đặn.

— Ông biết đọc thật à, ông bạn.

— Tôi biết một tí.

— Ông đang đọc gì?

— Một quyển tiểu thuyết. Thôi ông im đi. Khi ông nói, ông làm rung ngọn lửa, khiến tôi thấy những dòng chữ cũng rung theo.

Người kia tránh ra xa để khỏi làm phiền. Nhưng sự chăm chú của ông già dành cho quyển sách khiến anh ta không thể chịu nổi tình cảnh bị gạt ra ngoài rìa.

— Nó nói về cái gì?

— Về tình yêu.

Nghe thấy câu trả lời, anh ta sán lại gần với vẻ rất quan tâm.

— Ông không đùa chứ? Có tất cả mọi chuyện... với những người đàn bà giàu có ngoan ngoãn, nóng rục vì thèm khát?

Ông gấp quyển sách lại đột ngột làm lung lay ngọn đèn.

— Không. Nó nói về những tình yêu khác. Những tình yêu làm người ta đau khổ.

Anh ta cảm thấy thất vọng, khom lưng và lảng ra xa một lần nữa. Với một vẻ ngạo mạn, anh ta tu một ngụm rượu lớn, châm một điếu xì-gà, và bắt đầu mài con dao rìng của mình.

Anh mài dao lên đá, nhổ nước bọt lên lưỡi thép, mài tiếp, rồi vuốt ngón tay lên lưỡi dao, tán thưởng độ sắc của nó.

Ông già chúm đầu vào quyển sách, không để bị phân tán bởi tiếng động khô khan của đá lên trên lưỡi thép. Ông lẩm nhẩm đánh vần như là đang cầu nguyện.

— Thôi nào. Ông đọc to lên một tí.

— Nói thật sao? Anh cũng thích à?

— Tất nhiên rồi. Một lần tôi đi xem phim ở Loja. Đó là một phim Mexico về tình yêu. Làm thế nào giải thích cho ông được nhỉ, ông bạn? Rằng những cái đó có thể làm tôi khóc được.

— Nếu thế thì để tôi đọc lại từ đầu, như vậy ông mới biết ai là xấu ai là tốt.

Antonio José Bolivar giở lại trang thứ nhất. Vì đọc đi đọc lại nhiều lần, ông đã thuộc lòng.

“Paul trao cho nàng một nụ hôn nồng cháy trong khi người cầm lái đồng loã với bạn mình giả vờ nhìn đi chỗ khác. Chiếc Gondola mà bên trong được lót bằng những tấm gối mềm lướt êm ả trên những kênh đào ở Venise”.

— Đừng đọc nhanh quá, ông bạn. — Một tiếng nói cất lên.

Ông già ngược mắt nhìn. Có ba người đang vây quanh ông. Còn xã trường nằm xa hơn một chút trên những cái bao tải được xếp chồng lên thành đệm.

— Có những từ mà tôi không hiểu. — Người vừa nói giải thích.

— Ông có hiểu không, ông ấy? — Một người khác hỏi.

Ông già cố gắng giải thích những từ xa lạ bằng cách của mình.

“Gondola”, “cái hôn nòng cháy”, có vẻ như đã rõ ràng hơn sau hai giờ bàn tán chen lẫn những giai thoại lý thú. Nhưng bí mật của thành phố nơi người ta phải dùng thuyền đi lại vẫn ở trong tình trạng không thể giải thích được.

— Có thể thời tiết lúc nào cũng mưa.

— Hay là nước sông vào mùa lũ.

— Dân ở đó còn bị lụt lội hơn chúng ta.

— Các ông có thấy không? Người ta nốc một chai Frontera, sau đó cần ra ngoài để đi tiểu, để rồi người ta thấy cái gì? Những con cá như là người lảng giềng đang giương mõm nhìn mình.

Mọi người cười rôm rả, hút thuốc, uống rượu. Xã trưởng ngo ngoặt trên giường.

— Để cho các người hiểu! Venice là một thành phố được xây trên một cái phá nước mặn trên bờ biển. Nó thuộc về nước Ý. — Hẳn ngáp ở trên giường.

— Thế thì đã sao. Những cái nhà đó sẽ nổi như là những cái bè. — Một người nào đó chêm vào.

— Nếu đúng như thế, tại sao cần có thuyền? Họ chỉ cần dùng nhà để đi lại trên mặt nước. — Một người khác nhận xét.

— Không ngờ các người ngu như thế. Đó là những toà nhà được xây dựng chắc chắn. Có cả nhà thờ, cung điện, pháo đài, cầu cống, đường sá cho dân chúng. Tất cả các nhà đều có móng làm bằng đá tảng. — Xã trưởng tuyên bố.

— Làm sao mà ông biết? Ông đã từng đến đấy? — Ông già hỏi.

— Không. Nhưng ta có đi học. Cũng chính vì thế mà ta mới là xã trưởng.

Những lời giải thích của hắn càng làm cho mọi chuyện phức tạp hơn.

— Cứ cho là tôi hiểu ý ông, ngài xã trưởng, dân ở đó họ có những loại đá có thể nổi trên mặt nước, giống như đá xộp. Nhưng ngay cả trong trường hợp như thế, ngay cả khi người ta dùng đá xộp xây nhà; chúng cũng không thể nổi được. Điều đó tôi chắc chắn. Họ nhất định phải dùng cả ván lót ở dưới.

Xã trưởng ôm hay tay lên đầu.

— Đúng là các người còn ngu hơn cả thiên nhiên. Các người muốn nghĩ thế nào tùy các người. Rừng đã làm các người hoàn toàn điên loạn. Ngay cả chúa trời cũng chẳng cứu giúp được gì các người. Còn điều này nữa: từ nay về sau, các người đừng gọi ta là ngài xã trưởng nữa. Từ ngày các người nghe lời lão bác sĩ chữa rằng, các người chỉ còn có mỗi cái từ ấy trong miệng.

— Thế ông muốn mọi người gọi ông như thế nào? Người ta gọi thăm phán là ngài, gọi linh mục là cha. Ông cũng vậy, người ta phải đặt cho ông một cái tên. Thừa ông xã trưởng.

Lão béo muốn chêm thêm thêm vài lời, nhưng một dấu hiệu của ông già làm hắn ngừng lại. Mọi người đã hiểu, họ rút súng, tắt đèn chờ đợi.

Từ phía bên ngoài vọng tới một tiếng động khe khẽ của một thân thể di chuyển với sự uyển chuyển thận trọng. Không nghe thấy tiếng chân, nhưng có tiếng thân của con thú chạm nhẹ qua các bụi cây. Tiếng suối dừng lại khi nó lội qua, để rồi tiếp tục rì rầm chảy to hơn.

Thân con thú chuyển động làm thành một nửa vòng tròn xung quanh ngôi nhà. Xã trưởng lại gần ông già.

— Chính là nó?

— Vâng, con báo cái đã đánh hơi thấy chúng ta.

Lão béo vụt đứng dậy. Mặc dù trời tối, lão cũng tìm thấy cửa ra vào và chĩa súng bắn mò vào rừng.

Mọi người bật đèn. Họ gật đầu ra hiệu với nhau, nhìn xã trưởng nạp đạn vào súng, không một lời bình luận.

— Đây là lỗi của các người, nếu ta bắn trượt. Các người thức cả đêm để kể những chuyện ngu xuẩn giống như một bọn đồng tính trong khi phải canh gác nghiêm ngặt. — Xã trưởng nói.

— Chúng tôi thấy đúng là ông có học. Ngài xã trưởng. Nếu cứ để cho nó đi vòng quanh đến lúc chúng tôi ước lượng được khoảng cách, con thú sẽ không có khả năng chạy thoát. Chỉ cần thêm hai vòng nữa nó sẽ lọt vào tầm bắn.

— Tất nhiên. các người bao giờ cũng biết hết. Có thể ta đã bắn trúng. — Lão béo phân trần.

— Ông đi ra xem thử, nếu muốn. Nhưng chẳng may ông có bị muỗi đốt, thì đừng rút súng bắn nó. Tiếng động sẽ làm chúng tôi mất ngủ.

Sáng sớm, lợi dụng ánh sáng mờ nhạt của ban mai xuyên qua những tán lá rừng, họ đi thám thính xung quanh nhà. Nước mưa không xoá hết dấu con thú để lại qua những bụi cây bị đè rạp. Người ta không thấy vết máu để lại trên lá và dấu của nó mất hút vào rừng sâu.

Họ trở về nhà và uống cà phê đen.

— Điều tôi không lấy gì làm thích lắm — xã trưởng nói — là con thú này rình mò cách làng El Idilio dưới năm cây số. Con báo cần bao nhiêu

thời gian để đi quãng đường đó.

— Nhanh hơn chúng ta. Nó có bốn chân, nên có thể nhảy qua những vũng lầy và nó không đi ủng. — Ông già trả lời.

Xã trưởng hiểu mình đã mất hết uy tín với những người đi cùng. Thái độ ông già càng ngày càng trở nên châm biếm. Ở lại đây lâu hơn chỉ thêm mang tiếng vô tích sự và nhát gan của hăn. Để rút lui an toàn, hăn tìm một lý do bề ngoài có vẻ hợp lý.

— Hãy nghe tôi, Antonio José Bolivar, chúng ta hãy thoả thuận với nhau. Ông là người có kinh nghiệm đi rừng; Ông biết rừng còn hơn cả chính ông. Chúng tôi ở lại chỉ gây phiền phức cho ông. Ông hãy theo dấu và hạ thủ nó. Nhà nước sẽ trả cho ông năm ngàn đồng. Ông ở lại đây, tùy cơ ứng biến. Còn chúng tôi sẽ quay về bảo vệ làng. Năm ngàn đồng. Ông nghĩ thế nào?

Ông già lắng nghe lời đề nghị của xã trưởng, im lặng không tỏ thái độ.

Trong thực tế điều hợp lý duy nhất là tất cả quay về làng El Idilio. Con báo cái sẽ mò xuống làng tiếp tục cuộc săn người. Lúc đó có thể dễ dàng giăng bẫy bắt nó. Nó nhất định sẽ đi tìm những nạn nhân mới. Thật là ngu xuẩn nếu muốn tranh lấy khu vực hoạt động của nó.

Lão béo muốn tránh ông. Hăn giống như con thú mà quyền lực bị những câu nói của ông làm tổn thương. Hăn đã tìm cách rút lui lịch sự để khỏi bị ông bám vào lưng.

Ông già không quan tâm về những điều lão béo rờn rờn mồ hôi kia tính toán. Tiền thưởng cũng không làm ông để ý. Ông đang có những mối bận tâm khác trong đầu.

Có điều gì thầm bảo ông con thú kia đang quanh quẩn đâu đây. Có thể ngay giờ phút này, nó đang chăm chú theo dõi họ. Không kể từ ít lâu nay

ông luôn tự hỏi mình tại sao những nạn nhân của con báo hoàn toàn làm ông thờ ơ. Có thể cuộc sống của ông với những người Shuars đã khiến ông nhìn cái chết như một sự phán xử của công lý. Một hành động tàn bạo, không thể tránh được. Nợ máu phải trả bằng máu.

Con thú này, tên gringo đã giết con nó, có thể đã giết cả con đực. Nhưng nhìn từ một phía khác, hành động táo bạo của con báo cái dám liều lĩnh đến gần người, như nó đã làm đêm hôm qua, hay đêm hôm trước nữa để giết Placencio và Miranda, khiến người ta nghĩ rằng nó muốn đi tìm cái chết.

Một ý chí không biết từ đâu tới ra lệnh cho ông. Giết con báo là một biểu hiện của tình thương. Ông không thể trốn tránh. Tình thương này không liên quan tới lòng từ bi của một người sẵn sàng tha lỗi cho kẻ khác hay như lúc người ta bố thí. Con báo cái tìm một cơ hội để chết trong một cuộc chiến đấu công khai, trong một cuộc đấu tay đôi mà từ xã trưởng đến những người khác không ai hiểu nổi.

— Ông nghĩ thế nào? — Xã trưởng nhắc lại.

— Thế cũng được. Nhưng hãy để cho lão thêm xì-gà, diêm, và đạn.

Xã trưởng thở phào nhẹ nhõm, và đưa cho ông tất cả những gì ông yêu cầu.

Mọi người giải quyết nhanh chóng những chi tiết của chuyến đi về. Họ tạm biệt ông già. Antonio José Bolivar cẩn thận đóng chặt cửa ra vào và cửa sổ của ngôi nhà.

Bóng tối đến ngay từ giữa buổi chiều. Ông già quay trở về với việc đọc sách của mình và chờ đợi dưới ánh sáng leo lét của ngọn đèn dầu, giữa tiếng mưa rơi róc rách qua kẽ mái lá.

Ông bắt đầu lại từ trang đầu, phật ý vì không hiểu nổi cốt truyện. Ông lần lượt nhấm lại những câu văn đã thuộc lòng, nhưng chúng thoát khỏi

miệng một cách vô nghĩa. Suy nghĩ của ông tản mát ra tứ phía như để tìm một điểm nào đó làm cho nó có thể tập trung nó lại.

— Có thể vì mình sợ.

Ông tắt đèn và nghĩ đến một câu tục ngữ của người Shuars khuyên người ta vượt lên trên nỗi sợ. Ông nằm duỗi dài trên những đồng bao tải, ôm khẩu súng trên ngực, để cho mọi suy nghĩ lắng xuống, giống như những hòn đá cuội được ném xuống nước lúc chúng chạm tới đáy sông.

Sao thế, Antonio José Bolivar, có chuyện gì đã đến với người? Đây không phải là lần đầu tiên người đối mặt với một con thú hoá điên. Có chuyện gì khiến người sốt ruột? Sự chờ đợi? Người muốn nó xuất hiện ngay tức khắc, nó phá cửa nhảy vào để mọi chuyện sẽ kết thúc nhanh chóng?

Người biết chuyện đấy không thể xảy ra. Người biết chẳng có con vật nào đủ ngu ngốc đến mức tấn công vào hang của kẻ lạ. Tại sao người có thể chắc chắn rằng chính người sẽ là mồi săn của con vật? Người không nghĩ rằng với tất cả sự thông minh mà nó đã thể hiện, phần nhiều con báo cái sẽ chọn việc tấn công đoàn người. Nó có thể bám theo, giết từng người một trước khi họ kịp về đến làng El Idilio. Người biết con báo có đủ sức làm như thế. Người đáng lẽ phải dặn trước:” Mọi người đừng đi cách nhau quá một mét. Phải luôn cảnh giác. Chọn chỗ nghỉ trên bờ sông nhưng không được ngủ.” Người biết ngay cả như thế, con thú có thể bám theo dễ dàng, có thể vồ họ, cắn cổ một người và trước khi những người khác kịp hoàn hồn, nó có thể trốn đi để chuẩn bị một cú khác tiếp theo. Người nghĩ rằng con báo coi người là đối thủ của mình? Đừng có kiêu ngạo, Antonio José Bolivar. Hãy nhớ rằng người không phải là thợ săn và người luôn luôn từ chối nhận một cái tên như thế. Những con thú dữ bám theo những thợ săn thực sự bởi mùi của nỗi sợ và mùi của dục tính phát ra từ họ. Không. Người không phải là một thợ săn. Dân chúng làng El Idilio thường nói tới người như là thợ săn, nhưng người luôn nói đó không phải là sự thực, bởi vì thợ

săn giết thú để chiến thắng nỗi lo sợ. Những nỗi lo sợ khiến người ta phát điên và làm thối rữa cả gan ruột họ.

Đã bao nhiêu lần người nhìn thấy những đám người rô đại này, súng ống đầy người, đi vào rừng để mấy tuần sau người thấy chúng quay lại với những ba-lô chật ních da thú ăn kiến, rái cá, gấu mật ong, mèo rừng, kỳ nhông... nhưng không bao giờ với cái xác của một đối thủ đích thực như con báo cái mà người đang chờ. Người đã nhìn thấy chúng uống say bí tỉ trước đồng da để che đi nỗi sợ. Nỗi sợ sinh ra bởi cảm giác bị nhìn thấy, bị đánh hơi thấy, bị khinh bỉ bởi một đối thủ thực sự xứng đáng với cái tên ấy trong rừng sâu.

Sự thật là càng ngày càng ít thợ săn, bởi thú rừng đã di cư về miền đông, vượt qua những rặng núi không thể leo được. Chúng càng ngày càng đi xa, đến mức con trần nước cuối cùng nhìn thấy là ở trong lãnh thổ Brazil. Mặc dù trước đây người đã từng nhìn thấy và săn trần nước không xa đây lắm.

Cuộc đi săn đầu tiên của người là một phán quyết của công lý hay là sự trả thù. Người có thể lật đi lật lại sự việc theo đủ mọi hướng, người sẽ không tìm được sự khác nhau. Con rắn đã tấn công bất ngờ đứa trẻ, con một người khai hoang, trong lúc nó đang tắm. Người rất yêu trẻ con. Đứa bé chưa đến tuổi 12, và con trần nước đã để lại xác chú bé mềm nhũn như một cái túi da đựng nước. Người có nhớ không? Người đã theo dấu nó bằng thuyền độc mộc và người đã tìm được bãi cát chỗ nó sưởi nắng.

Rồi người bày ra những những con hải ly chết để làm mồi và rình. Lúc đó, người còn trẻ và nhanh nhẹn. Người biết rằng sự nhanh nhẹn ấy là lợi thế duy nhất để người không biến thành món ăn của thần sông. Bằng một cú nhảy phi thường với dao rừng trong tay và một nhát chém ngọt người đã khiến đầu con trần rơi xuống cát. Trước khi nó có thể vùng lên quẩn lầy người, người đã nhảy ra xa trốn dưới bụi cây để tránh những cơn giãy chết của một cơ thể cuộn cuộn sức lực. Mười một mười hai mét của sự căm thù.

Mười một mười hai mét của một bộ da màu xanh ô liu sẫm, điểm những vòng đen, đang cố gắng tìm cách giết người mặc dù nó đã mất đầu.

Cuộc đi săn thứ hai là để trả ơn cho một ông thầy mo người Shuars đã cứu sống người. Người nhớ không? Người đã làm lại thủ thuật để mời thịt trên bãi cát và rình ở trên cành cây. Người đã nhìn thấy nó nhô từ dưới sông lên. Lần này, người hoàn toàn không có chút cảm giận. Người đã nhìn thấy nó nuốt những con chuột chết. Người đã chuẩn bị mũi tên của mình, quấn đầu nó bằng mạng nhện trước khi tẩm thuốc độc. Người đã nhét tên vào ống phi tiêu, rồi nhắm vào phía gáy của con trăn nước.

Con trăn trúng tên. Nó dựng đứng dậy đến khoảng ba phần tư chiều dài thân thể. Từ chỗ nấp trên cây, người nhìn thấy cặp mắt màu vàng với đôi đồng tử nằm dọc đang đi tìm người, nhưng nó không kịp có thời gian mổ lại, bởi thuốc độc ngấm rất nhanh.

Sau đó là lễ lột da. Người phải đi tới mười lăm hai mươi bước để dùng dao rùng rạch dọc theo thân nó. Để cho những thớ thịt màu hồng và máu lạnh ngất thấm vào cát.

Người có nhớ? Lúc người trao cho họ bộ da, những người Shuars nói người không phải là một người trong bọn da trắng, nhưng người là người ở đây.

Ngay cả những con báo cũng không xa lạ gì với người, chỉ có điều người không bao giờ săn một con báo con, không chỉ riêng với loài báo mà với tất cả mọi loài đều thế. Người ta chỉ săn những con thú đã đến tuổi trưởng thành, như lệ của người Shuars đặt ra.

Người biết những con báo vùng Amazon là những con vật lạ thường, với tính khí khó đoán trước. Chúng không có sức mạnh của những loài báo khác, nhưng lại thông minh tinh tế.

“Khi dấu vết của nó quá dễ tìm, khi người ta tưởng bắt được nó đến nơi, đó chính là lúc con báo đang đứng ở đằng sau, mắt nhìn chăm chú vào gáy kẻ săn mình.” Người Shuars nói vậy, và đó là sự thật.

Có một lần, theo yêu cầu của những người khẩn hoang, người đã chứng kiến sự khôn ngoan của những con mèo đốm đen to lớn này. Một con báo lớn đã tàn sát bò và lừa, khiến họ yêu cầu người giúp đỡ. Cuộc truy lùng thật vất vả. Đầu tiên con báo để cho người bám theo dấu nó, dẫn người đến tận chân núi Condor, một vùng đất bằng phẳng chỉ có cây bụi lúp xúp, rất thuận tiện để nó rình sát mặt đất. Cho đến khi người hiểu ra cái bẫy của nó, định tìm cách quay trở về rừng già, con báo đã hiện ra chặn đường. Nhưng nó không để cho người có đủ thời gian ngắm bắn. Người đã bắn ba lần đều trượt, và cuối cùng người hiểu, con báo muốn làm cho người mệt mỏi trước cuộc tấn công cuối cùng của nó. Nó muốn làm cho người hiểu, nó cũng biết chờ đợi, có thể nó còn biết người không có nhiều đạn.

Đó là một cuộc đấu sòng phẳng. Người có nhớ? Người nằm chờ, không động đậy đến một bắp thịt, chỉ thỉnh thoảng tự tát vào má mình để xua những cơn buồn ngủ. Ba ngày nằm chờ đợi, cho đến lúc con báo cảm thấy đủ tự tin để tấn công. Một thủ thuật tốt, đó là nằm chờ trên mặt đất, súng lên đạn sẵn.

Tại sao lại nhớ lại tất cả những kỷ niệm? Bởi vì con báo cái chiếm hết suy nghĩ của người? Cũng có thể người và nó, cả hai đều giống nhau? Sau bốn lần vồ người, con báo đã đủ hiểu biết về con người cũng như người hiểu về loài báo. Có thể người còn biết ít hơn nó. Người Shuars không săn báo. Thịt chúng không ăn được, còn bộ da của một con đủ để làm những đồ trang sức cho mấy thế hệ. Những người Shuars. Người muốn có một người ở bên cạnh người trong lúc này? Tất nhiên rồi, đó là Nushino, bạn của người.

— Người anh em, có thể tìm dấu nó không?

Nushino sẽ từ chối. Anh sẽ khạc nhổ nhiều lần xuống đất để chứng minh điều mình nói là sự thật. Anh sẽ nói sẵn báo không làm anh hứng thú. Đây không phải là việc của anh. Người là một thợ săn của những người da trắng. Người có một khẩu súng, người xâm phạm cái chết bằng cách làm cho nó đau đớn. Người bạn của người, Nushino, sẽ nói rằng con thú duy nhất mà họ giết chỉ để giết là những con cu-li.

— Tại sao thế, người anh em? Những con cu-li, chúng chỉ treo mình ngủ suốt ngày trên cành cây.

Trước khi trả lời, Nushino sẽ hú lên những tiếng chói tai, để chắc chắn không có con cu-li nào nghe được, và kể rằng: Ngày xưa, có một tù trưởng Shuars trở nên độc ác và dã man. Hắn giết những người đồng loại không lý do, vì thế các già làng quyết định buộc hắn tội chết. Khi hắn biết bị đe dọa, Tnaupi, tên tù trưởng đó, đã biến thành cu-li để trốn. Những con cu-li này, cũng như loài khỉ, đều trông giống nhau. Người ta không thể biết con cu-li nào là hoá thân của tên tù trưởng có tội.

— Chuyện đã xảy ra như vậy. — Nushino kết luận, và nhổ xuống đất một lần cuối trước khi bỏ đi, bởi vì người Shuars bao giờ cũng bỏ đi khi kể hết một câu chuyện để tránh những câu hỏi có thể gây ra những suy luận đối trá.

Từ đâu đến với người tất cả những suy nghĩ đó? Thế nào, Antonio José Bolivar? Thế nào, ông già? Dưới gốc cây nào những suy nghĩ miên man đang rình người? Có phải sự sợ hãi đã tìm thấy người? Có phải người chẳng có cách che giấu chúng? Nếu đúng như thế, đôi mắt của sự sợ hãi có thể nhìn thấy người, giống như người nhìn thấy những tia sáng của bình minh chiếu vào nhà qua những kẽ liếp.

Ông uống mấy bình cà-phê đen, rồi bắt đầu công việc chuẩn bị. Ông nấu chảy nển ra, nhúng những các-tút đạn vào đó. Phơi khô chúng, cho đến khi

chỉ còn một lớp sáp mỏng bám lên trên. Bằng cách đó, ngay cả khi chúng rơi vào nước, những viên đạn vẫn sẽ khô ráo.

Phần còn lại của sáp nển, ông bôi nó lên trán, đặc biệt là trên lông mày giống như để tạo ra một cái kính ngấm trên mắt. Như vậy, nếu ông phải đối mặt với con thú trong một bụi cây, cái nhìn của ông sẽ được bảo vệ không bị nhoà bởi nước mưa.

Cuối cùng, sau khi kiểm tra độ sắc của lưỡi dao. Ông đi vào rừng tìm dấu con báo.

Đầu tiên ông đi thẳng về phía đông theo một đường bán kính dài khoảng 200 bước bắt đầu từ nhà, theo những dấu vết con báo để lại đêm hôm trước.

Đến cuối đường bán kính, ông bắt đầu đi theo một hình vòng cung, về hướng Tây Nam.

Ông phát hiện thấy những bụi cây bị đè rạp, cành cây bị vùi xuống bùn. Chính ở đây, con thú đã ẩn mình, trước khi lần xuống ngôi nhà. Những bụi cây bị xéo nát lụp đi lụp lại ở những khoảng cách đều đặn, rồi cuối cùng mất hút trên một sườn núi.

Ông bỏ qua những dấu vết cũ này, tiếp tục tìm kiếm.

Dưới những tàu lá lớn của một bụi chuối rừng, ông nhìn thấy những dấu chân còn mới của con thú. Dấu chân to, gần bằng một nắm tay của một người lớn. Bên cạnh những vết chân, ông tìm thấy những chi tiết nói lên thói quen của nó.

Con báo cái không săn mồi. Những cành cây bị gãy xung quanh những vết chân, hoàn toàn ngược lại với cách săn mồi của bất cứ loài thú ăn thịt nào. Con báo cái đã vẩy đuôi cuồng nhiệt đến mức không thận trọng, bị kích thích khi đến gần những nạn nhân của nó. Không, nó không săn mồi.

Nó di chuyển với niềm tin chắc chắn rằng những con mồi của nó là một loài sinh vật hạ đẳng.

Ông tưởng tượng nó đang ở chính chỗ này, gầy rộc đi, thở hổn hển, bồn chồn, mắt nhìn chăm chặp, một cái nhìn sững sờ, với tất cả các bắp thịt căng lên, sẵn sàng. Nó đang vẫy đuôi thềm thường...

— Tốt rồi, cô nàng, bây giờ ta đã biết người đi lại như thế nào. Bây giờ chỉ còn phải biết người ở đâu.

Ông nói với rừng, và chỉ có trời mưa đáp lại. Nói rộng hơn bán kính tìm kiếm, ông đi xa nhà hơn tới một chỗ một mô đất, chỗ đó giúp ông, mặc dù trời mưa, có một cái nhìn bao quát tất cả không gian ông đã đi qua. Phía trên đỉnh, cây cối mọc dày, thấp lúp xúp, ngược lại với những vùng có cây cao có thể giúp ông tránh được một cuộc tấn công sát mặt đất. Ông quyết định bỏ lại điểm cao, đi thẳng về phía tây, hướng về dòng sông Yacuambi chảy gần đâu đó.

Trước buổi trưa một chút, trời ngừng mưa, và điều đó làm ông lo ngại. Trời phải tiếp tục mưa, nếu không hơi nước sẽ bắt đầu bốc hơi, và rừng sẽ biến đi trong một đám sương mù dày đặc. Sương mù sẽ ngăn cản hơi thở, cũng như người ta không thể nhìn xa quá một bước chân.

Bất ngờ, ánh nắng như hàng triệu mũi kim bạc xuyên thủng tán cây rừng làm sáng rõ hẳn lên những điểm chúng chiếu xuống. Ông đang đứng dưới một khoảng trời quang mây, lọt mình vào lưới những tia nắng mặt trời đang dội xuống những cành lá ẩm ướt.

Lầu bầu dụi mắt, bị hoa lên bởi trăm ngàn ánh cầu vồng, ông vội vàng tránh xa khoảnh rừng, trước khi hơi nước kịp bốc lên thành sương mù đáng sợ.

Chính lúc đó, ông nhìn thấy con báo. Bị đánh động bởi tiếng nước đổ bất ngờ, ông quay đầu lại và nhìn thấy nó đang đi về phía nam, cách ông

khoảng năm chục mét.

Con báo cái di chuyển chậm chạp, nó nhe răng, đuôi cụp vào sườn. Ông nhẩm tính có lẽ nó dài đến hai mét tính từ đầu đến đuôi. Nếu đứng thẳng trên hai chân sau, nó sẽ vượt quá chiều cao của một con chó béc-giê.

Con thú biến mất sau một cây nhỏ, rồi lại hiện ra ngay tức khắc. Lần này nó đi về hướng bắc.

— Ta biết cái trò này. Nếu người muốn giải quyết mọi vấn đề ở đây, ta sẽ ở lại. Trong đám sương mù, người cũng thế, người sẽ chẳng nhìn thấy được gì. — Ông già kêu lên, chuẩn bị tinh thần, lưng tì vào một gốc cây.

Trời ngừng mưa, khiến muỗi rừng xuất hiện ngay tức khắc. Chúng tấn công vào môi, mí mắt, hay bất cứ một khoảng da nhạy cảm hở ra ngoài. Bé tí xíu, chúng chui vào lỗ mũi, lỗ tai, lẩn vào trong tóc. Ông vội vàng nhét một miếng xì-gà vào mồm, nhai nát nó ra, rồi cầm miếng bã ngấm đầy nước bọt, bôi nó lên trên mặt và hai cánh tay.

May mắn là trời nắng không lâu thì mưa quay trở lại, nặng hạt hơn, đem lại sự bình yên. Người ta chỉ còn nghe thấy tiếng mưa rơi xuyên qua các tán cây.

Con báo xuất hiện nhiều lần, luôn di chuyển theo hướng bắc-nam. Ông già tiếp tục quan sát nó. Ông theo dõi hướng di chuyển của con thú để phát hiện ra cái điểm mà tại đó ở trong bụi cây nó quay ngoắt lại về hướng bắc, để ông khiêu khích nó lần nữa.

Ta ở đây. Chính ta đây, Antonio José Bolivar. Sự kiên nhẫn, ta có đủ để bán lại cho người. Người là một con thú đáng kinh ngạc, không nghi ngờ gì nữa. Nhưng ta tự hỏi, thái độ của người là một sự thông minh hay tuyệt vọng. Tại sao người không đi vòng quanh ta? Tại sao người không tấn công ta? Tại sao người không đi về phía đông để bắt ta phải bám theo người? Người đi từ bắc xuống nam, rồi quay lại qua phía tây, và người luôn trở lại

đúng đường cũ? Người muốn chặn đường ta ra sông. Đó chính là kế hoạch của người. Người muốn nhìn thấy ta bỏ trốn vào rừng để người đuổi theo. Ta không ngu đâu, cô bạn gái của ta, và người, người cũng không thông minh như ta nghĩ.

Ông quan sát nó đi lại, và nhiều lần định bắn. Nhưng ông dừng lại. Phát súng phải chắc ăn và quyết định. Nếu ông chỉ làm nó bị thương, con báo cái sẽ không để cho ông có thời gian nạp đạn lại. Khẩu súng hai nòng của ông, do kim hoá bị hỏng, chỉ có thể bắn hai phát đồng thời cùng một lúc.

Thời gian trôi đi, ánh mặt trời yếu dần. Ông hiểu trò chơi của con báo không phải là đuổi ông về phía đông. Nó muốn giữ ông ở đây, chính chỗ này, nó đang chờ trời tối để tấn công.

Ông lão nhắm tính trời còn sáng được khoảng một tiếng, ông phải tận dụng thời gian, để đi ra phía bờ sông tìm một địa điểm an toàn.

Ông chờ lúc con báo đi đến điểm tận cùng phía nam và sẽ phải quay đầu lại, thì ông bắt đầu chạy ra phía bờ sông.

Ông đi tới một khoảng rừng đã từng được vỡ hoang, và điều đó cho phép ông có thể chạy nhanh hơn. Ông đi xuyên qua nó, ôm chặt khẩu súng trên ngực. Với một chút may mắn, ông sẽ kịp đến bờ sông trước khi con báo phát hiện ra cuộc chạy trốn. Ông biết, ông ở không xa lắm một cái trại bỏ hoang của những người đãi vàng. Ở đó ông có thể tìm chỗ trú ẩn.

Ông vui mừng khi nghe thấy tiếng nước sông đang mùa lũ. Sông đã gần bên cạnh. Ông chỉ cần tụt xuống cái dốc phủ đầy dương xỉ, cỡ độ 15 mét nữa là tới bờ sông. Chính lúc đó con báo tấn công ông.

Con báo cái, khi phát hiện ra cuộc chạy trốn, đã đuổi theo nhanh và im lặng đến nỗi nó đã chạy song song đến ngang tầm ông, mà không bị ông phát hiện.

Ông nhận phải cú sốc của chân trước con báo, lăn tròn xuống dốc. Buồn nôn, ông đứng dậy, giơ cao con dao rừng bằng cả hai tay, chờ cuộc chiến cuối cùng.

Phía trên dốc, con báo cái rối rít vẫy đuôi. Tai nó dựng lên, rung rung, đón nhận tất cả những tiếng động của rừng. Nhưng nó không tấn công ông.

Ngạc nhiên, ông già khẽ khàng cử động để tìm lại khẩu súng bị văng ra.

— Tại sao người không tấn công ta? Người làm cái trò gì?

Ông lên đạn, kéo kim hoả và nhắm vào nó. Ở khoảng cách này, ông không thể bắn trượt.

Trên cao, con thú không rời mắt khỏi ông. Bất ngờ, nó rên lên một tiếng buồn bã, mệt mỏi, rồi đứng dậy trên hai chân sau.

Tiếng trả lời yếu ớt của con đực vọng tới, rất gần. Ông già chẳng khó khăn gì không nhìn thấy nó.

Bé hơn con cái, con báo đực nằm dài dưới một gốc cây khô. Nó gầy xọp, da dính vào xương. Một bên đùi gần như bị rút đứt bởi một viên đạn. Nó thở mệt nhọc, người ta thấy rõ cơn hấp hối của nó rất đau đớn.

— Người muốn thế à? Muốn ta thương hại kết liễu đời nó? — Ông già hét lên. Con báo cái biến mất sau bụi cây.

Ông lại gần con báo đực bị thương và vuốt ve đầu nó. Con thú nặng nhọc mở một bên mắt. Xem xét kỹ hơn vết thương, ông già thấy kiến rừng đã bắt đầu ăn nó.

Ông dí nòng súng vào ngực con vật.

— Xin lỗi mày, ông bạn. Thằng Mỹ thối tha kia đã làm hỏng cuộc sống của chúng ta. — Ông bóp cò.

Ông không nhìn thấy con báo cái, nhưng ông đoán được, ở trên kia, nó trốn sau bụi cây, người rung lên bởi những giọt nước mắt như một con người.

Khi ông tới cái trại bỏ hoang của những người đãi vàng, trời đã tối hẳn. Mưa gió đã làm trôi đi tất cả những lán trại được làm bằng tre. Ông đảo mắt nhìn xung quanh và vui mừng nhìn thấy một cái thuyền độc mộc cũ nằm úp trên bãi sông.

Ông cũng tìm thấy một cái túi đựng những lát chuối khô. Nhét đầy chúng vào túi, ông luồn vào dưới bụng cái thuyền, thở phào nhẹ nhõm và nằm ngửa ra.

— Người đã gặp may mắn, Antonio José Bolívar. Người có thể bị gãy xương khi ngã xuống. Đúng thế, một may mắn thực sự, nhờ vào những bụi dương xỉ như là cái đệm ấy.

Ông kê súng và dao kề bên tay. Bụng của thuyền độc mộc khá cao, khiến ông có thể ngồi xõm dậy nếu muốn di chuyển tới lui. Chiếc thuyền này dài chín mét, trên mạn thuyền đầy những vết cào xước bởi những tảng đá sắc nơi các ghềnh nó đã đi qua.

Sắp đặt xong xuôi, ông ăn một nắm chuối khô, ngon lành hút một điếu xì-gà. Rất mệt mỏi, ông ngủ thiếp đi nhanh chóng.

Ông mơ một giấc mơ kỳ lạ. Ông thấy người mình được sơn những màu sắc sặc sỡ của con trăn, và đang ngồi bên bờ sông để hưởng thụ những đê mê của rượu natema.

Trước mặt ông có cái gì đang chuyển động trong không khí, trong cây cỏ, trên mặt nước, ở sâu dưới đáy nước. Một con vật gì đó mang tất cả các hình dạng, cùng một lúc vừa hiện ra vừa bị nuốt mất bởi những hình dạng ấy. Chúng thay đổi liên tục không để thời gian cho đôi mắt lơ đãng, mơ màng của ông kịp nhận biết. Chúng xuất hiện với hình dạng của con vẹt, sau đó

chuyển thành con cá trê mồm rộng ngoác đang nhảy lên ăn mất mặt trăng, rồi chúng rơi xuống nước mạnh mẽ như một con trăn đang quấn chặt người ông. Chúng không có một hình dạng nhất định, rõ ràng. Nhưng dù với hình dạng nào, chúng luôn luôn có đôi mắt màu vàng lóng lánh.

— Đây là cái chết của chính người đang đóng giả để bắt người. Chúng làm thế, bởi vì giờ ra đi của người chưa đến. Hãy đuổi chúng đi.

Ông thầy mo người Shuars vừa ra lệnh vừa xoa bóp thân thể ông với tro lạnh.

Những hình khối với đôi mắt vàng di chuyển khắp nơi. Chúng rời xa, bị nuốt mất bởi chân trời xanh lá cây, tan ra gần phía đường chân trời. Những bầy chim bắt đầu bay lượn và hát những lời ngợi ca hạnh phúc và bình yên.

Thế rồi chúng xuất hiện lại trong những đám mây đen đang hung hãn tràn xuống. Một trận mưa đổ xuống những đôi mắt màu vàng, treo chúng lên cành cây, làm sáng cả khu rừng với một ánh sáng màu vàng ma quái. Chúng lôi ông một lần nữa vào nỗi hoảng loạn của cơn sốt và sự sợ hãi.

Ông muốn kêu lên, nhưng nỗi sợ như một loài gặm nhấm cắn đứt lưỡi ông. Ông muốn ăn, nhưng những con rắn mỏng manh đang bay trên trời, quấn mình trói chân tay ông lại. Ông muốn quay trở lại túp lều của mình, lấy lại chỗ của mình trong tấm ảnh ông ở cạnh Dolores. Ông muốn rời bỏ cái mảnh đất tàn bạo này, nhưng những con mắt màu vàng chặn đường ông. Chúng ở khắp mọi nơi, xuất hiện cùng một lúc. Ngay cả giờ phút này, ông cảm thấy chúng đang ở ngay phía trên thuyền độc mộc. Chiếc thuyền chuyển động, lắc lư, dưới sức nặng của một cơ thể đang đi lại trên mặt gỗ.

Ông nín thở để hiểu xem chuyện gì xảy ra.

Không phải. Ông không còn ở trong thế giới của giấc mơ. Con báo cái đang ngồi trên đầu ông. Nó đang đi đi lại lại, dùng những cái vuốt bám chặt vào mặt gỗ của đáy thuyền vốn trơn nhẵn vì bị nước cọ xát. Nó đi từ cuối

thuyền ra đầu thuyền. Người ta có thể nghe thấy rất gần, tiếng thở hỗn hển bồn chồn của nó.

Tiếng nước sông, tiếng trời mưa, tiếng động của con báo là tất cả những gì nổi ông với thế giới bên ngoài. Thái độ của con thú bắt ông phải tính toán thật nhanh. Con báo thừa đủ thông minh để hiểu. Ông không chấp nhận sự thách thức giao đấu trong bóng đêm.

Nó muốn làm trò gì? Có thể những người Shuars có lý, khi họ nói tới mùi con thú.

— Mèo rừng có thể đánh hơi thấy mùi thần chết trong khi con người mang nó trên thân thể mà không biết.

Một vài giọt, rồi sau đó một dòng nước hôi hám trộn lẫn với nước mưa, xuyên qua những khe gỗ hở lọt vào trong thuyền.

Ông hiểu con báo cái đã bị điên. Nó đang đá ở trên để đánh dấu con con mồi của mình. Nó coi ông đã chết trước khi giáp chiến với ông.

Thời gian dài nặng nề trôi qua, cho đến lúc một ánh sáng rụt rè mạo hiểm chiếu vào lòng thuyền.

Ông nằm duỗi thẳng ở dưới, kiểm tra xem súng có nạp đạn sẵn sàng. Con báo cái ở phía trên vẫn đi lại không mệt mỏi, với những bước chân càng ngày càng ngắn và sốt ruột.

Dựa theo ánh sáng, ông đoán có lẽ trời khoảng giữa trưa, khi ông cảm thấy con báo bước xuống đất. Ông nghe ngóng tiếp những hành động mới của nó, cho đến lúc tiếng động báo cho ông biết, con báo đang đào cái hố dưới lớp đá, được dùng làm nền để úp thuyền.

Trườn bằng lưng, ông lúi lại tới điểm tận cùng của khoang thuyền, kịp thời gian để tránh những cái vuốt xuất hiện, thò vào sờ soạng. Ông ngừng

đầu lên, tỳ súng vào ngực, bóp cò.

Ông kịp nhìn thấy máu bắn ra từ bàn chân con thú, cùng lúc một cảm giác đau nhói ở chân phải làm ông hiểu đã không dự tính đúng được khoảng cách giữa hai chân. Những mảnh đạn gém bật lại cắm vào chân ông.

Bất phân thắng bại. Cả hai cùng bị thương. Ông nghe thấy tiếng con báo đi ra xa. Bằng con dao rùng, ông nhấc cái thuyền lên một chút đủ để nhìn thấy nó. Cách đó khoảng 100 mét, nó đang liếm cái chân bị thương.

Ông lên đạn, rồi đột ngột lật ngược cái thuyền độc mộc lên. Khi ông đứng dậy, vết thương ở chân làm ông đau ghê gớm. Con báo, ngạc nhiên, nằm dài lên trên tảng đá. Nó đang nhắm tính khoảng cách từ nó đến con mồi.

— Tao đây. Hãy kết thúc trò chơi đáng nguyên rủa này.

Ông nghe thấy mình hét lên bằng một giọng nói mà ông không nhận ra được. Cũng không biết ông nói tiếng Tây-ban-nha hay tiếng Shuars. Rồi ông nhìn thấy con báo phi vun vút trên bãi sông trông giống như một mũi tên có đốm, mặc dù một chân nó đã bị thương.

Ông ngồi xổm xuống. Con thú khi đến gần ông khoảng năm mét, liền nhảy một cú dài, nhanh và vuốt nhẹ ra.

Một sức mạnh vô hình bắt ông chờ đến khi con báo đạt đến độ cao nhất của cú nhảy mới bóp cò. Con thú dừng lại trên không, thân nó vẹo đi, rồi rơi xuống nặng nề, ngực vỡ toang bởi hai viên đạn.

Antonio José Bolivar chậm chạp đứng dậy. Ông tiến lại gần con báo chết, xúc động khi nhìn thấy thân nó bị xé nát. Ngực của con vật chỉ còn là một vết thương khổng lồ, những mảnh ruột và phổi phòi ra phía sau lưng.

Nó còn lớn hơn là ông dự đoán khi nhìn thấy nó lần đầu tiên. Mặc dù gầy đi, đó vẫn là một con thú tuyệt vời. Một cái đẹp, một kiệt tác không thể làm lại được, ngay cả trong tưởng tượng.

Ông già vuốt ve nó, quên hẳn đi cơn đau ở cái chân bị thương. Ông khóc vì xấu hổ, cảm thấy mình xấu xa, hèn hạ. Dù sao đi nữa, ông không phải là kẻ chiến thắng trong trận đấu này.

Mắt nhòa đi vì nước mắt và nước mưa, ông đẩy xác con báo ra bờ sông. Dòng sông sẽ mang nó vào trong rừng sâu, tới những nơi chưa từng bị ô uế bởi người da trắng, tới những hợp lưu của rừng Amazon, tới những cái ghềnh nước chảy xiết. Ở đó những tảng đá sắc như dao, sẽ làm nhiệm vụ xé tan nó ra, để nó vĩnh viễn nằm ngoài tầm tay của những kẻ tệt hại khốn khổ.

Ông tức giận vút khẩu súng xuống sông, và nhìn nó chìm xuống đáy không một chút vinh quang. Con thú bằng sắt tệt hại đáng phỉ nhổ nhất trong tất cả những gì thế giới đã làm ra.

Antonio José Bolivar gỡ hàm răng giả, gói nó vào khăn mùi-xoa. Ông không ngừng nguyên rửa thẳng Mỹ, kẻ gây ra cái bi kịch này, rồi nguyên rửa xã trưởng, những người tìm vàng, tất cả những kẻ đang làm nhơ bẩn sự trong trắng của rừng Amazon. Ông chặt một cành cây to làm gậy, và chống gậy đi về phía làng El Idilio, về căn nhà của mình, về với những cuốn tiểu thuyết. Những cuốn tiểu thuyết nói về tình yêu với những từ ngữ tuyệt đẹp, để đôi khi ông có thể quên đi sự dã man của con người.